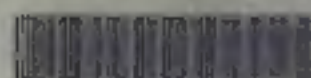


ĐC.9
T310H

TIẾP SỨC TÀI NĂNG AN GIANG

TÌM HIỂU DI TÍCH, ĐỊA DANH **XÃ HỘI AN**

(Tài liệu nghiên cứu, tham khảo)



DC.002314

XUẤT BẢN 2010.

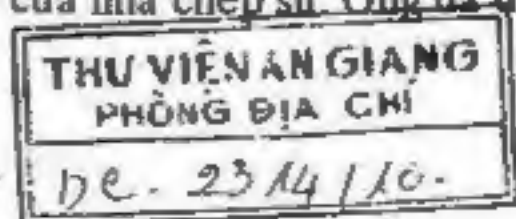
LỜI GIỚI THIỆU

Cây có cội, nước có nguồn, con người ai cũng có quê hương, bốn quán. Ở nơi đó, mái đình, ngôi trường, cây cầu, con sông, bến chợ... luôn là một phần đời sống vật chất, tinh thần của cư dân bản địa; là hình ảnh gắn bó với tuổi thơ vẫn luôn còn trong hoài niệm của những người xa xứ.

Ngày nay, nhiều làng quê yêu dấu trong tình cảm của các thế hệ cư dân đã thay đổi theo năm tháng, thậm chí chẳng còn cả tên gọi khi xưa hướng chỉ là địa mạo. Không còn tên, không còn cảnh thì nơi cha ông ta đã khai khẩn, vun bồi, gìn giữ qua bao thăng trầm lịch sử phai dần trong tâm trí của những thế hệ kế tiếp là điều không tránh khỏi.

Hiện nay, việc nghiên cứu, tìm hiểu và ghi chép địa chí để cho mọi người nhớ về nguồn cội quê hương là một yêu cầu không thể thiếu được trong quá trình xây dựng nền văn hoá Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc. Nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân từ Trung ương đến địa phương đang thực hiện công việc đó theo nghề nghiệp được Nhà nước phân công.

Tuy vậy, ở huyện Chợ Mới, An Giang, nơi Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh đã dừng chân cách đây 310 năm lại có một người dân bình thường tự nguyện làm công việc âm thầm lặng lẽ của nhà chép sử. Ông đã dày công



sưu tầm qua tài liệu thư mục, qua lời kể của các bậc cao niên để dựng lại những nét tổng thể bức tranh của làng Hội An - Cái Tân Thượng xưa và nay qua những địa danh cụ thể còn tồn tại đến bây giờ trên vùng đất xã Hội An anh hùng. Người đó chính là ông Ông Kim Khải - hậu duệ của một dòng họ đã gắn bó với bao biến cố thăng trầm của đất Hội An trên 100 năm qua.

Tài liệu *"Tìm hiểu di tích, địa danh xã Hội An"* dày 192 trang với nhiều hình ảnh phong phú ra đời trong thời điểm nhân dân ta tổ chức nhiều lễ kỷ niệm lớn hướng đến 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội như là một món quà quý của người dân An Giang nói riêng, Nam Bộ nói chung nhằm thể hiện tình cảm của những người *"Từ thuở mang gươm đi mở cõi, Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long"*.

Xin trân trọng giới thiệu Tài liệu *Tìm hiểu di tích, địa danh xã Hội An* của ông Ông Kim Khải đến bạn đọc gần xa và mong nhận được các ý kiến phản hồi để tác giả bổ sung, chỉnh sửa hoàn chỉnh trong lần xuất bản sau.

Tiến sĩ Ngô Quang Láng

Phó Chủ tịch - Tổng thư ký Hội Sử học tỉnh An Giang.

LỜI NÓI ĐẦU

Hai tiếng Quê hương đã gợi nhớ gợi thương, khiến cho người đi xa càng lâu, càng xa càng nhung nhớ. Nhớ thì nhớ, thương thì thương, nào có ai đâu tìm hiểu đến cội nguồn!

Nơi “chôn nhau cắt rốn”, ghi dấu sự hiện hữu của một đời người. Bởi lẽ, chuyện Nước đã có sử sách chép ghi. Còn chuyện Làng thì chỉ nghe mơ hồ trong lời kể!

Những việc bất gặp trong sinh hoạt hằng ngày nhưng thiếu sự ghi chép nên mọi người đều không biết. Có ai đã tự hỏi: Ngôi trường mà chúng ta đang theo học ai đã góp công, góp của để dựng xây? Và những ai đã từng dạy dỗ ông cha mình? Để từ đó sản sinh những tài năng, góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước.

Chợ là nơi diễn ra sinh hoạt hằng ngày. Chợ là biểu tượng cho diện mạo làng quê. Ấy thế mà có biết đâu Chợ làng mình đã ba lần bốc cháy và cũng ba lần hồi sinh sau cơn bão lửa!

Và dòng nước kia vẫn lớn, vẫn rộng, vẫn lặng lẽ trôi, âm thầm chở dòng nước ngọt đến cho chúng ta gánh lên uống, thế mà dân làng vẫn thản nhiên thải rác bẩn xuống lòng sông. Đôi khi tàu ghe còn thải bỏ nhớt cặn, loang cả mặt sông mà không một chút chạnh lòng! Vậy

còn có mấy ai nghĩ đến công lao của người đào kinh, khai mương mang về dòng nước ngọt?

Nhiều lắm,...

Còn rất nhiều chuyện để nói về quê hương, xứ sở của mình. Đừng để bụi thời gian làm phủ mờ di tích mà lạc dấu cội nguồn. Và cũng đừng cho rằng những gì đã qua thuộc về quá khứ. Vì tìm lại quá khứ mới biết rõ cội nguồn.

Di tích là dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất hoặc trên mặt đất, có ý nghĩa về mặt lịch sử, văn hoá. Sưu tầm, tìm hiểu về địa danh, di tích làng Hội An từ thời khai mở với mục đích nhằm "ôn cố tri tân", giúp cho những người đang sống hiểu biết thêm công sức của các thế hệ tiền bối để từ đó ra sức giữ gìn, bồi đắp cho cuộc sống ngày càng tốt hơn, cùng nhau hướng tới một tương lai xán lạn...

Xin cảm ơn các nhà tài trợ, các cơ quan hữu quan đã giúp đỡ cho quyển sách này được xuất bản và phổ biến. Mong rằng sẽ có nhiều địa phương quan tâm thực hiện công tác giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ hiểu biết về vùng đất mình đang sống để quý trọng, nâng niu và giữ gìn.

Nguyễn Hữu Khánh

Chủ tịch Quỹ Tiếp sức tài năng An Giang

Vài nét về xã Hội An

Xã Hội An có vị trí rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, nằm trên trục giao thông chính, tiếp giáp 2 tỉnh An Giang - Đồng Tháp. Đông giáp nhánh sông Tiền, Đông Nam giáp xã Mỹ An Hưng A, Đông Bắc giáp Mỹ An, Tây Bắc giáp



An Thạnh Trung. Xã có 10 ấp: An Phú, Ấp Thị 2, Ấp Thị 1, An Ninh, An Thuận, An Khương, An Thời, An Thái, An Thịnh, An Bình (Trước tháng 03/2008, Hội An có 6 ấp).

Diện tích tự nhiên: 2.314 ha; tổng số hộ: 4.778 hộ; dân số: 21.411 người. (Số liệu điều tra tháng 03/2008).

Làng Hội An được nhà nghiên cứu sử học Nguyễn Đình Đầu, trong quyển "Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn An Giang" đã cẩn thận ghi rõ: Tên của làng Hội An thời Gia Long là "Cựu Hội An thôn". Thuở ấy, trung tâm hành chính và sinh hoạt văn hoá của cộng đồng người Việt đều tập trung ở ngọn rạch Cái Nai.

Đặc trưng địa danh làng Hội An thời khai mở, nay vẫn còn những di tích của cộng đồng người Hoa gốc Triều Châu như: Triều minh Hội quán (sau này gọi là Thanh Đức cung), chùa An Long (còn gọi là chùa Phật) và địa danh "Xứ Rẫy Trầu", nay gọi là: ấp An Ninh và ấp An Thái của xã Mỹ An Hưng A. Điều này chứng tỏ cộng đồng cư dân đoàn kết, chung vai góp sức xây dựng quê hương Hội An ngày càng phồn thịnh.

Làng Hội An ngày xưa rộng lớn bao gồm các xã ngày nay như: Mỹ An Hưng A, Hội An Đông và một phần của xã An Thạnh Trung. Bởi lẽ, tên gọi "Chợ Cái Tàu Thượng, Rạch Cái Tàu Thượng" là địa danh của làng Hội An - một "cựu Thôn" đã được đo đạc, ghi chép rõ ràng từ thời vua



Minh Mạng. Năm 1867, Pháp chiếm trọn Nam Kỳ Lục Tỉnh. Sau đó, từ năm 1900 thành lập tỉnh Gia Định, Châu Đốc, Long Xuyên, Hà Tiên, Rạch Giá, Trà Vinh, Sa Đéc,...v.v..., làng Hội An thuộc về tỉnh Sa Đéc.

Tên gọi và địa giới hành chính của xã Hội An có nhiều thay đổi trong tiến trình lịch sử hàng trăm năm.

Năm 1893, Đội suất Nguyễn Trường Vọng cùng người em chú bác là Đội suất Nguyễn Trường Kỳ đề nghị chính quyền tỉnh Sa Đéc cắt một phần ở phía Bắc của làng Hội An, đoạn từ vùng Cống Rộc Sen đến xứ Tầm Vu (gần Bắc An Hoà ngày nay) để lập làng mới. Làng cũng do chính ông chỉ huy khai kinh để tháo nước ngập úng của vùng này.

Làng mới được mang tên là Hội An Thượng. Và vị Thần Thành Hoàng cũng không ai khác là ông Nguyễn Trường Huy "Hùng Kinh chi thần"¹. Đình làng Hội An Thượng tọa lạc xứ Tầm Vu, thuộc ngọn cùng của Rạch Cái Nai. Và toàn bộ ấp An Bình cũng đã thuộc về làng mới. Vì thế cho nên, đình làng Hội An ở Ngã Bát phải dời về Vàm Cái Nai, thuộc ấp An Thái.

Năm 1910, do bất đồng giữa hai hương chức kỳ lão là ông Tham thần Phạm Văn Hiếu và ông Kế hiền Bùi Văn Hội, hai ông đã cùng đệ đơn đến chính quyền tỉnh Sa Đéc xin được chia làng. Năm 1912, nhằm năm Nhâm Tý, đơn được chấp thuận.

¹ Năm 1893, đội suất Nguyễn Trường Huy qua đời, được vua Thành Thái truy phong "Hùng Kinh chi thần".

Cơ sở hành chính của làng mới ở về hướng Đông, nên gọi là Hội An Đông (trụ sở làng toạ lạc tại Mương trường học, thuộc ấp An Quới). Thuở ấy, toàn bộ ấp An Thái thuộc về Hội An Đông.

Riêng làng Cựu Hội An², cơ sở hành chính và đình thờ thần ở Vàm Cái Nai đã thuộc về địa phận của làng mới. Thế nên, trụ sở của làng phải dời về vàm kinh cô Đội (gần miếu thờ cô Đội). Còn đình, nơi thờ thần thì cũng được xây dựng gần miếu ông Hồ. Việc thờ phượng, sắc ấn thần được qui định: Làng cựu Hội An được quyền giữ lại sắc ấn của Thần và hàng năm cúng Kỳ yên theo như thường lệ là 2 ngày 13 và 14 tháng 6 âm lịch. Làng mới Hội An Đông chỉ tạm thời mượn sắc ấn để tiếp tục cúng sau làng Hội An là ngày 15 và 16 tháng 6 âm lịch.

Việc này nhiều năm tiến hành như vậy, cho đến khi ông Lê Hồng Huân, người ở Hội An Đông lên làm cai tổng của tổng An Thạnh Thượng, ông buộc làng Hội An phải giao sắc ấn cho làng Hội An Đông phượng tự, vì nhà của ông gần với đình.

Điều này đã làm cho hương chức của Hội An cứ đến ngày cúng Kỳ yên là phải khăn áo chỉnh tề, kính viếng thầy cai trước, sau đó là trình báo với chính quyền sở tại, mới đến đình thần Hội An Đông để kiểm tra sắc ấn mà làm lễ rước thần. Những nghi thức ấy kéo dài đến năm 1937, khi ông Lê Hồng Huân mất, sắc ấn được trở về như thuở chia làng.

² Đến năm 1917, trên địa bàn thôn Cựu Hội An có 3 làng: Hội An, Hội An Thượng, Hội An Đông thuộc tổng An Thạnh Thượng, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc.

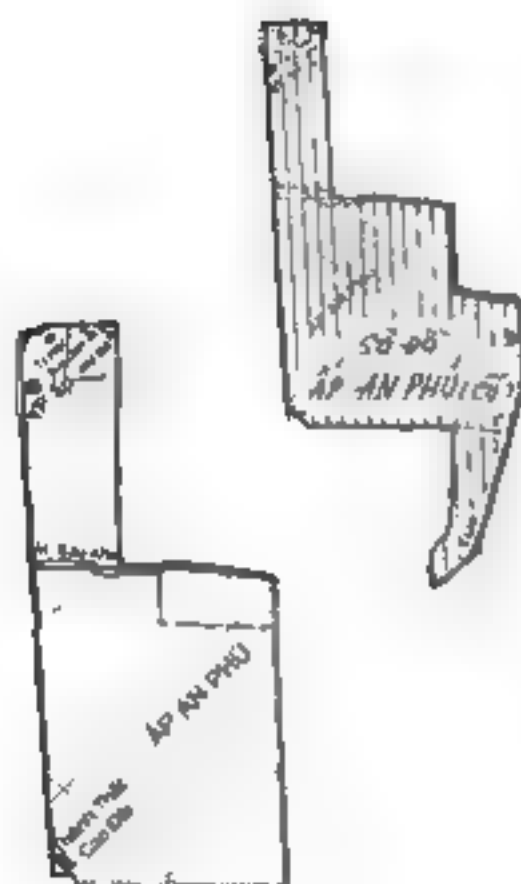
Xã Hội An đến tháng 8 năm 1945 thuộc tổng An Thạnh Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc. Trong kháng chiến chống Pháp; Hội An thuộc huyện Lai Vung, tỉnh Sa Đéc. Từ năm 1957 đến năm 1975, xã Hội An thuộc quận Chợ Mới, tỉnh An Giang. Về phía cách mạng, từ năm 1965 đến năm 1974 Hội An thuộc quận Chợ Mới, tỉnh Kiến Phong; đến tháng 9 năm 1974 thuộc tỉnh Sa Đéc. Đầu năm 1976, Hội An trở về thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cho đến ngày nay.

ĐẶC ĐIỂM CỦA LÀNG HỘI AN

Ông bà thường nói “Rừng là vàng, biển là bạc”. Làng Hội An không còn là rừng xanh từ cái thuở khai hoang lập làng, nó đã biến thành bãi dâu và ngày nay là biển lúa. Biển màu vàng, chứ không phải là biển bạc của trùng dương. Vàng ở đây cũng không phải là vàng mang bốn con số chín, một thứ kim loại được chọn làm của báu ở ngoại thân mà nó chính là thứ của báu nằm trong nội thân ở mỗi con người. Đồng thời, nó cũng là nguồn năng lượng vô biên để duy trì sự sống. Ta sống đây là nhờ vào hạt lúa, và làng Hội An đã chọn lúa làm nghề. Chính vì thế ở Hội An chỉ có xóm rẫy mà chẳng có xóm nghề gia truyền như: xóm mộc, xóm dệt. Nếu có chăng cũng chỉ là xóm lò. Đơn cử như: Xóm lò heo, xóm lò bún,...

Do sinh sống bằng nghề chuyên canh cây lúa nên chịu ảnh hưởng rất nhiều đến “mưa thuận gió hoà”. Chính điều này đã tạo cho người dân Hội An tính cách rất giàu tình cảm và đầy nghĩa tình- một thứ tình cảm dạt dào và mệnh mệnh như sóng lúa tràn đồng!

Ấp An Phú



Sơ lược về ấp An Phú

Toàn bộ ấp An Phú cũ được thêm một phần của Ấp Thị ở đầu kinh số 1, và bị cắt một phần nơi giáp ranh với ấp An Khương cũ. Vị trí hiện nay như sau: Đông: giáp nhánh sông Tiền và Ấp Thị 2, Tây giáp xã An Thạnh Trung; Nam: giáp Ấp Thị 2 và ấp An Ninh; Bắc: giáp xã Mỹ An

Diện tích tự nhiên 174,79 ha; đất Nông nghiệp: 139,86 ha có 335 hộ; dân số 1 752

người (Thống kê ngày 15 tháng 03 năm 2008)

Địa danh, di tích gồm có:

1. Kinh Cựu Hội
2. Cống Rộc Sen
3. Thánh thất Cao Đài
4. Cổ Miếu Bà Đồi
5. Nhà thờ Hội An

Kinh Cựu Hội

Dựa theo chuyện kể của thầy

Nguyễn Văn Na, sinh năm 1927,

Cựu Hiệu Trưởng trường Tiểu học Cộng đồng Hội An "A"

Kinh Cựu Hội là một đoạn kinh đào nhằm tháo nước ngập úng ở vùng trũng Rộc Sen, đồng thời cũng để phân định vị trí của làng Hội An thuộc tổng

An Thạnh, huyện Vĩnh An với làng Mỹ Lương của tổng An Toàn, huyện Đông Xuyên (nay là xã Mỹ An và An Thạnh Trung). Thế nên, gần 1 000 mét ở cuối kinh bên bờ thượng nguồn thuộc về ấp An Khương của làng Hội An cho đến ngày đất nước thống nhất

Nói đến tên gọi "Kinh Cựu Hội" nhiều người nghĩ rằng kinh này có lẽ do một vị nào đó có tên Hội được nhà nước cử đến để coi việc đào kinh hoặc tên của một hương chức, phú thương, địa chủ nào đó ở trong kinh nên lấy đó làm tên gọi.

Thầy Nguyễn Văn Na kể lại theo truyền khẩu nguồn gốc của con kinh như sau: Kinh do ngài Đội suất Nguyễn Trường Huy chỉ huy đào vào gần cuối đời vua Tự Đức, phụ tá cho ông còn có vợ chồng Thầy đội phó (không rõ tên) Thuở ấy, vợ của Thầy đội phó văn võ song toàn nên được phân công để phụ trách vận chuyển lương thực, thuốc men và dụng cụ từ Sa Đéc đến kinh đào. Chẳng

may, thuyền của bà chìm ở sông Cái lớn. Bà và toàn thể binh sĩ tùy tùng đã bị nước cuốn trôi mất tích! Sau đó, dân làng được báo mộng yêu cầu lập miếu thờ bà.

Để tưởng nhớ công lao, dân làng lập miếu thờ bà gần vàm kinh. Lúc bấy giờ con kinh chưa được hoàn thành mà người đời đã gọi là kinh Cô Đội, miếu cô Đội.

• Vì sao kinh Cô Đội lại gọi thành kinh Cụ Hội?

Để làm sáng tỏ về tên gọi, người sưu tầm tìm gặp ông Trần Công Vinh, hiện đang cư ngụ sau miếu Bà Đội. Được biết, gia tộc của ông Vinh đã nhiều đời cư ngụ tại nơi này. Hơn nữa, thân phụ của ông cũng đã từng làm xã trưởng của làng Hội An ở cuối đời Pháp thuộc. Ông cho biết, xưa kia trụ sở của làng đặt gần miếu Bà Đội (nay là trường học). Nơi làm việc của các cụ hương chức, gọi là nhà Hội. Vì lẽ ấy, người đời gọi là kinh Cụ Hội. Còn việc gọi là Cụ Hội? Ông Vinh cho rằng do thói quen phát âm nên chữ Cụ thành Cừ, chữ Cái thành Cãi như Cụ Hội gọi trại ra là Cừ Hội, chợ Cái Tàu thành Cãi Tàu.

Qua hai lời kể trên, chúng ta nhìn lại bối cảnh làng Hội An để rõ hơn. Năm 1912, làng Hội An bị chia làm thành 2 làng Hội An và Hội An Đông. Đình thần đang thờ phượng tại vàm Cái Nai đã thuộc về địa bàn của làng mới. Thế nên, làng Hội An phải thờ thần ở tại miếu thờ ông Hồ. Trụ sở của làng đặt gần miếu thờ Cô Đội. Đây là thời kỳ đầu của việc tách rời đình với làng, đánh dấu một nền hành chánh biệt lập mà làng Hội An được xem như là tiêu biểu.

Bởi lẽ, đình thì phải có "Ban tế tự" để chăm lo việc phương thờ thần. Còn làng thì phải có "Ban Hội tế" là guồng máy cai trị của thực dân Pháp, nơi làm việc của làng người dân thường gọi là nhà Hội

Nhà Hội được thành lập không mang lại lợi ích cho dân mà chỉ mang đến những nỗi lo âu, sợ sệt. Bởi lẽ, chính quyền thực dân đang ra sức mộ phu cho các đồn điền cà phê, cao su và tuyển lính để cung ứng cho các chiến trường có Pháp tham dự trong cuộc chiến tranh Thế giới lần thứ I (1914-1918). Không những vậy, việc mua bán, mỗi thứ đều phải đóng thuế. Thậm chí như bản thân của mỗi con người còn phải bị đóng thuế thân. Cũng chính vì những lý do nêu trên mà người dân rất lo sợ khi bị gọi đến nơi này. Chẳng khác nào âm độc của chữ Hán Nho (cụ cơn gió lốc, Hội rối ruột), ghép lại Cụ Hội tức là cơn gió lốc làm rối ruột.

Ở đây gọi là Kinh Cụ Hội, cách gọi này mang tính ẩn dụ của người thời ấy, vừa tỏ thái độ tôn kính và chỉ rõ nơi chốn làm việc của làng, vừa bày tỏ nỗi kinh hoàng của người dân mỗi khi bị chính quyền gọi đến.

• **Vì sao Kinh Cụ Hội lại gọi là Kinh Cựu Hội?**

Năm 1927, trụ sở của Ban Hội Tế (tức nhà hội mới) được xây dựng tại đầu chợ Cái Tàu Thượng. Và trong quan hệ Dân với Chánh quyền luôn diễn ra nơi nhà hội mới. Khi ấy tại vòm kinh Cụ Hội không còn là nơi làm việc của các cụ hương chức. Thế nên, người dân đã gọi là Kinh Cựu Hội (tức Kinh có nhà hội cũ)

Cống Rộc Sen

Muốn biết vì sao lại gọi là Cống Rộc Sen, chúng ta cần phải chiết tự để làm rõ cội nguồn.

Cống: công trình ngầm hoặc lộ thiên để nước tự chảy qua, dùng vào việc tháo nước hoặc điều tiết nước (ở đây là một vùng trũng chứa nước ngập úng, điểm tiếp giáp để tháo nước ra nhánh sông Tiền là Kinh Cựu Hội)

Rộc: (nghĩa chữ) Lạch nhỏ mà cạn, chỉ vùng đất trũng thấp ở dựa mé nước đất Giồng.

Sen: Cây mọc ở nước, lá to tròn, hoa màu hồng hay trắng, nhụy vàng, hương thơm nhẹ. Hạt sen, củ sen, ngó sen dùng để ăn.

Căn cứ vào tên đã gọi Cống Rộc Sen và dựa vào địa hình đã có (nay vẫn còn trũng thấp so với các nơi khác) thì

Xưa kia, khu vực này thuộc về địa phận khai phá của làng Hội An. Trong những ngày mùa mưa, nước lũ nơi đây là một vùng "biển nước ngập rừng" và bị ngập úng ngay cả vào mùa khô nắng.

Do hoàn cảnh địa lý nói trên nên thích hợp với môi trường phát triển của sen- một loại cây thiên nhiên thường mọc ở nơi bùn lầy, nước đọng. Ngày nay, chúng ta cũng vẫn còn nhìn thấy sen mọc ở những nơi ao hồ chung quanh khu vực này.

Việc đào kinh Cựu Hội, vừa là để phân định vị trí của làng Hội An và Mỹ Lương (nay là An Thạnh Trung và

Mỹ An) đồng thời, nó cũng nhằm vào mục đích tháo nước ngập úng ra sông Bồi lễ, phần cuối của con kinh là điểm hội tụ của một vùng trũng thấp, mà chung quanh chỉ mênh mông những nước. Thế nên, sau khi đào kinh địa thế nơi đây đã trở thành hồ cống, thu hút nước ngập úng của các chỗ đổ về. Từ đó, biến đoạn nước cuối kinh trở thành miệng cống thoát nước ra nhánh sông Tiền qua ngã kinh Cựu Hội.

Có trận trở vì quê hương, chúng ta mới thấm thía được những giọt mồ hôi của tiền nhân là quý báu. Từ một vùng đất trũng thấp, quanh năm ngập úng đã được khai thông, những cụm rừng tràm đã lần hồi biến mất, để thay vào đó là những bãi dâu, ruộng lúa bạt ngàn.

Bên cạnh đó, con kinh Cựu Hội đã đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của cộng đồng cư dân. Đồng thời, hằng năm nó cũng đã mang lượng lớn phù sa về đây góp phần nâng cao vùng đất trũng. Thêm vào đó, nhiều thế hệ tiền bối cũng đã đào mương, lên liếp để làm rẫy lập vườn, với quyết tâm biến vùng trũng thấp thành nơi trù phú, để dân cư sống yên ổn mà làm giàu. Và quyết tâm này, được thể hiện qua việc phân ấp để đặt tên là An Phú.

Hiện nay, hầu hết cư dân đều gọi là Cống Rộc Sen có khi gọi tắt là Cống Sen, thậm chí còn viết là Cống Rọc Sen. Vì thế cho nên, chúng ta cần phải đối chiếu chữ Rọc với chữ Rộc để so sánh. Trên cơ sở đó, mới làm sáng tỏ được tên gọi của một địa danh.

Trước hết là chữ Rọc: nghĩa của nó là cắt dài theo chỗ gấp lại, chẳng hạn như rọc giấy, rọc lá chuối. Ở đây, chữ ghép là Rọc Sen. Trong khi, lá sen, bông sen, ngó sen thì phải cắt (dùng vật bén làm cho đứt ra), hái (ngắt lấy, bẻ lấy), ngắt (dùng hai móng tay mà bấm cho đứt ra)

Như vậy, Sen không thể rọc được. Bởi lẽ, lá sen thì phải còn nguyên mới dùng gói thịt, cá, mắm, muối Cong cần phải dài để cuộn lại thành lọn. Củ sen để nguyên mới bán được

Chỉ có chữ Rọc, vì nghĩa của nó là con rạch lâu ngày bị bồi lắng hoặc vùng đất trũng thấp ở các mé ruộng. Ở đây chữ ghép là Rọc Sen

Chỉ có vùng trũng thấp như rạch cạn, nơi lắng đọng phù sa tạo nên bùn lầy. Đây mới chính là môi trường sống và sự phát triển của cây sen, như vậy tên gọi Rạch Sen hay Rọc Sen, tuy là gọi khác nhau nhưng cả hai cùng có chung một nghĩa

*** Tên gọi Rọc Sen với Rạch Sen**

Cách phát âm gần như giống nhau, nhưng cả hai đều khác nghĩa. Dựa trên thực tế, tên gọi cổng Rọc Sen là một sự tổng hợp bao gồm về địa hình lẫn thực vật đang có, mà tiền nhân của chúng ta đã lấy đó mà làm tên để gọi. Cũng nhờ thế, mỗi khi nhắc đến cổng Rọc Sen hậu sinh của chúng ta cũng đã hình dung được nơi đây xưa kia là một hồ cổng có rất nhiều cây sen mọc. Và khung cảnh “ngàn sen đua nở” vô cùng yên tĩnh và hữu tình.

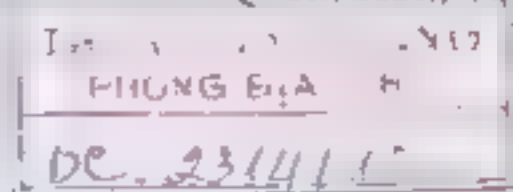
THÀNH THẤT CAO ĐÀI



Dựa theo tài liệu nghiên cứu
của Huỳnh Văn Phấn, xuất bản năm 1962
nguyên là chức việc Cao Đài
liên lạc với các đạo khác và học hỏi

Thành Thất Cao Đài tọa lạc ở kinh Cửa Hai, là nơi
tôn thờ đạo và cũng là trụ sở của Ban đại diện Cao Đài
Ban Chưởng Giáo tỉnh An Giang, trực thuộc Tòa Thánh
ở An Hội, tỉnh Bến Tre

Sở dĩ có thêm cụm từ "Ban Chính Đạo" vì hiện nay,
đạo có đến 12 chi phái Cao Đài đang hành đạo. Do có sự
khác biệt nhau về Kinh Thế Đạo như Quan, Hồn, Tạng.



Tế³ và hôn cả hệ thống in sừ từ cấp địa phương đến Toà Thánh Tây Ninh của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Toà Thánh Bến Tre của Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương. Vì thế bốn đạo ở Hội An mỗi khi hành lễ phải xuống Thánh thất Cao Đài trong ngon Đất Sét (nay là xã Mỹ An Hưng B) mới có chu phái của Bến Tre. Tuy có nhiều chu phái nhưng hầu hết tín hữu Cao đài đều là "tu sĩ tại gia" và thờ Thiên Nhân (mặt phía trái) Tôn danh để gọi Thiên Nhân là Thầy.

Năm 1948, để tạo điều kiện thuận lợi trong việc lễ bái, bốn đạo Hội An đã phát tâm đóng góp được ba trăm gia hĩa và ủy quyền cho ông Trần Văn Ôn cùng với ông Nguyễn Văn Tư, thay mặt bốn đạo mua lại hai mẫu đất của ông Lê Văn Oai làm công quỹ phước điền. Đồng thời, xây dựng trên phần đất ấy một Thánh Thất đơn sơ bằng vật liệu tre lá.

Năm 1951, Thánh Thất được xây cất lại bằng gỗ thao lao và vách ván.

Năm 1967, nhằm năm Đinh Mùi, Thánh Thất Cao đài đã được đồng đạo đóng góp để xây dựng khang trang như ngày nay.

³ Quan, Hôn, Tang, Tế là những chữ viết tắt mang ý nghĩa như sau.

Quan	Dạy sự nhân thức về mối quan hệ trong cộng đồng, xã hội.
Hôn	Việc gả cưới, hôn nhân và gia đình.
Tang	Những nghi thức để chôn người chết.
Tế	Cách thờ cúng ông bà và những nghi thức Lễ Đạo.

Cả Tiểu Ba Đới



Đền thờ cha mẹ kế của thi sĩ Nguyễn Văn Ngọc

Là một di tích tọa lạc gần Vạm Kinh Cầu Hơi. Di tích này đã từng gắn liền với tên của con kinh tế thuật bán đũa. Mối Cờ Hơi Kinh Cờ Đới.

Sự liên lạc của Ba Hơi từ bây giờ nay đã khiến cho các em học sinh một phần hết lòng phụng sự. Đến đây, ngôi miếu đã không trang vách xây gạch, tường quét vôi, nền lát gạch. Trên nóc ghi rõ bốn chữ "Cổ miếu Ba Đới" hàng ngày khói hương nghi ngút.

Vậy Ba Đới tên gì? Quê ở đâu? Những câu hỏi đời thường ấy của rất nhiều người ngộ nhàn. Để việc ghi chép được rõ ràng hơn, người sưu tầm đã hỏi, qua nhiều vị cao niên về miếu Ba Đới. Hỏi hết đến khi đã phục tâm phục vụ sự hiến lịch của ba. Còn nguồn gốc từ ai đến.

mạch lạc như thầy Nguyễn Văn Na như đã trình bày ở phần kinh Cựu Hội. Tuy vậy, cũng được biết thêm quê hương của bà ở tận miền Trung thuộc tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ vào truyền khẩu “Xưa kia bà cùng với binh sĩ tùy tùng đã mất tích ở ngoài sông Cái lớn, khi từ Sa Đéc về hướng kinh đào”.

Sự mất tích nói trên đã khiến cho hậu sinh chúng ta vô cùng thương tiếc và lấy làm thắc mắc Thương tiếc người làm công vụ bị tử nạn! Còn thắc mắc, vì bà vốn sinh trưởng ở miền Trung, nơi thường đối mặt với thiên tai bão lụt, chẳng lẽ nào sông nước Cửu Long vốn hiền hoà lại nhấn chìm thuyền của bà? Trong khu binh sĩ tùy tùng là những người cường tráng lại thạo việc sông nước, để vừa chèo chống, vừa chiến đấu bảo vệ tài sản cấp trên giao phó. Và nếu như bị chìm thì việc bơi vào bờ là chuyện bình thường, có đâu toàn bộ lại bị chết một cách oan uổng?

Vậy, chúng ta thử tìm về sông Cái lớn, kiểm tra lại từ điểm xuất phát ở Sa Đéc mà thầy Nguyễn Văn Na đã kể trong phần kinh Cựu Hội. Để từ đó, kiểm chứng lại xem thảm hoạ của hơn trăm năm về trước có đúng với những lời đã truyền khẩu.

* Căn cứ vào quyển Địa bạ triều Nguyễn (phần ghi chép về tỉnh An Giang) của nhà sử học Nguyễn Đình Đầu thì

Làng Hội An thuộc tổng An Thanh, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang. Hệ thống hành chánh

này không thay đổi từ thời vua Minh Mạng cho đến đầu thời kỳ Pháp thuộc (1867) Trụ sở của huyện Vĩnh An cũng như trụ sở của phủ Tân Thành đều đặt tại thôn Vĩnh Phước (ở Sa Đéc).

Căn cứ vào bia mộ của ông Nguyễn Trường Huy được vua Thành Thái truy phong là "Kiên công đồ uý" - một võ quan cao hơn cấp tn phủ hai phẩm. Trên cơ sở này, chúng ta có thể hình dung ra được thời điểm đào kinh, ngài Đỗ suất Nguyễn Trường huy và ông Đội phó (chồng bà Đội) đã lãnh đạo về quân sự của phủ Tân Thành.

Thuở ấy, Sa Đéc rất phồn thịnh. Là trung tâm thương mại hàng đầu của miền sông nước Cửu Long, nơi giao lưu hàng hoá ở trong nước, lẫn ngoài nước như Lào và Chân Lạp đều tập trung tại nơi này. Trong điều kiện hành chánh và thương mại ấy, Sa Đéc chính là điểm xuất phát để chở lương thực, dụng cụ và thuốc men về nơi đang đào kinh.

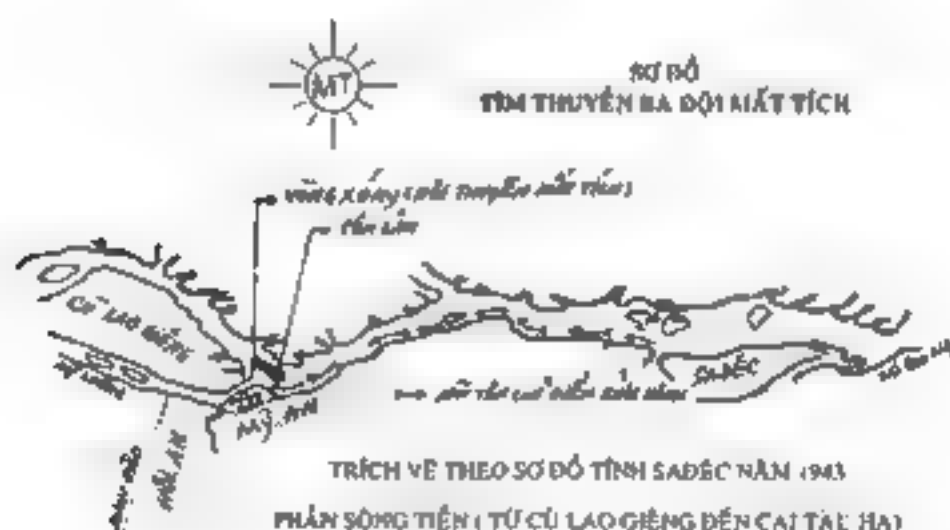
Tuy vậy, nơi mất tích là ở sông Cái lớn mà truyền khẩu thì không kể rõ tại nơi nào? Phải chăng là ở chỗ Ba Mũi? Một ngã ba sông hiểm nguy, đã từng cuốn hút rất nhiều thuyền bè của những người xứ lạ.

*** Sơ lược về Vòng Xoáy Ba Mũi**

Theo truyền khẩu của nhiều bậc cao niên ở rạch Cái Dứa, thuộc ấp Bình Phước, xã Bình Phước Xuân mô tả thì, "Xưa kia, vòng xoáy là một hình quặng khổng lồ, có đường kính hơn hai mươi mét, trung tâm của vòng xoáy sâu hằng mấy mét".

Chuyện xưa cũng kể rằng, nơi vòng xoáy ấy có một cái hang thật to và thật sâu. Sự bí ẩn này, đã được người thời ấy đo thử bằng cách thả một trái dừa khô ở trên dòng nước. Đến khi trái dừa bị vòng xoáy cuốn hút, một người ở mé sông gần đó, dùng cây sào có treo một cái khăn để đưa lên cao mà làm tín hiệu. Đồng thời, lúc ấy cũng bố trí nhiều xuống canh ở dưới dòng, khoảng cách mỗi xuống canh vừa đủ một tầm nhìn. Khi nào nhìn thấy quả dừa nổi lên, thì đưa cao ngọn sào có treo khăn làm tín hiệu. Kết quả, trái dừa đã nổi lên ở làng Tân Mỹ (khoảng gần chợ Cai Châu). Tuy vậy, cũng có người kể nổi lên ở Nha Môn (Cái Tàu Hạ).

*** Sự hình thành và hiểm nguy của Vòng Xoáy ở Ba Mũi.**



TRÍCH HÌNH VẼ TRONG QUYỂN "NGHIÊN CỨU ĐỊA BA TRIỆU, NGUYỄN"
CỦA NGUYỄN ĐÌNH ĐẮC

Căn cứ vào bản đồ tỉnh Sa Đéc do người Pháp vẽ vào năm 1943 giúp cho chúng ta nhận diện rõ hình thể của con sông Tiền (sông Cái lớn). Trong đó, vị trí của Cù lao Giêng đã làm phân lưu dòng chảy, tạo thêm một nhánh sông. Nhánh sông này chảy từ Mỹ Luông đến chợ Cái Tàu Thượng (sông Cái nhỏ), thì lại cong ở phần đuôi (đoạn từ bờ cuối làng Tân Phước với đoạn đầu bờ làng Tòng Sơn) Nay là bãi bồi của ấp Bình Tấn, xã Bình Phước Xuân và bến lữ ở ấp An Bình của xã Mỹ An Hưng "A".

Đối diện với hai nơi này còn có Cồn Lân (nay là xã Tân Thuận Đông, thuộc về thành phố Cao Lãnh) Cồn này nằm giữa sông, làm ngăn cản dòng chảy. Và cũng chính cù lao này đã làm rõ nét địa thế của ba mũi. Từ đó, góp phần tạo nên sự hiểm nguy cho vòng xoáy Bồi lế, lượng nước của nhánh sông Tiền chảy từ Mỹ Luông xuống chợ Cái Tàu Thượng đã bị toàn bộ ấp An Bình của làng Tòng Sơn cản lại. Khi đến ngã ba thì đã chảy cong theo đuôi của Cù lao Giêng. Cho nên, nước có khuynh hướng ngược dòng. Sự tuôn chảy của hai dòng nước giao nhau tại ngã ba sông đã tạo thành một vòng xoáy mãnh liệt và không ngừng theo chiều Bắc, Tây, Nam, Đông.

Đến khi nước ở thượng nguồn cạn kiệt, làm cho hình dáng của con sông Tiền cũng phải gầy đi, để lộ ra những thặng trầm của các bãi ven sông. Bên lở thì trở toàn là cát, còn bãi bồi thì đậm đặc chất phù sa.

Những lúc triều cường, nước biển của bốn cửa sông như Xoài Rap, Cửa Đại, Hàm Luông, Cung Hầu, tất cả đều tập trung đổ thẳng vào một con sông Tiền nhỏ bé, lại đang lúc teo gầy. Vì thế cho nên nước mặn đã đẩy lùi nước ngọt trở về thượng nguồn. Khi đến làng Mỹ An (nay là xã Mỹ An Hưng "B"), đã bị phần đuôi của Cồn Lân cản lối. Từ đó, nước dồn lại nhiều hơn ở đoạn sông Mỹ An, Tân Tịch. Trong khi ở khu vực Ba Mũi, đang cần một lượng nước rất lớn mới đủ cung cấp cho các sông rạch đang hồi cạn kiệt.

Sự khô cạn của những chi lưu trực thuộc sông Cái lớn và nhánh sông nhỏ nằm trên phần thượng lưu đã thu hút dòng chảy ở đoạn sông Tòng Sơn- Cồn Lân càng chảy nhanh hơn mới đủ cung cấp. Và khi nước đưa đến Ba Mũi, sức hút của sông Cái lớn với sức hút của nhánh sông Cái nhỏ tạo thành một vòng xoáy theo chiều hướng "Nam, Đông, Bắc, Tây". Vòng xoáy này càng mãnh liệt và nguy hiểm mỗi khi gặp lúc triều cường, có kèm theo gió chướng.

* Căn cứ vào ngày 16 tháng 3 âm lịch hàng năm là ngày cúng vía của bà. Chúng ta cũng nên kiểm tra lại, để hiểu rõ về hoàn cảnh lâm nạn của bà.

Ngày 16 hằng tháng là chu kỳ của triều cường, tháng 3 âm lịch là thời điểm của mùa gió chướng. Và đây cũng là mùa khô cạn, rất thích hợp cho việc đào kinh. Trong bối cảnh thời tiết ấy, đã làm thuyền của bà gặp phải nguy hiểm mà mất tích. Bởi lẽ, lộ trình của bà đi từ Sa Đéc đến kinh đào đã thuận buồm để xuôi theo dòng

nước mà ngược về hướng thượng nguồn. Khi đến ngã ba sông, gặp phải gió chướng khiến cho những đôi tay lực lưỡng mà không thể điều khiển được dây buồm, cộng thêm những đôi tay cố sức để chèo cũng không làm sao lái được con thuyền đang say mê trong vũ điệu “vòng xoay” trước khi lặn sâu và mất hút!

Những lý do nêu trên, chúng ta có thể hình dung ra được Bà Đồi chìm thuyền và mất tích ở chỗ Ba Mũi, nơi tiếp giáp phần sông của ba thôn thuở ấy là Tân Phước, Tòng Sơn, Tân Thuận. Nay gọi là xã Bình Phước Xuân, Mỹ An Hưng “A” và Tân Thuận Đông.

Cho đến sau này, ven bờ của ấp Bình Tấn (phần ở nhánh sông Cái nhỏ) mỗi ngày cứ bồi ra. Trong khi bờ của ấp An Bình thuộc về xã Mỹ An Hưng “A” (phần tiếp giáp sông Cái lớn và sông Cái nhỏ) bị sụt lở. Hiện tượng bên bồi, bên lở đã làm thay đổi dòng chảy, đến năm 1979, nước đã thuận dòng. Từ đó ở Ba Mũi người ta cũng không nhìn thấy vòng xoay như ngày nào, vì sự hiểm nguy đã trôi theo dòng nước. Và thảm họa xưa kia cũng vùi sâu trong quá khứ.

Hơn trăm năm nay Bà Đồi vẫn mãi mãi huyền linh. Ngoài ngày lễ cúng vía 16 tháng 3 hàng năm, mỗi ngày rằm đều có người dâng hoa quả cúng bái. Không những thế, nhiều người được Bà linh ứng phù hộ cũng đã đến đây để cúng tạ lễ. Những gia đình cư ngụ gần miếu, hàng ngày cũng thường đến thắp hương để tỏ lòng thành kính.

Nhà Thờ Hội An



Lúc bèn đi, Nhị còn nấn vịn tay vào gờ cửa từ để
câu đùa Cánh Lâu Hết rồi, đợi đợi y Lang nữa nên nghĩ
Tuyên Trưng Hầu

Lúc đi qua là Nhà Hào, cũng được te chỉ là nhà cũ
nguyên của gia đình ông Hồ Văn Cánh, người ta chờ Cánh
lại lương và gia đình cũ rồi Trương Thị Nui ngủ ở
bên kia sông gần vịnh rạch, lòng sợ cơn biến của họ
gia đình, công gào đến không đủ trên mười ngàn tay.
Nhưng cũng thành lập được một nhà cũ nguyên để làm
hành lễ đạo

Thửa ấy chu vi của nhà cầu nguyện chỉ độ chừng hai
lăm mét vuông, nền đất, vách ván, mái tôle, xây cất xen
kẽ với cư dân ngoại đạo. Nhà cầu nguyện chỉ tồn tại
được một năm thì chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ,
khiến cho nhà cầu nguyện trở nên vắng vẻ. Hồi ấy, cũng
không ai nhớ rõ là đã tháo dỡ từ bao giờ.

Năm 1969-1970, giáo phận ở Long Xuyên đã cấp
kinh phí để xây dựng nhà cầu nguyện trên phần đất của
công điền (gần bến đò Cái Tàu qua ấp Bình Tấn). Lần
xây cất này bằng vật liệu tường xây gạch, cột cây, mái
ngói và nền tráng ciment. Chu vi cũng thừa sức chứa gần
ba mươi giáo dân ngoại đạo đang làm ăn, sinh sống tại
khu vực chợ Cái Tàu.

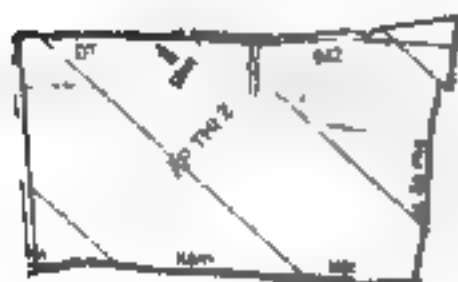
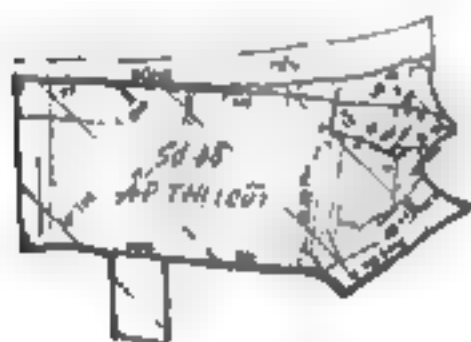
Năm 1994, khu vực Kinh mới nằm trong qui hoạch.
Vì lẽ ấy, nhà nước đã bồi thường hai mươi triệu đồng để
di dời Nhà nguyện. Trong hoàn cảnh ấy, thầy Trang - chủ
của một trại cây ở xã Mỹ Lương mua lại nền nhà của bà
Ngọc Bửu, ngụ tại ranh ấp An Phú với Ấp Thị, chiều dài
là 90 mét và chiều ngang rộng 15 mét, trị giá là 85 chỉ
vàng 24K.

Trên cơ sở đã có mặt bằng, linh mục Nguyễn Hùng
Sơn ở nhà thờ Cồn Phước, đã vận động giáo dân của địa
phận Mỹ Lương đóng góp để xây dựng Nhà thờ khang
trang vào năm 2000. Đây cũng là niềm hân diện của
gần năm mươi giáo dân ở Hội An khi đến nguyện kinh
vào những ngày chúa nhật.

Ấp Thị 2

Sơ lược về Ấp Thị 2

Được Ủy Ban Nhân dân tỉnh An Giang thành lập vào ngày 15 tháng 3 năm 2008 từ hơn 2/3 diện tích Ấp Thị cũ và bị cắt một phần giáp ranh ấp An Phú, ấp An Ninh cũ. Vị trí hiện nay như sau. Đông giáp nhánh sông Tiền; Tây giáp ấp An Phú và ấp An Ninh, Nam giáp Ấp Thị 1; Bắc giáp ấp An Phú. Diện tích tự nhiên 208,52 ha, đất Nông nghiệp 143,81 ha, có 671 hộ với 2 739 người (Thống kê ngày 15 tháng 03 năm 2008)



Địa danh, di tích gồm có:

1. Đình thần Hội An
2. Mương Đình
3. Miếu ông Hồ
4. Mương Ba Đơn
5. Trạm cấp nước.
6. Mương Bà Phú

ĐÌNH THÂN HỐI AN

Dựa theo truyền khẩu

Lúc ban đầu đình tọa lạc tại ngã Ba Sạn đó, tức là một phần ở phía Bắc của làng Hối An để lập làng Hối An Thượng lên được dời về nam rạch Cai Na (khu trường học bây giờ)



Đình thờ Bốn Cảnh Thanh Hoàng được sắc phong vào ngày 29 tháng 11 năm 1852, nhằm năm Nhâm Tý thuộc về năm thứ 5 đời vua Tự Đức (đầu mùa an cư vua Minh Mạng)

Việc phong sắc thần cho làng là điều cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu khai hoang để phát triển vùng đất mới, cơ sở cho đất nước và giữ vững một vương triều. Nó vừa

là nơi sinh hoạt văn hoá trong dân gian vừa là điểm dựa về mặt tinh thần để dân chúng sống an cư lạc nghiệp và thể hiện lòng biết ơn của một triều đại đối với vị công thần. Từ đó làm nền tảng để phát triển lòng trung quân ái quốc, đất nước mới được an lạc thái bình.

Khu tách làng, đình thần Hội An được dời về Ấp Thụ để xây dựng trên khu miếu thờ ông cả Hồ Miếu này xưa kia do ông Trần Văn Thang lập nên. Sau đó, ông Nguyễn Ngọc Liêu là con rể, được cha vợ cho phần đất gần với miếu. Lúc bấy giờ, ông Liêu là một Hương giáo của làng, đã tự nguyện hiến lại 4 000 mét vuông đất để xây cất ngôi đình.

Trong kháng chiến chống Pháp, thực hiện chủ trương "Tiêu thổ kháng chiến" nên đình thần bị phá sập. Đến năm 1953 nhân dân đóng góp để xây dựng lại.

Nhận thấy ngày 14 và ngày 15 tháng 6 âm lịch cúng Kỳ Yên là ngày chay lạt, trong khi cúng thần là phải giết trâu, làm heo với mỡ bò nên vì lẽ ấy đã dời lại ngày 16 và 17 tháng 6 âm lịch cúng Kỳ Yên ở làng Hội An và ngày 18, ngày 19 cúng Kỳ Yên ở làng Hội An Đông.

*** Các giai đoạn trùng tu**

Ông Nguyễn Văn Đăng- cựu Hương bộ của làng, đã tự nguyện hiến thêm phần đất giáp ranh để được rộng thêm 4 mét, chạy dài từ cổng đến sau đình là 30 mét.

Năm 1967, nhằm năm Đinh Mùi, Ban Tế Tự đình thần cùng với chánh quyền thời ấy xây dựng mới để làm rộng thêm phần võ ca (tức hội trường, sân khấu), cất thêm nhà

bếp, xây lại cổng đình. Đồng thời, khắc lên cổng bốn chữ (âm nho) đọc từ phải sang trái là “Hội An Vũ Miếu”

Năm 1997, vợ chồng ông Đinh Văn Cường- một Việt kiều Mỹ quê ở xã Mỹ Lương, đã tự nguyện đứng ra trùng tu Đình thần Hội An, gồm những công việc như sau:

- Đúc mới bệ thờ Hữu ban⁴, Tả ban⁵
- Đúc mới bệ thờ Tiền hiền⁶, Hậu hiền⁷
- Đúc mới bệ thờ Tiền vãng⁸, Hậu vãng⁹
- Xây mới Đông miếu¹⁰, Tây miếu¹¹
- Xây mới Tiền bia¹², Hậu bia¹³
- Xây mới nền thờ Xã Tắc¹⁴

Ngoài ra, còn có ông Nguyễn Văn Bé (tên thường gọi là Mười Ty) Ông Ty là một doanh nhân mua bán lớn

⁴ Hữu ban: Thờ vị quan văn hữu cận của Thần

⁵ Tả ban: Thờ vị quan văn tả cận của Thần

⁶ Tiền hiền: Nơi thờ phượng những người đời trước đã có công mở mang khai khẩn.

⁷ Hậu hiền: Nơi thờ phượng những người đời sau đã có công nối tiếp và xây dựng

⁸ Tiền vãng: Nơi thờ phượng những vị trong Ban Tế Tự đời trước đã có công phụng tự Thần.

⁹ Hậu vãng: Nơi thờ phượng những vị trong Ban Tế Tự đời sau, đã có công phụng tự Thần.

¹⁰ Đông miếu: Thờ Bạch Mã Thái giám (ngựa trắng là biểu tượng của Thần Mặt trời, Mặt trời diều hâu vũ trụ).

¹¹ Tây miếu: Thờ Ngũ Hành Ngũ Hành gồm có, Kim tính, Mộc tính, Thủy tính, Hỏa tính, Thổ tính.

¹² Tiền bia: Thờ Thần hổ, có khắc 10 hai chữ Hán (âm nho), đọc từ phải sang trái là “Quang Huy, hương y nghĩa chói sáng, rực rỡ

¹³ Hậu bia: Thờ Thần rồng vị thần trông coi ngành nông nghiệp

¹⁴ Xã Tắc: Theo Hán- Việt từ điển của Đào Duy Anh thì: “Thuở xưa, dựng nước tại qui trọng nhân dân. Dân cần có đất để ở, nên lập nên Xã để tế Thần Hậu thổ Dân cần ăn để ăn nên lập nên Tắc để thờ Thần Nông, nên gọi Xã Tắc còn có nghĩa là Quốc gia”

nhất tại chợ Cái Tàu Thượng và cũng là người đã từng mượn nơi Hội trường của đình làm kho chứa vật tư nông nghiệp, đã ủng hộ gạch tàu để lát lại phần bề mặt của sân khấu.

Năm 2006, ông Nguyễn Hữu Khánh (út Vũ), nguyên Bí thư Tỉnh ủy An Giang, đóng góp và vận động một số cơ quan, công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để huy động tiền kể cả vật hiện dùng trong xây dựng Ban Tế tự đình thần Hội An cũng đã vận động nhân dân đóng góp. Đồng thời, chánh quyền địa phương trích ngân sách để cùng nhau cất mới ngôi đình

Lần xây cất này, dựa trên đồ án của kỹ sư Nguyễn Hoàng Dũng (con ông Nguyễn Hữu Khánh) hiến tặng, gồm có như sau:

- Sân đình:

+ Xây mới Đông miếu, Tây miếu

+ Phá bỏ hình tượng Thần Hổ, để thay vào Lân và hai chữ Quang Huy, cũng được thay thế vào hai con Sư tử

Lân là biểu tượng của hiền tài, nhằm phát huy “địa linh nhân kiệt”, tạo sự phú quý cho quê hương xứ sở

Sư Tử làm tôn thêm cảnh uy nghiêm cho ngôi đình

+ Làm lại nền Xâ Tác (thêm tượng thờ Thần Nông, vị thần trông coi ngành Nông nghiệp).

- Nội đình:

+ Xây mới nơi thờ Thần

+ Xây mới các bệ thờ

+ Xây mới hội trường và sân khấu

Năm 2009, ông Nguyễn Hữu Khánh tiếp tục đóng góp và vận động để xây tường rào chung quanh và làm lại cổng đình (1 cổng chính và 2 cổng phụ)

- Hậu đình:

+ Cất thêm tây lang, phía trái để làm nhà đãi ăn

*** Những Hương chức Trong Ban Tế Tự Đình Thần**

1 Hương Văn 2. Hương Lễ 3 Hương Nhạc

4. Hương Bái, gồm có: Chánh bái (đứng đầu), Bồi bái, Huyền bái, Tiếp hiến

Ngoài ra, còn có một Từ Đình Người này trực tiếp quét dọn, chăm sóc và lo hương khói trong đình

Hơn ba mươi năm nay, chánh quyền và nhân dân Hội An Đông vẫn luôn tin nhiệm ông Võ Văn Chắp (tức Sáu Chắp) cư ngụ tại ấp An Ninh, xã Hội An lo việc phụng tự và bảo quản sắc thần

*** Sắc thần của làng Hội An**

Bản chép âm Hán- Nho, gồm có 81 chữ như sau.

Sắc “Bốn Cảnh Thành Hoàng”

Chi Thần.

Nguyên Tể quản hậu chánh trực, hựu Thiên chi thần Hộ quốc tỳ dân, nhằm trừ hinh ứng, tứ kim phù ứng, cảnh mệnh miễn niệm Thần hựu. Khả giả Tể quản hậu, chánh trực hựu Thiên đơn ngưỡng chi Thần. Nhưng Chuẩn. Vĩnh An huyện, Hội An thôn. Y phẩn phụng sự Thần kỳ tương hộ, bảo ngã lệ dân.

Khâm tại:

Tự Đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhự thập Cửu nhật.

(mộc ấn của vua Minh Mạng)

Tạm dịch Sắc Thần Hội An

Sắc (truy phong) Thần

Bốn Cảnh Thành Hoàng

Vốn là

Thần Tăng Quản Hậu Chánh Trực Hựu Thiên

Có công gách vác việc

“Phò nước, giúp dân”

Xứng danh được ban bằng vàng, khắc ghi tường nhớ
lập miếu thần

“Tăng Quản Hậu Chánh Trực Hựu Thiên” là thần
duy nhất

Chuẩn đứng nơi thôn Hội An, huyện Vĩnh An

Nhiệm vụ Phụng việc sứ thần và đảm trách việc dạy
báo dân lành

Khâm sai (đã đóng dấu, ký tên)

Ngày 29 tháng 11 năm thứ 5 Tự Đức

(Ấn Vua Minh Mạng)

Bản dịch của sư cô Như Bảo chùa Phổ Chiếu H. A. Đ

Mương Đình

*Dựa theo chuyện kể của ông
Nguyễn Bá Tông, sinh năm 1931
(tên thường gọi là Ba Triệu), cư ngụ
gần đình Hội An. Ông Triệu là cháu
nội của ông Nguyễn Ngọc Liệu¹⁵*

Được thừa hưởng đất đai của cha mẹ vợ, ông Nguyễn Ngọc Liệu đã xây dựng nhà ở trên phần đất được chia. Đồng thời, ông cũng đã tổ chức đào mương để lấy nước tưới tiêu và sử dụng trong sinh hoạt gia đình.

Năm 1912, đình thần từ vằm Cái Nai được Ban Hội tế thống nhất dời về Ấp Thị nhưng chưa tìm được nơi để xây dựng đình. Thuở ấy, ông Nguyễn Ngọc Liệu làm Hương giáo trong Ban Hội tế đã tự nguyện hiến 4.000 mét vuông đất ở cạnh mương nhà ông để làm mặt bằng cho ngôi đình. Từ đó về sau, con mương được mang tên là Mương Đình. Mương Đình dài khoảng 1.000 mét, thông với con kinh số 1, dẫn đến mương Hội Đồng và rạch La Kết.

¹⁵ Ông Nguyễn Ngọc Liệu sinh năm 1863, nhậm năm Quý Hợi, tại thôn Hội An, tổng An Thạnh, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang.

Ông kết hôn cùng với bà Trần Thị Lưu nên được chia thừa kế điền sản của cha vợ là ông Trần Văn Thương.

Lúc sinh thời ông làm Hương giáo của làng hội An, trụ sở tại tại vằm Cái Nai. Đến khi đình Hội An được xây dựng cạnh nhà của ông, thì được để cử thêm chức Chánh bái trong Ban tế tự đình thần.

Ông mất vào năm 1961, hưởng thọ 98 tuổi. Bài vị của ông được trân trọng đặt ở bên thờ Hậu vằm nơi ghi nhớ những người có công phương tự Thôn.

Miếu Ông Hồ

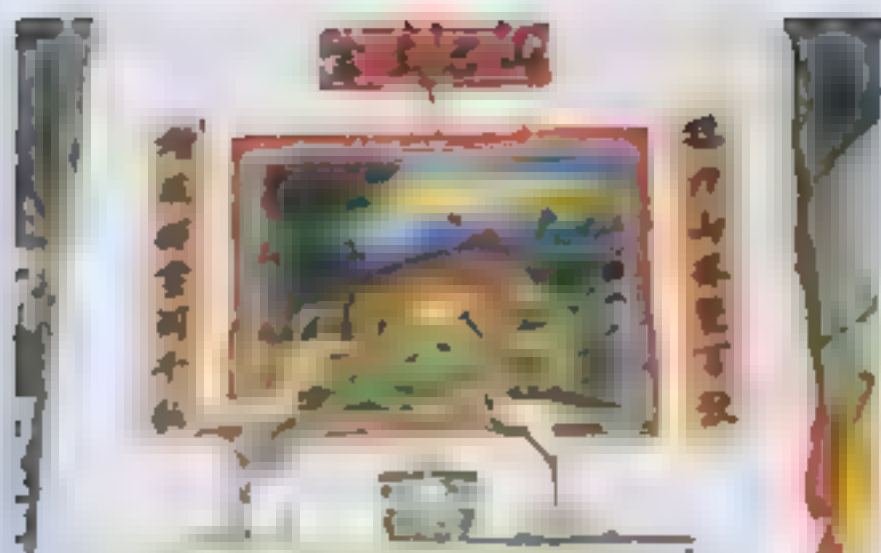
*Dựa theo chuyện kể của ông
Nguyễn Bá Tòng (tên thường gọi là Ba Triệu)
sinh năm 1931, cư ngụ gần đình Hội An*

Kể từ năm 1867, thực dân Pháp chiếm lấy Nam Kỳ, làng Hội An thuộc tổng An Thạnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc

Nhằm tổ chức lai guồng máy cai trị từ cấp cơ sở, Pháp thành lập Ban Hội tế Lãnh đạo Ban Hội tế là Hương cả Những vị Hương cả đầu tiên làm việc cho Pháp, tương truyền đều bị Hồ vỗ mất xác Vì lẽ ấy, không có ai dám lãnh chức Hương cả Sau đó, một địa chủ họ Phạm¹⁶ (không rõ tên), đã đỡ đỡ cho Hồ trong lúc sanh khó, được Hồ đền ơn một con nai để trước cửa nhà

Từ ấy, con cháu của người họ Phạm vào rừng chỉ bị Hồ liếm tóc mà không ăn thịt. Thế nên Ban Hội tế đề nghị cấp trên cử người họ Phạm làm Hương cả của làng. Còn Hồ thì làm "cả danh dự" Đồng thời, lập miếu thờ ông cả Hồ trên phần đất hiến của ông Trần Văn Thang gần nhánh sông Tiền.

¹⁶ Chỉ biết ông Phạm Văn Hiến là Hương cả cuối cùng của dòng họ Phạm. Đồng thời, ông cũng thừa kế ruộng đất ở Ấp thu và ấp An Ninh. Lúc tỉnh thời, ông ghe đi làm đến Thơm Thôn và làng hội An chỉ có duy nhất một Thơm Thôn.



* Chuyện xưa kể rằng:

Hàng năm, mỗi lần cúng miếu Hoi te phải cắt sẵn một con heo dâng tạ ở trước miếu và để trên khay một tờ đề cử¹ của khoá tới. Nhiều lần, tờ cử hồ trỉ lại, tờ cử thì tha đi. Tuy là kiêng sợ, nhưng cũng không sao t. của khoá sợ to mồm. Vì lẽ ấy mà những người gan dạ, có võ nghệ có tài xem lúc nào ông cả Hó vào miếu để nhai và đốt tờ cử, sau đó tha đi con lợn. Nhưng chẳng ai dám thử, tiếng đồn lan nhanh, tạo nên sự huyền kỳ trong dân chúng. Nhờ vậy nên mới có người hiến kê.

Nam san, dân làng phủ trợ, nên phải clang quanh một tờ đề cử hương di của Hó. Đồng thời, đặt ở trong miếu là một mâm bồng dâng cơ bôn chân. Bên trên mâm là "thư vi lợn"² (thay thế cho heo sống) và một tờ đề

¹ Đề cử là tờ giấy ghi tên người làm đại diện cho Ban Tế lễ dâng lễ ở miếu Hoi te là Hoàng di.

² Thư vi lợn là tờ giấy ghi tên người hiến kê. Công việc này cũng tiến hành trong miếu cũng trên một con heo.

cử Các Hương chức cũng xếp đặt cho trai tráng làm những chòi cao gần miếu nhằm tạo sự an toàn trong việc quan sát. Tuy vậy chẳng ai thấy ông cả Hồ xuất hiện. Ấy thế mà, sáng sớm mỗi người đều nhìn thấy những dấu chân của ông cả Hồ in lẫn vào miếu. Kiểm tra lại đã thấy mất thủ vĩ lợn với tờ đề cử làm khoá tới. Còn tờ đề cử của khoá vừa rồi thì được Hồ trả lại!

*** Sự thay đổi ở Miếu thờ Ông Cả Hồ.**

Năm 1953, nhằm năm Quý Tỵ, đình Thần Hội An được cất mới. Miếu thờ ông cả Hồ cũng được xây lại bằng gạch hồ ở được rộng chừng 4 mét vuông, nằm bên hông trái của đình.

Mãi đến năm 1967, nhân dịp mở rộng để xây mới hội trường, sân khấu và làm lại hàng rào cổng Đình, đồng thời làm thêm nhà bếp ở bên hông phải nên miếu thờ ông cả Hồ đã bị phá bỏ. Vì lẽ ấy, sự oai nghi của ngày nào được vẽ to trên tường, để thờ dâng trong miếu. Sau đó, vẽ nhỏ lại trên thiếc và đóng trang thờ tại nhà bếp (bên hông phải của đình)!

Năm 2006, đình thần được xây dựng mới hoàn toàn và có cất thêm phần Tây lang (làm nhà đãi ấu) nên thần Hồ được vẽ lại, đóng khuôn và xây bệ thờ

Mương Ba Đan

*Dựa theo chuyện kể của ông Ngô Văn Don,
sinh năm 1919, ngụ tại mương.*

Lúc ban đầu chỉ là mương ranh nhằm để phân định đất đai của họ Phạm với họ Bùi

Mương nhỏ mà dài. Bởi lẽ ranh đất đến đâu mương theo đến đó. Mãi cho đến khi ông Ngô Văn Quới¹⁹, là con rể của thầy giáo Phạm Văn Hanh²⁰, thừa kế phần bờ mương ở hạ nguồn và thầy giáo Bùi Thái Toán²¹ thừa kế phần đất ở bờ thượng nguồn, thì tại đầu con mương được mở rộng ra để lấy nước sinh hoạt cho gia đình ông Quới và ông Toán.

Thuở ấy, ông Bùi Thái Toán là thầy giáo dạy học ở trường làng nên người đời gọi là mương thầy giáo Toán. Do phát âm không chuẩn nên có người gọi là thầy giáo Tán. Có người lại nghe mơ hồ về tên thầy giáo Tán mà gọi trại thêm là thầy phó Tán, làm mất đi nghề nghiệp của một con người!

Ông Bùi Thái Toán bỏ nghề dạy học để làm xã trưởng. Do thâm hụt tiền công quỹ, ông phải bán đất lại

¹⁹ Thầy giáo Phạm Văn Hanh chỉ sinh được 2 người con gái. Ông Quới là con rể đầu lòng, được cha vợ cho phần thừa kế.

²⁰ Tiểu sử có ghi rõ ở phần Trường Tiểu Học "A" Hội An.

²¹ Là bác ruột của ông Bùi Văn Khả (tên thường gọi là Sơn Hoàng), Thầy Toán dạy chữ Pháp và cũng rất giỏi chữ Hán.

cho người trong thân tộc là Bùi Ngươn Nhung²² Từ đó, ông Nhung cho thuê để thu địa tô trên phần đất này

Ở bờ mương hạ nguồn, ông Ngô Văn Quới cũng có người bà con là ông Đinh Văn Muôn²³ về đây làm nghề thợ rèn. Và lò rèn cũng được đặt tại đầu con mương. Vì thế cho nên, người đời không còn gọi là mương thầy giáo Toán mà lại gọi là mương lò Rèn. Một cái tên rất cụ thể và cũng dễ nhớ!

Hồi ấy nơi đây còn vắng vẻ. Âm thanh của búa đe không thấu đến tai người. Thế nên, lò rèn của ông Muôn trở nên vắng khách, công việc làm ăn ngày càng ế ẩm. Ông Muôn đã phải ngậm ngùi chia tay ông Quới để tìm đến gần mương Hội Đồng mà lập nghiệp

Cũng trong thời gian này, ông Dương Văn Cò đã thuê lại phần đất của ông Bùi Ngươn Nhung để lập nên một vườn trầu khá qui mô. Lúc bấy giờ, trầu cau còn là "Sơn môn truyền thống của người phụ nữ Việt Nam". Thế nên, trầu càng tươi đỏ trên môi của các cô, các bà thì càng tô hồng thêm cho cuộc sống gia đình của ông Cò. Và con mương đã góp phần tưới mát những nọc trầu

Ở phía hạ nguồn, ông Ngô Văn Đon phát triển làm rẫy, lập vườn. Từ đó, con mương được làm rộng ra, sâu hơn để mang nước ngọt với phù sa tiến vào đồng nội, lúa, bắp, rau, khoai của nông dân cũng được vận chuyển

²² Lúc sinh thời, ông làm Hương giáo của làng Hội An. Thân phụ của ông là Hương cả Bùi Quý Ngọt, anh cả Hương cả Bùi Ngọc Chuyền.

Ông Nhung có người con thứ ba là Bùi Văn Lương, làm Bộ trưởng Bộ Nội Vụ thời Tổng thống Ngô Đình Diệm.

²³ Ông truyền nghề cho con là Đinh Văn Bạc. Ông Bạc là thầy của các lò rèn đang hành nghề trong rạch Cối Tân Thượng.

theo ngã này. Lại thêm trong mương đã có trầu ông Cò nổi tiếng nên có người gọi mương Ba Cò.

Khi ông Cò qua đời, vườn trầu nhà ông cũng lần hồi héo úa. Vợ con của ông Cò dời nhà đi nơi khác. Chỉ còn lại ông Đon bám đất, bám vườn. Từ ấy và cho đến bây giờ người đời đã lấy tên của ông mà gọi là mương Ba Đon.

* Đặc điểm của Mương Ba Đon.

+ Mương dài nhất

+ Mương được gọi nhiều tên nhất trong các mương của xã Hội An

+ Mương có ít hộ gia đình sinh sống.

NHÀ MÁY NƯỚC CÁI TÀU THƯỢNG (FONTAINE DE CÁI TÀU THƯỢNG)

*Dựa theo chuyện kể của ông
Phạm Văn Xê, sinh năm 1930,
cựu phó chánh văn phòng
Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp.*

Nhà máy nước Cái Tàu Thượng được thành lập vào năm 1937, do sự vận động của Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bỉnh²⁴. Đây là một trong năm máy lọc nước bơm bằng tay của tỉnh Sa Đéc.

²⁴ Và hiện tại có ghi ở phần Trường tiểu học "A" Hội An

Theo lời kể của ông Phạm Văn Xê, cán bộ hưu trí của tỉnh Đồng Tháp thì thân phụ của ông là ông Phạm Văn Dành²⁵ người đã trông coi nhà máy nước từ khi được thành lập và cho đến lúc ngừng sử dụng.

Thuở ấy, tiền lắp đặt và chi phí hàng tháng như phèn, thuốc sát trùng, lương bổng cho người trông coi máy nước đều trực thuộc vào sự cấp phát của Sở Trường tiền

* Cấu trúc và cách sử dụng Nhà máy lọc nước.

Nhà máy được lắp đặt trên một nền trảng Ciment rộng chừng 9 mét vuông, vị trí lệch về dãy phố hướng đông, cách bến chợ khoảng 15 mét²⁶, được ông Phạm Văn Xê mô tả như sau. Một hồ nước hình ống cao đến 3 mét, có đường kính là 1 mét 50, vành hồ dày đến 15 cm được đúc bằng ciment cốt thép trộn với đá cuội (đá dái). Hồ này có đặt một đường ống xuống sông, tại đầu ống có gắn một clapet. Công dụng của clapet là hút nước khi bơm lên và giữ nước lại khi ngưng. Để ngăn rác cũng như lục bình vướng lại làm nghẹt đầu clapet, người ta đã xây một cái u hình tròn, chung quanh có làm hàng rào để cho ghe xuống biết mà né tránh.

Thuở ấy, hằng ngày ông Phạm Văn Dành đến để cân phèn với thuốc sát trùng bỏ vào ở phía trên của hệ thống lọc nước, đồng thời sử dụng đôi tay đẩy tới kéo lui cần

²⁵ Sinh năm 1906, nhằm năm Bính Ngọ, tại ấp An Ninh, thuộc làng Mỹ An, tổng An Thạnh Thượng, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là ấp An Ninh, xã Mỹ An Hưng "A" huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Ông là người đã trông coi nhà máy nước từ khi được thành lập cho đến lúc ngừng sử dụng.

²⁶ Nay là 25 mét

bơm theo hướng vòng cung cho đến khi đầy ngấn lằng lọc. Sau đó, nước sẽ được lằng trong ở phần ngấn dưới. Áp sát với hồ hình tròn là một hồ hình chữ nhật. Cạnh đáy dài 80 cm, rộng 60 cm, cao đến 2 mét. Hồ này dùng để chứa nước đã lằng trong. Tại đây người ta có gắn một robinet (vòi nước) để sử dụng.

Trong kháng chiến chống Pháp, thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, nhà máy nước bị phá bỏ phần nửa ở phần trên. Năm 1958 chính quyền Sài Gòn kiến thiết chợ Cái Tàu phá tan phần dưới. Tuy vậy, di tích này cũng vẫn còn in rõ ở phần cuối của chân nền.

Năm 1982, chính quyền cùng với nhân dân đóng góp để tráng bê-tông sân chợ, thì dấu tích còn sót lại của nhà máy nước bị chôn vùi!

*** Trạm cấp nước**

Năm 1989, nhằm năm Kỷ Tỵ, điện lưới quốc gia về đến Hội An. Một năm sau đó, tức năm 1990, trạm cấp nước được hình thành. Ông Trần Chiến Thặng- người quê ở ấp An Ninh của xã Hội An, đã trúng thầu kinh doanh điện nước.

Lúc ban đầu, trạm bơm nước đặt gần bãi sông cái nhỏ, cách bến đò Cái Tàu qua ấp Bình Tấn khoảng 70 mét về hướng thượng nguồn. Hệ thống chuyển nước được lắp đặt bằng những ống nhựa cao cấp, chôn sâu ở dưới đất. Và nước của trạm bơm đến với người tiêu dùng phải qua một thủy kế (gọi là đồng hồ nước). Hàng tháng nhân viên của trạm đến ghi chỉ số thủy kế, trên cơ sở đó

tính theo mét khối nước đã sử dụng để qui ra thành tiền
Thời điểm này, nước được motor bơm thẳng đến người
tiêu dùng mà không qua lắng lọc

Năm 1996, trạm cấp nước được dời lên phía trên
(khoảng giữa mương Bà Phú với mương Ba Đon) Lần này,
cơ sở cố định nên có xây nhà trạm trên phần mặt bằng Đã
có đến 4 hồ chứa nước, mỗi hồ có 4 cạnh là 2 mét

Nước ở dưới nhánh sông Tiền được bơm lên đầy cả 4
hồ bằng motor có sức kéo khoảng 5 mã lực. Khi nước
của 4 hồ này lắng trong, nhân viên của trạm lại tiếp tục
bơm lên 2 bồn chứa đặt ở trên cao nhằm tạo áp suất để
đẩy nước đến với người tiêu dùng.

Hiện nay, trạm cấp nước được nhập vào tổ quản lý
diện của khu vực 4 (gồm Hội An, Hoà An, Hoà Bình và
An Thạnh Trung)

Mương Bà Phú

*Dựa theo chuyện kể của ông
Nguyễn Văn Bắc, sinh năm 1948,
hiện cư ngụ tại mương Bà Phú*

Mương nằm cách chợ Cái Tàu Thượng khoảng 300
mét về hướng thượng nguồn. Ban đầu là lối mòn của
đàn voi tìm đường ra sông để uống nước, lâu ngày hình
thành mương cạn. Bà Phú về đây khai mở vùng này

Nếu như không làm rõ về nguồn gốc vẫn có nhiều người hiểu lầm Bà là vi hôn phối chánh thất của ông Nguyễn Văn Phú- một địa chủ làm Hương hào thời Pháp thuộc. Bởi lẽ, ông Phú có gia cư và điền sản gần với nương Bà Phú.

Tìm đến gia đình ông Nguyễn Văn Huệ- là con thứ mười thuộc về đời vợ sau của ông Nguyễn Văn Phú, được ông khẳng định tên của Bà Phú có từ nhiều đời trước. Còn tên của phụ thân ông thì sau này Hơn nữa, má lớn của ông cũng không phải tên là Phú! Người sưu tầm còn đến tận nương để hỏi thăm xem những hộ gia đình nào đã nhiều đời lưu cư. Trong số đó, có ông Nguyễn Văn Bắc- là cháu cố của ông Nguyễn Văn Lừa (làm Cai quản²⁷ thời Pháp thuộc). Hơn nữa, các cháu của ông phần đông đều lưu cư, dọc theo bờ hữu ngạn của nương này. Và nếu tính theo niên kỷ ở hàng cháu cố ông Lừa, thì hiện nay người tuổi nhỏ nhất đã gần sáu mươi, còn người cao tuổi thì đã ngoài tám chục. Trên cơ sở, chuyện kể về nguồn gốc nương bà Phú do ông Cai quản Lừa lưu truyền cho con cháu đến nay là đáng tin cậy.

***Chuyện kể về Bà Phú**

Tương truyền, xưa kia bà đã cùng với gia nhân già gao để nấu cháo nuôi quan quân của triều đình. Căn cứ vào độ tuổi của ông Nguyễn Văn Đỗ, thuộc đời cháu cố của ông Nguyễn Văn Lừa thì ông sinh trưởng trong

²⁷ Tên chức thời kỳ đầu Pháp thuộc, trông coi và quản lý về tài nguyên của địa phương như: Lâm (khai phá rừng), Ngư (đánh bắt cá).

những năm đầu Pháp tấn công đánh Nam Kỳ. Lúc bấy giờ nước ta ở giữa đời vua Tự Đức. Câu chuyện về Bà Phú tuy rằng “quá xa xưa”, nhưng cũng nhờ có ông Cai quản Lừa làm gạch nối. Từ đó, đã thể hiện rõ nét một chuỗi thể hệ lưu cư lập làng cải tạo mương rạch, giúp cho hậu thế của chúng ta có được một cái phao vững chắc để lội ngược thời gian mà tìm về nguồn gốc.

Trước hết, chúng ta giả sử Bà Phú sinh trưởng và chết cũng ở tại nơi này nên người đời mới gọi là mương Bà Phú.

Nếu như thế, chắc chắn ông Cai quản Lừa sẽ được ông bà đời trước cho biết mồ mả hoặc là khu vực đã chôn Bà Phú. Bên cạnh đó, ông Lừa cũng có thể biết đầy đủ về các cháu của Bà Phú đang sinh sống ở trong mương hoặc cùng một khu vực. Đó là chưa kể đến những người hàng xóm cùng thời với ông, cũng được biết rõ như ông. Hai sự việc nêu trên, ông Lừa đã không biết và các cháu cố của ông cũng đã khẳng định điều này.

Chúng ta truy tìm về việc Bà Phú đã nấu cháo nuôi quan quân của triều đình thuộc đời vua nào?

Đây là một sự kiện có liên quan đến lịch sử. Thế nên, chúng ta cũng cần phải kiểm tra lại truyền khẩu để đối chiếu với lịch sử hầu làm sáng tỏ vấn đề này. Trên cơ sở ấy, chúng ta tạm chọn năm 1836 để làm cột mốc, là dựa trên lịch sử khai hoang và sự định hình các thôn xã. Thuở ấy, triều đình Minh Mạng đã tổ chức đo đạc ở Nam Kỳ lục tỉnh. Trong đó, tên địa danh, tên làng, tên

từng loại đất canh tác, khu vực nào còn là rừng, thậm chí đến số mét đất của mỗi người với những chi tiết như đồng, tây tử cần cũng được ghi chép rất rõ ràng và đầy đủ trong địa bạ của triều Nguyễn.

Song song với vấn đề này, hệ thống hành chính từ cấp hạ tầng như thôn, xã đến tổng, huyện, phủ, tỉnh đều ổn định. Do điều kiện địa hình xa xôi, triều đình nhà Nguyễn lập những kho lương thực rải rác để nuôi quân. Nhờ vậy những lần tấn công của quân Xiêm đều bị quân ta đánh bại.

Căn cứ bối cảnh lịch sử kể trên, tính từ thời vua Minh Mạng trở về thời vua Thiệu Trị và Tự Đức thì Bà Phú sẽ không có cơ hội để nấu cháo đãi cho quan quân của triều đình. Bởi, việc quân lương đều do các địa phương đảm trách. Hơn nữa, các doanh trại đều có "tích thảo đồn lương".

Còn nếu như trở ngược lên đời vua Gia Long thì thuở ấy đất nước cũng đã thống nhất. Dân chúng sống yên ổn và bờ cõi thanh bình. Hệ thống hành chính của đất Phương Nam cũng đã thành hình. Nếu như quan quân có lỡ đường thì việc cơm nước thuộc về trách nhiệm của chánh quyền sở tại.

Vậy thì Bà Phú đã nấu cháo cho quan quân nào ăn? Và lý do nào không có mỗ mã cũng như con cháu của Bà Phú lưu cư ở trong mơng? Chẳng lẽ người xưa đã lưu cấu về nhân vật Bà Phú? Những nghi vấn nêu trên khiến chúng ta nhớ lại thời oanh liệt của một Nguyễn Huệ anh

hùng, đã đánh tan chúa Nguyễn ở đàng trong và truy tìm đến tận Long Xuyên.

Vì vậy có truyền thuyết là bà đã nấu cháo nuôi tàn quân của chúa Nguyễn Phúc Thuần trên đường trốn chạy quân Tây Sơn. Thế nhưng địa danh Long Xuyên lúc bấy giờ lại chính là đảo Long Xuyên thuộc trấn Hà Tiên, đảm trách khu vực Cà Mau, Bạc Liêu ngày nay Còn Long Xuyên ngày nay thì thời bấy giờ là Thủ (đồn phòng thủ) Đông Xuyên, địa danh có từ năm 1789, thuộc đạo Tân Châu (lúc bấy giờ đặt tại Cù Lao Giêng) của dinh Long Hồ. Do đó sự kiện Chúa Nguyễn chạy qua Long Xuyên chính là theo sông Cái lớn từ cửa Bồ Đề (biển Đông) sang cửa Ông Trang (biển Tây) để ra đảo Phú Quốc.

Như vậy chuyện Bà Phú nấu cháo nuôi quân chỉ là một trong nhiều truyền thuyết để cất nghĩa vì sao có địa danh Mương Bà Phú, mà thôi

***Đặc điểm của Mương Bà Phú**

Do địa thế mương gần với chợ, thêm vào đó sự thành hình con mương từ rất lâu đời. Nếu tính chiều dài con mương để so với mật độ cư dân nơi đây là cao nhất (chỉ đứng sau khu vực chợ Cái Tàu)

Ngoài việc phát triển dân số trong cộng đồng, mương Bà Phú lại còn mang bản sắc tộc họ. Cụ thể là phía tả ngạn thuộc tộc họ Lê (tiêu biểu là Hương cả Lê Thành Sư), bên hữu ngạn thuộc gia tộc họ Nguyễn (tiêu biểu là ông Cai quản Nguyễn Văn Lừa)

Hai họ tộc uói trên là sở hữu chủ của một con mương. Đã có nhiều đời lưu cư, lưu canh và có công tiếp nối sự nghiệp khai phá của Bà Phú lúc ban đầu Thế nên, sự trân trọng công lao khai mở của Bà Phú mà tên của con mương luôn mang tính độc tôn.

Và trong những năm chống Mỹ ác liệt, khu vực của mương Bà Phú là một trong những chốt điểm rất quan trọng của lực lượng cách mạng, để đối kháng với chánh quyền thời ấy.

***Sự phát triển của Mương Bà Phú**

Nhận thấy tại vàm mương Bà Phú (bờ hạ nguồn), mặt trước giáp nhánh sông Cái nhỏ, mặt sau gần với lộ, bên hông lại là mương Thế nên, vào năm 1939, ông Nguyễn Thành Tây²⁸ là chủ của nhiều nhà máy xay lúa ở Cao Lãnh đã mua lại phần đầu của con mương để lập một nhà máy xay lúa²⁹ cho con gái tên Nguyễn Thị Thà. Đây cũng là lần đầu tiên làng Hồi An phát triển ngành công nghiệp, góp phần làm phai nhạt hình bóng của cối chày Từ đó, ghe xuồng ở các vùng lân cận đều đến để chen nhau bốc thảm chờ đến lượt xay lúa

²⁸ Là anh bạn rể với ông Lê Kim Thành (tức là ông Hồi đồng Hia)

²⁹ Nhà máy được thành lập trong thời kỳ Đế quốc Thế chiến (1939-1945). Đây là giai đoạn mà thế giới đang gặp bức khốn hiểm đang dần tới cả đều tập trung để cùng ứng phó chiến tranh)

Trong hoàn cảnh ấy, người ta phải sử dụng lại loại máy chày bằng hơi nước. Nhiên liệu của loại máy này là các chất đốt như thối củi hoặc trấu dùng để đun sôi nồi Piston

Riêng các nhà máy xay lúa lớn hết đều sử dụng chất đốt bằng trấu của nhà máy

Nhà máy hoạt động được vài năm do bất cẩn gây hoả hoạn, làm tiêu huỷ toàn bộ tài sản hồi môn của bà Nguyễn Thị Thà. Nhìn sự nghiệp phút chốc biến thành tro than, bà chủ nhà máy đã quản trí trầm mình tự vẫn.

Những năm 60, cũng tại nơi đây ông Ông Tài Hồng (người đời thường gọi là Mười Tài) đã xây dựng lại một nhà máy xay lúa, có công suất lớn hơn, phẩm chất từ lúa ra gạo lại tốt hơn, khiến cho khu vực này trở nên ồn ào náo nhiệt. Sau giải phóng, chánh quyền địa phương đã tiếp quản nhà máy Tài Thành.

Ấp Thị 1

Sơ lược về Ấp Thị 1

Gần một phần ba diện tích của ấp Thị cũ thuộc về ấp Thị 1. Hình thể không thay đổi, ranh của ấp Thị 1 và ấp Thị 2 là Mương Bà Phú. Ấp Thị 1 là trung tâm hành chính và thương mại của xã Hội An

Vị trí hiện nay như sau: Đông giáp nhánh sông Tiền; Tây giáp ấp An Ninh; Nam giáp xã Mỹ An Hưng "A"; Bắc giáp ấp Thị 2

Diện tích tự nhiên là 95,10 ha, (đất nông nghiệp là 53,67ha), có 728 hộ, với dân số là 3 295 người (Thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008).



Địa danh, di tích ấp Thị 1 gồm có:

1. Trại Y Tế
2. Khu Dân cư
3. Đất công điền.
4. Đò Cái Tàu
5. Nhà Bảo Sanh.
6. Xóm Việt Kiều.
7. Trường Trung học tư thục Hồng Đức
8. Trường THPT Huỳnh Thị Hưởng
và Trường PTCS Hội An
9. Bia tưởng niệm Huỳnh Thị Hưởng.
10. HDND, UBND xã Hội An
11. Nhà bia tưởng niệm Anh hùng liệt sĩ
12. Xóm Cồn.
13. Rạch Cái Tàu Thương
14. Cầu đúc Cái Tàu Thương.
15. Bùn điền Hội An.
16. Chợ Cái Tàu Thương
17. Bà Hai Chủ Chợ.
18. Trụ sở Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo
19. Cầu nhỏ sau chợ.
20. Xóm hàng Me
21. Trường tiểu học "A" Hội An
22. Sân Bến Bà Huyện
23. Sân Vận động.
24. Am Bảy Bà.
25. Chùa Bà Lê (Phước Hội Tư)
26. Mộ Tháp Bà Đỗ Thị Ngọc
27. Mương Hôi Đồng

TRẠM Y TẾ



Là nơi cấp phát thuốc và sơ cứu nạn nhân trước khi được đưa đến bệnh viện. Tuy vậy nghĩa của nó là như vậy nhưng ở thời kỳ chiến tranh xa Hoi An vẫn chưa có một Trạm y tế biệt lập để làm tròn chức năng của nó, các việc sơ cứu và cấp phát thuốc đều đặt tại nhà của cán bộ y tế. Thế nên, người dân cũng còn ngần ngại khi gặp lúc như sự. Hơn nữa theo thói quen những bệnh thông thường người dân luôn đến các tiệm bán thuốc tây mua về dùng hoặc đi đến chỗ y tá tư mỗ điều trị.

Thực tế là như vậy. Công việc phát đến nhà của cán bộ y tế được đặt làm trạm để cấp phát thuốc uống thì hầu như ai cũng si diển. Đồng thời tâm lý của người dân an ổn nghĩ rằng "Thuốc viên trời không bằng thuốc của tư nhân mua qua nháp kia r".

Sau giải phóng, thuốc Âu được thời kỳ cấm vận trở nên khan hiếm. Nhà nước cũng đã khuyến khích nhân dân sử dụng đến thuốc nam cổ truyền. Nhờ vậy, những tổ thuốc nam từ thiện mọc lên khắp thôn xóm.

Thuở ấy, Trạm y tế của xã được đặt tại nhà ông Bùi Ngọc Thiên³⁰ ở Chợ Cái Tàu Thượng.

Trạm y tế hoạt động được một thời gian cũng chưa phát huy được hiệu quả trong cộng đồng. Bởi lẽ, lúc ấy không có đủ thuốc và nhân viên tay nghề chưa cao. Sau đó, cơ sở của Trạm được giao lại cho Ban quản lý Hợp tác xã mua bán làm văn phòng. Ít lâu sau, Trạm y tế dời về ở cuối kinh mới (nay là trước cổng trụ sở Ủy ban nhân dân xã). Lúc bấy giờ, đội ngũ cán bộ y tế đã có chuyên môn trong nghiệp vụ, bao gồm cả việc cấp phát thuốc, khám điều trị sơ cấp cứu và phụ sản do Bác sĩ Lê Tiết là Trưởng trạm y tế.

Năm 1997, Trạm Y tế dời về gần cầu mương Bà Phú. Từ ấy đến nay, những mục tiêu của ngành y tế như Tiêm chủng mở rộng, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc bà mẹ và trẻ em... đều được thực hiện tốt. Hiệu quả cao nhất của trạm là sơ cấp cứu kịp thời cho nạn nhân trước khi đưa đến bệnh viện để điều trị.

Hiện nay, điều hành Trạm y tế là bác sĩ Bùi Văn Lê, người con của làng quê Hội An, sinh trưởng ở ấp An Khương.

³⁰ Lúc đương thời làm Thiến tá Quận trưởng quận Ô Môn (nay thuộc về thành phố Cần Thơ). Ông đã nghỉ hưu trước ngày miền Nam được giải phóng. Sau đó, Nhà nước trả lại nhà cho ông Thiên.

KHU DÂN CƯ



Năm 1958, Camb. quyền địa phương thành lập khu dân cư nhằm tập trung nhữg hộ gia đình trong diện giải tỏa có được một chỗ ở cố định

Đường vào khu dân cư gần với trường Trung học Huỳnh Thá Hưởng là công kênh, tráng nhựa dài hơn trăm mét. Và một con đường tráng nhựa ở cuối khu làm công phu. Công này sát với Trạm y tế

Với diện tích tới bảy ngàn mét vuông đất, khu vực này năng hực đang chử nhát được phân làm 75 căn lổ, với một vỉa phong làm việc của ấp Im. Tất cả ợc ợc xếp thành 4 lổ như sau

* Lô A Gồm 19 nền. Mỗi nền nhà dài 23 mét (kể cả nền nền là 3 mét) rộng 6 mét

ĐẤT CÔNG ĐIỀN

*Dựa theo chuyện kể của
ông Ông Kim Long, sinh năm 1932,
ngụ Chợ Cái Tàu.*

Là quỹ đất của làng Hội An, được thành lập vào năm 1939. Lúc ban đầu chỉ có 2 000 mét vuông tọa lạc tại đầu vàm rạch Cái Tàu Thượng. Tên đất để gọi của thời ấy là *Terre Publique* (đất thuộc về sở hữu Quốc gia, do địa phương quản lý), mà âm Hán Nho thông dụng gọi là công thổ.

Nguyên nhân có đất công thổ của làng là do đề nghị của ông Huỳnh Ngọc Bình¹¹, vị quan Đốc phủ sứ về quê, xây dựng trường Tiểu học mang tên Huỳnh Ngọc Quế¹². Trước khi xây trường, ông đã yêu cầu chính quyền tỉnh Sa Đéc tách riêng phần lan bồi ở đầu cồn làm quỹ đất của làng. Đồng thời, ông cũng thỏa thuận để xây dựng một nhà nghỉ mát ở nơi ấy.

Đầu năm 1946 (nhằm năm Bính Tuất) Pháp tái chiếm lại Chợ Mới. Chính quyền tỉnh Sa Đéc đã chính thức tiếp quản căn nhà của ông Bình và tăng cường tại đây một đội lính *Partisan*¹³ nhằm đàn áp lực lượng Việt Minh.

¹¹ Xem phần tiểu sử Trường tiểu học "A" Hội An.

¹² Xem phần tiểu sử Trường tiểu học "A" Hội An.

¹³ *Lính Partisan*: Là một đơn vị thuộc quân đội của thực dân Pháp. Lực lượng này phần đông là người Việt, một số ít là người dân tộc Khmer. Chỉ huy đồn *Partisan* ở vàm Cái Tàu Thượng là Cai Sen và Cai Vê. Cai Sen làm hạ sĩ nhất giữ chức đồn trưởng, Cai Vê làm hạ sĩ giữ chức đồn phó.

kháng chiến, đồng thời kiểm soát khu vực Chợ Cái Tàu Thượng và phân hạ lưu của nhánh sông Tiền.

Do bãi bồi đã nhanh chóng trở thành cồn nổi ở trước đồn khiến cho vùng trũng phía sau đồn cũng lần hồi cạn dần, tạo thành một dãy đất nổi dài về hướng cực thỏ. Đến năm 1960, tổng số diện tích nơi đây đã lên đến 25 000m² (hai mươi lăm ngàn mét vuông đất) biến vùng trũng lầy xưa kia nay đã trở thành lau sậy hoang vắng.

Lúc bấy giờ có ông Nguyễn Văn Kế (tên thường gọi là Trờ), cư ngụ gần với mương Bà Phú thuê với chính quyền thời ấy 6 900m² (sáu ngàn chín trăm mét vuông đất) để trồng lúa và hoa màu. Cũng bắt đầu từ đó, toàn bộ khu vực nói trên được gọi là đất công điền. Vị trí đất công điền Đông giáp nhánh sông Tiền, Tây giáp đất của ông Lê Văn Hưu (sân vận động), Nam giáp đất của ông Lê Hồng Côn, Bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn Phú.

***Sự phát triển của đất công điền**

Năm 1958 trên nền nhà cũ của ông Huỳnh Ngọc Bình và cũng là đồn bót đổ nát của thực dân Pháp, chính quyền thời ấy đã lập một nhà Bảo sanh đầu tiên cho làng quê Hội An.

- Năm 1960, vùng trũng bồi đã trở thành ruộng khoai, ruộng lúa.

- Năm 1965, xây dựng trường sơ cấp Tân Sinh ấp Thụ (gần Sân Vận động)

- Năm 1967, chính quyền địa phương thời ấy đã bàn giao văn phòng làm việc cho Ban trị sự Giáo hội Phật

giáo Hòa Hảo để xây mới trụ sở trên đất công điền (trụ sở này đã phá bỏ vào năm 2001 để xây nhà bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ của xã)

Năm 1967 xây dựng Nhà Thờ

- Năm 1968, làm lộ bến đò Cái Tàu qua ấp Bình Tấn và tôn nền để thành lập Làng Chiêu hồi³⁴ Nhưng không có người chiêu hồi nào đến ở Vì vậy, chính quyền địa phương đã cấp phát cho viên chức của xã và một số thi bán lại cho dân

- Năm 1969, xây dựng trụ sở phân chi cảnh sát

- Năm 1970, thành lập xóm Việt Kiều

- Năm 1985, xây dựng trạm y tế

ĐÒ CÁI TÀU

Dựa theo truyền khẩu

Nhắc đến quê hương người ta thường liên tưởng đến cây đa cũ, bến đò xưa để nhớ về những kỷ niệm thân thương của làng quê yêu dấu Và như hiện nay, nếu đi khắp làng Hội An để tìm một chiếc lá đa làm thuốc, hoặc làm điều kiện bắt buộc trong việc hứa hôn thì chẳng khác nào “đi tìm lá diêu bông” Trong khi đò thì

³⁴ Làng Chiêu hồi Chính quyền ngược quí thu để tập trung các chiến sĩ cán bộ cách mạng ra đấu thu định cư lâu dài. Trên thực tế đây là một hình thức vừa kiểm soát, vừa đánh đòn tâm lý nhằm làm giảm tinh thần chiến đấu của người đang kháng chiến

lại có đến hai bến' Đò Cái Tàu đã có từ lâu lắm. Từ lúc cơn lũ lớn cuốn trôi phần đất dính liền giữa làng Tòng Sơn³⁵ với làng Tân Phước³⁶ khiến cho người ở một cù lao muốn đi qua Chợ Cái Tàu phải tốn công và còn phải tốn thêm tiền đò.

Thuở xưa là đò chèo. Người lái đò phải chèo đuổi cả đôi tay mới kiếm được đồng tiền của hành khách. Nhưng năm năm mười, hành khách ở bên này sông đã thấy rõ mặt của anh lái đò. Bởi lẽ, đã có thêm một cù lao Mía làm bến đò. Vì bến đò ở bên này sông, đã gần với bến đò ở bên kia sông.

Nhớ ngày nào, đò đưa từ Bình Tấn qua Chợ Cái Tàu phải đi bộ một đoạn mới chầu trên đất phù sa cồn Mía mới đến một khai long có chiếc cầu tre lắt lẻo qua sông (sau đó là cầu ván), rẽ trái đi dọc theo con rạch Cái Tàu mới đến chợ. Ấy thế mà ngày nay tất cả đều đổi thay. Phù sa cồn Mía đã bị nước cuốn trôi khiến cho khách qua sông đã chẳng còn nhìn thấy bóng dáng của anh lái đò và dốc cầu ngày nào nay đã trở thành bến đò của khách sang sông. Và bến đò hôm nay đã trở về bến đò của thuở ban đầu. Chỉ khác có một điều, xưa là chèo tay, còn bây giờ là đò máy.

³⁵ Làng Tòng Sơn. Xưa bị nổi liền với làng Tân Phước. Làng Tòng Sơn có nhiều cù lao nằm giăng ngang sông Tiền đã bị thay đổi từ thời vua Minh Mạng đến đời vua Tự Đức nay chỉ còn lại một ấp An Bình.

³⁶ Làng Tân Phước. Nay là ấp Bình Tấn và ấp Bình Phước của xã Bình Phước Xuân.

***Sự thay đổi ở bến đò Cái Tàu qua Bình Tấn**

Năm 1968, tại đốc cầu của Khai long thuở trước người ta mở thêm một đoạn kinh ngắn (Kinh mới ngày nay) thẳng đến lộ nhựa và làm lộ bến đò dọc theo kinh đào. Từ ấy đến nay đã trở thành trục lộ chính của bến đò khiến cho đường ra xóm cồn để đi đò Cái Tàu ngày càng vắng khách vắng lại

***Đò Cái Tàu qua Nhà thờ Rạch Sâu**

Đi ngược lên thượng nguồn, chừng hai kilômét có thêm bến đò Cái Tàu qua Nhà thờ Rạch Sâu Bến đò này có từ những năm đầu Pháp thuộc, khi các giáo sĩ người phương Tây đã xây dựng ở Rạch Sâu Nhà thờ

Năm 1991, đò Rạch Sâu dời về gần đình Hội An, đã nhầm đúng với vị trí của bến đò Kinh Ngang qua Bảy Giồng, chẳng khác nào đò nối đò Từ đây đôi bờ sông Tiền gần liền với đôi bờ sông Hậu, không còn cách trở đò giang.

NHÀ BẢO SANH HỘI AN

Nhắc đến quê hương là nhớ về nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Hình ảnh của người cầm kéo cắt rốn cho ta, là người đầu tiên nâng nuu, bồng bế ta từ thuở mới lọt lòng đồng thời cũng là người khắc phục hiểm nguy “vượt can” để cho “mẹ tròn, con vuông” Vậy mà khi đã lớn lên, thì hình ảnh kia đã tưởng chừng như quên lãng’

Nếu như ngoài công ơn cha mẹ đã choa sẻ xương máu và nuôi dưỡng cho ta, thầy cô giáo đã khai tâm, mở trí

cho ta thì công ơn của bà đỡ không phải là nhỏ vì chính bà đã góp công để ta đối diện với Đời

Xưa kia, mỗi lần đến kỳ sinh nở, người chồng hoặc là người thân trong gia đình phải đi rước bà đỡ về nhà. Sau khi em bé ra đời phần nhau và cuống rốn không còn là trung gian của người mẹ và đứa con nên được bà mẹ cắt rời. Sau đó gia đình gói kỹ lá nhau và cuống rốn đem chôn ở một nơi thật kín đáo trong vườn nhà của mình như cất giấu một báu vật. Vì vậy, mỗi khi nhắc đến quê hương, mỗi người đều liên tưởng đến nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Hiện nay, do sự phát triển của xã hội nên phương pháp sinh nở hiện đại hơn nên thế hệ trẻ không biết được nhau rốn của mình đã chôn ở đâu?

***Nguồn gốc Nhà bảo sanh Hội An**

Nhà bảo sanh thành lập vào năm 1958 trên nền nhà nghỉ mát của Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bình. Trước đó, ông Bình đã nhường lại ngôi nhà cho chính quyền thuộc địa làm đồn Partisan. Trong kháng chiến chống Pháp nơi đây trở thành ổ nát.

Việc xây dựng nhà Bảo sanh nhằm mục đích phát triển sử dụng thuốc Âu dược, đồng thời áp dụng phương pháp mới để giúp cho người phụ nữ vượt cạn được an toàn.

Cô đỡ hương thôn đầu tiên sử dụng bằng thuốc Tây của làng Hội An và cũng là người duy nhất chủ quản nhà Bảo sanh là bà Lê Thị Chí, người quê hương ở ấp An Phú, xã Hội An. Năm 1985, nhà bảo sanh sát nhập vào Trạm y tế của xã.

Ngày nay thực hiện việc sinh đẻ kế hoạch nên mỗi gia đình chỉ có từ 1 đến 2 con. Trăm y tế có đủ các phương tiện, dụng cụ thuốc men và đội ngũ cán bộ phụ sản tay nghề cao đã góp phần xóa tan những nỗi lo âu của các bậc cha mẹ khi con em sắp đến ngày sinh nở.

XÓM VIỆT KIỀU

Cuộc sống không ổn định người dân mới đành lòng xa quê để lập nghiệp nơi đất khách. Việt Kiều sống ở Kampuchea cũng thế! Chiến tranh đã làm cho nhà cửa bị tàn phá. Lũ lụt thường gây cảnh mất mùa khiến cho người nghèo lâm vào hoàn cảnh nói trên phải đến sống nhờ nơi đất khách. Họ ra đi với quyết tâm tích lũy một số vốn để trở về quê hương lập nghiệp nhưng do cuộc sống và hoàn cảnh mỗi người nên một số đã có sự nghiệp vững vàng, số khác chỉ đủ sống.

***Nguyên nhân thành lập xóm Việt Kiều:**

Kể từ khi người Pháp cai trị xứ Đông Dương, việc đi lại làm ăn mua bán và sinh sống của ba nước Việt - Miên - Lào ổn định. Đến năm 1970, Lonnoï đảo chánh Quốc vương Sihanouk và gây cảnh tàn sát Việt kiều đang sinh sống ở Kampuchea. Để đảm bảo tính mạng của Kiều bào, Nhà nước Việt Nam tổ chức đưa họ về nước. Ai có điều kiện nơi nào thì trở về nơi ấy sinh sống. Những Việt Kiều sinh trưởng ở làng Hội An trở về quê nhà. Nhưng hầu hết đều không cư ngụ tại xóm Việt Kiều. Đơn cử như các hộ gia đình sau đây:

1. Gia đình bà Ông Thi Nghinh (ngang quán nhà mổ)
2. Ông Phạm Văn Luận (thân phụ của ông Phạm Hữu Mười) Sửa máy và bán phụ tùng ngang bưu điện
3. Bà Nguyễn Thị Tì (tự Chên) cất nhà gần sân vận động
4. Gia đình ông Đặng Ngọc Ẩn (tên thường gọi là Thanh Huy) mua bán ở đầu chợ
5. Gia đình ông Huỳnh Trăn (cư ngụ gần nương Bà Phú) v v...

Đầu tiên Việt Kiều ở tam trường Tiểu học Cộng đồng Hội An “A” (nay là trường tiểu học “A” Hội An) Sau đó chính quyền thời ấy đã chọn khu đất công điền gần kề với đất đai của vị hương hào Nguyễn Văn Phú thành lập xóm Việt Kiều

***Sự thay đổi của xóm Việt Kiều:**

Xóm Việt Kiều có 09 hộ gia đình với gồm 40 nhân khẩu Hầu hết đều mái lá, cột tre, nền đất Khu vực này gần với sân vận động, trường học, trụ sở của làng và cụm dân cư kinh mới. Địa thế thuận lợi, đã khiến cho nhiều người ở nơi khác đến đây cư ngụ ngày càng đông vui nhưng vẫn quen gọi là xóm Việt Kiều

Năm 2002, nhằm mở rộng mặt bằng để xây dựng trường học, xóm Việt Kiều bị giải tỏa Đầu niên học năm 2006, tất cả người dân ở xóm Việt Kiều đã được di dời về khu dân cư gần đó để trả lại mặt tiền cho trường trung học phổ thông Huỳnh Thu Hường.

TRƯỜNG TRUNG HỌC TƯ THỰC HỒNG ĐỨC

Được thành lập năm 1966, là trường Trung học tư thực đầu tiên ở xã Hội An do Thầy Lê Trung Thu, giáo sư³⁷ dạy môn Việt văn của trường Trung học Công lập Chợ Mới làm hiệu trưởng. Thầy Trần Kiều Phương phụ trách quản lý.

Trường được mang tên là Hồng Đức, lấy từ niên hiệu của vua Lê Thánh Tông, vị vua tài đức của nhà Hậu Lê.

Do không có vốn đầu tư xây dựng trường lớp nên lúc ban đầu mượn tạm trường sơ cấp ấp Tân Sinh³⁸ của ấp Thị. Năm 1968, cơ sở phải trả lại, Trường Trung học tư thực Hồng Đức lại tiếp tục mượn tạm nhà bếp của đình Hội An làm nơi để dạy.

Trường thiếu giáo viên, một thầy phải dạy nhiều môn, nhiều cấp lớp. Hơn nữa không có cơ sở độc lập mang tính cố định nên đã đóng cửa vào năm 1970. Một trong những người thầy dạy ở trường trung học tư thực Hồng Đức đã liên tục theo nghề là thầy Trương Thành Triển, dạy qua các trường trung học ở Hội An như: Trường trung học Hòa Hảo, Trường Phổ thông cấp II, Trường Trung học phổ thông Huỳnh Thụ Hường, Trường Trung học phổ thông cơ sở Hội An (đã nghỉ hưu năm 2006).

³⁷ Giáo sư trước năm 1975 những thầy cô dạy từ lớp 6 đến lớp 9 gọi là giáo sư đệ nhất cấp. Dạy từ lớp 10 đến lớp 12 gọi là giáo sư đệ nhị cấp.

Sau khi đất nước thống nhất, học hàm giáo sư chỉ dành riêng cho những thầy, cô có nhiều công trình đóng góp cho khoa học được nhà nước công nhận.

³⁸ Năm 1965, đồng loạt xây dựng ở bốn ấp là một trường sơ cấp ấp Tân Sinh. Trường chỉ dạy từ lớp 1 đến lớp 3. Hiệu trưởng của trường thị gọi là Trường giáo. Trường sơ cấp ấp Tân Sinh ấp Thị do thầy Trần Phi Quốc làm Trường giáo.

Lúc bấy giờ số học sinh của hai cấp dồn lại khiến cho tình trạng khan hiếm phòng học trầm trọng. Vì lẽ ấy, mỗi điểm trường phải chia thành 3 buổi để học trong ngày, học sinh và giáo viên phải chịu tình trạng học và dạy ca ba! Học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở phải thi chuyển cấp để vào học Trường phổ thông trung học Mỹ Lương Năm 1985, hai lớp 10 đầu tiên của trường được mở đã tạo điều kiện học tập thuận lợi cho con em ở địa phương (chỉ là phân hiệu của trường trung học phổ thông Mỹ Lương)!

Năm 1990, thành lập Trường phổ thông trung học Hội An

Năm 1995, trường được vinh dự mang tên Huỳnh Thị Hường, một nữ anh hùng lực lượng vũ trang của quê hương Hội An. Và trong năm này, một dãy lớp 8 phòng (có lầu) được xây dựng và khai giảng đầu năm học 1996 - 1997.

Năm 1997, trường tiếp tục xây mới để nối liền 6 phòng học (có lầu), tạo thành một dãy lớp 14 phòng nhìn ra cổng trông đẹp mắt và khang trang.

Năm 2001, tiếp tục xây mới 12 phòng học và 4 phòng nhỏ (có lầu) Các cửa lớp của dãy này đều hướng về đường Bà Phú

Năm 2002, chủ trương xây dựng để tách trường cấp II và cấp III Những cơ sở vật chất cũ được sử dụng làm trường trung học cơ sở Hội An, xây mới một dãy 12 phòng (gồm 1 trệt 2 lầu) để làm trường Trung học phổ thông Huỳnh Thị Hường vào năm 2003

Ban giám hiệu trường từ sau năm 1975:

*** Trường phổ thông cấp II Hội An:**

- Hiệu trưởng: Thầy Phan Văn Tứ Thầy Lê Ngọc Lốp

*** Trường phổ thông cơ sở “A” Hội An:**

Hiệu trưởng Thầy Lê Ngọc Lốp Cô Nguyễn Kim Nương Cô Lê Thị Kim Xoa Thầy Nguyễn Ánh Việt

*** Trường phổ thông cấp II “A” Hội An:**

- Hiệu trưởng: Thầy Nguyễn Ánh Việt. Thầy Nguyễn Ngọc Ấn. Thầy Nguyễn Văn Tài

*** Trường phổ thông trung học Hội An.**

- Phân hiệu trưởng Thầy Võ Thanh Vân (1985-1990)

- Hiệu trưởng Thầy Lê Ngọc Thạc (1990-1995)

*** Trường trung học phổ thông Huỳnh Thị Hưởng:**

- Hiệu trưởng:

Thầy Bùi Vinh Tường (1995 - 2000)

Thầy Lê Văn Tộc (2000 - 2003)

Thời kỳ tách trường:

+ Trường trung học phổ thông Huỳnh Thị Hưởng.

Hiệu trưởng

Thầy Nguyễn Minh Dũng (2003 - 2005)

Thầy Lê Văn Tộc (2005 ->

+ Trường trung học cơ sở Hội An.

Hiệu trưởng:

Thầy Bùi Văn Giàu (2003 ->

BIA TƯỞNG NIỆM ANH HÙNG LIỆT SĨ HUỲNH THỊ HƯỜNG

Hiện nay, bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Huỳnh Thị Hường tọa lạc về phía góc phải, gần sát với hàng rào Trường trung học cơ sở Hội An

Năm 1985, liệt sĩ Huỳnh Thị Hường được Nhà nước truy tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân". Hội An cũng được vinh dự vì đã sản sinh người con làm rạng rỡ quê hương



Để tôn vinh và ghi nhớ công ơn liệt sĩ, năm 1993, chính quyền địa phương đã tổ chức xây dựng mộ bia để tưởng niệm anh hùng Huỳnh Thị Hường đối diện với trụ sở Công An xã, chi phí là 15 000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Năm 1995, Trường phổ thông trung học Hội An được vinh dự mang tên Huỳnh Thị Hường. Năm 2003, Trường phổ thông trung học Huỳnh Thị Hường được tách làm 2 cấp. Cấp II là địa điểm cũ của trường được mang tên là Trường trung học cơ sở Hội An (điểm xây dựng ở Xóm Việt Kiên). Gần với khu dân cư là Trường trung học phổ thông Huỳnh Thị Hường. Bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Huỳnh Thị Hường nằm trong khuôn viên trường trung học cơ sở Hội An.

***Sơ lược tiểu sử Huỳnh Thị Hường**

Huỳnh Thị Hường sinh năm 1945, nhằm năm Ất Dậu, tại ấp An Ninh làng Hội An, tổng An Thanh Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc về huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Thân phụ là ông Huỳnh Văn Đê, thân mẫu là bà Nguyễn Thị Huôi. Sinh sống và lớn lên ở vùng quê giàu truyền thống cách mạng nên chị sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1963, chị được kết nạp vào Đảng và nhận nhiệm vụ làm Hội trưởng Hội phụ nữ xã. Sau đó, là Chi ủy viên chi bộ xã Hội An. Trong thời gian kháng chiến, chị mang bí danh là sáu Hồng.

Trong lễ cúng Kỳ yên Đình thần Hội An, đêm 15 tháng 6 âm lịch năm 1965, tổ chức phân công chị diệt tên xã trưởng có nhiều nợ máu với cách mạng nhưng việc không thành, chị đã bị bắt.

Gần một tuần, địch dùng đủ mọi cực hình để tra tấn, chị vẫn kiên gan không khai báo. Thấy không thể khai thác được gì ở người Công sản kiên trung, chánh quyền thời ấy đã giết chị dã man (cắt họng, xẻo vú) vào đêm 20 tháng 6 âm lịch năm 1965 (nay gần với khu lăng miếu Tuyên Trưng Hầu).

Xác của chị đem bêu ở cầu đúc Cái Tàu Thượng nhằm mục đích răn đe những người tham gia kháng chiến và cũng để khùng bố tình thần những ai có tư tưởng yêu nước, tiến bộ. Chị Huỳnh Thị Hường hy sinh khi vừa tròn 20 tuổi!

Hiện nay, tên của chị được đặt ở các đường phố trong tỉnh và thành phố Long Xuyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỘI AN

Sau ngày miền Nam được giải phóng, trụ sở của chính quyền cũ toa lạc tại cuối kinh mới đã bị chính quyền cách mạng tiếp quản. Sau 30/4/1975, nơi đây là văn phòng làm việc của Ủy ban Quân quản xã Hội An. Ông Ngô Hồng Tươi vừa là Bí thư kiêm chủ tịch Ủy ban Quân quản xã

Đến năm 1976, hệ thống chính quyền đổi lại là Ủy ban Nhân dân, ông Nguyễn Văn Đức cán bộ hồi kết được bầu làm chủ tịch Ủy ban nhân dân xã



Năm 1998 Nhà nước đã cấp kinh phí 540 000 000 (năm trăm bốn mươi triệu) để xây dựng trụ sở mới trên phần đất công điền (toa lạc khoảng giữa khu kinh mới), đúng ngày kỷ niệm 24 năm miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975 > 30/4/1999) Văn phòng của Đảng ủy và Ủy ban nhân dân khánh thành Trụ sở rộng 1 396,1 mét vuông phong ôc khang trang nằm trên tỉnh lộ 942, đi thẳng vào, chính giữa là Hội trường (đá cai riêng ở phía trên, nay dùng làm Văn phòng mới cũ), rẽ phải là khu hành chính của Đảng ủy, rẽ trái là khu hành chính của Ủy ban

NHÀ BIA TƯƠNG NIỆM ANH HÙNG LIỆT SĨ XÃ HỘI AN



Tháng 6 năm 2001, trụ sở của chính quyền cũ tiếp quản từ năm 1975 đã bị phá bỏ, để xây dựng nhà Bia tưởng niệm

Nhà bia tưởng niệm Anh hùng liệt sĩ xã Hội An được khánh thành vào dịp kỷ niệm ngày thành lập nước 2/9.2001, với tổng kinh phí là 370 000 000 (ba trăm bảy mươi triệu đồng) Nhà bia xây dựng theo kiểu dáng nền cao, đúc bê-tong mài che, có những bậc thang rộng làm lối đi lên xuống cho 3 hướng Mặt tiền là sân kiếng, ở giữa là vách tường của nhà bia Trong đó, gồm có một tấm biển lớn khắc sâu vào đá tên tuổi của 120

vị anh hùng liệt sĩ của toàn xã được xếp theo mẫu chữ cái từ A cho đến X với đầy đủ những chi tiết như năm sinh, quê quán, năm tham gia cách mạng và năm hy sinh. Nhà bia có ghi 2 câu liên:

* Tuổi thanh xuân, hiến dâng Tổ quốc.

* Dòng máu đào, gìn giữ non sông nhằm ca ngợi chí khí hào hùng và sự hy sinh của các liệt sĩ

XÓM CỒN

*Dựa theo chuyện kể của
thầy Nguyễn Văn Na*

Xóm Cồn nay chỉ còn là tên để gọi vì hiện tại đất cồn đã liền với cự thổ, không có đường nước nên khó mà phân biệt đâu là khu vực của xóm Cồn. Dựa vào truyền khẩu, khu vực từ ngã tư cầu đước Cái Tàu Thượng, cấp theo con rạch để ra nhánh sông Cái là Xóm Cồn. Với những người lớn tuổi, sinh từ năm 1920 trở về trước thì họ đã từng nhìn thấy toàn cảnh biệt lập của xóm Cồn.

Thuở ấy, có một khai long rộng chừng 4 mét, phần dưới cách ngã tư chừng 10 mét. Tại đây có một cầu ván bắc ngang để qua bên kia xóm Cồn. Cũng tại nơi cầu ván ấy, khai long cấp theo con lộ, ầu thông lên hướng trên hơn 100 mét, đến một vùng trũng thấp. (nay là khu vực kinh mới) Ngoài vùng trũng luôn ngập nước này, còn có một khai long ở bên hông nhà nghỉ mát của Đốc Phủ Sĩ Huỳnh Ngọc Bình (nay thuộc về nhà của bà Lê Thị Chí)

Phần đầu của khai long, còn có thêm một cồn vừa mới nổi. Địa thế được mô tả như trên, đã cho chúng ta hình dung ra xóm Cồn.

Cồn mới bồi rất nhanh. Và người dân cũng đã trồng mía ở trên ấy. Dựa vào đó, người dân gọi là cồn Mía (bãi cồn Mía ngang với ấp Bình Tấn của xã Bình Phước Xuân là bến đò).

Xóm Cồn và cồn Mía được phân biệt bằng một khai long. Hình thể của lạch nước này, từ vàm rạch Cái Tàu cong dần lên đến bãi sông ở trước nhà của ông Nguyễn Văn Huệ (người đời gọi mười Huệ). Và Cồn Mía phát triển rất nhanh, chẳng khác nào vết dầu loang lấn dần ra nhánh sông Cái nhỏ.

Năm 1960, cồn bắt đầu bị thủy phá, sụt lở mòn dần. Những phù sa tích tụ đã trôi theo dòng nước, đến năm 1989 Cồn Mía đã hóa thành sông. Nay, xóm Cồn chỉ còn là tên gọi!

***Sự phát triển của xóm Cồn**

Xóm Cồn chỉ dài hơn hai trăm mét, người dân cất nhà dọc theo ven rạch. Đa số nhà đều hướng phía sông. Đường ra xóm Cồn bao giờ cũng tấp nập người qua, kẻ lại. Bởi lẽ, nơi đây là trục lộ giao thông của bến đò Bình Tấn qua Chợ Cái Tàu.

Năm 1951, ông Nguyễn Văn Phái, quê ở ấp Hạ, xã Mỹ Trà, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Kiến Phong (nay là Đồng Tháp) về đây lập lò bún.

Năm 1958, trên nền nhà cũ đổ nát của ông Huỳnh Ngọc Bỉnh, chính quyền thời ấy đã xây dựng Nhà bảo sanh

Sau ngày đất nước thống nhất, xóm Cồn có thêm nhiều lò bún. Thế nên, người ta cũng thường gọi nơi đây là Xóm lò bún. Xóm lò bún đông vui, ghe xuồng các nơi đến đậu tấp nập, đa số là cư dân ở Cồn Lân⁴⁰ đi Chợ Cái Tàu

Thêm vào đó, ở bên kia rạch, thuộc bờ Đồng Tháp là nhà máy xay lúa của Kim Ba⁴¹ hoạt động ngày đêm khiến cho khách phương xa chỉ mới vào đầu rạch đã có ngay ấn tượng Chợ Cái Tàu quá sung túc! Hiện nay, nhà máy xay lúa không còn. Nhưng tiếng máy từ những lò bún vẫn cứ âm vang làm sinh động một xóm Cồn!

RẠCH CÁI TÀU THƯỢNG

Dựa theo truyền khẩu

Là một đoạn sông dài hơn mười cây số tiếp giáp với rạch Lấp Vò để nối liền sông Tiền với sông Hậu. Sự đảo lộn của rạch Cái Tàu chẳng khác nào như một con rắn khổng lồ trấn giữa để phân định vị trí của các làng ven tỉnh An Giang và Đồng Tháp: Hôi An với Mỹ An Hưng

⁴⁰ Cồn Lân. nay là xã Tân Thuận Đồng thuộc về Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

⁴¹ Kim Ba. Tên họ là Nguyễn Thị Kim Ba. Có hai người anh liệt sĩ.

Người anh thứ hai là liệt sĩ Nguyễn Văn Mít.

Người anh thứ tư là liệt sĩ Nguyễn Văn Bán

“A”, Hội An với Hội An Đông, Hòa An với Bình Thanh Trung.

Thuở xưa, rạch Cái Tàu Thượng rộng lớn. Người bên này sông muốn nói chuyện với bên kia sông phải lấy hai tay để làm loa và người muốn nghe phải che lòng bàn tay để cho rộng thêm vành tai mới nghe được.

Để hình dung lại con rạch Cái Tàu thời xa xưa ấy, chúng ta hãy quan sát đoạn từ Vàm Cái Nai đến rạch Lấp Vò đôi bờ tuy bồi rất nhiều nhưng mặt sông vẫn còn rộng, từ xưa cho đến nay vẫn chưa một lần nạo vét vẫn còn giữ được hình dáng của ngày nào.

Ngược lại, từ vàm Mương Sung đến đầu rạch Cái Tàu, kể từ năm 1952 đến năm 2005 là 53 năm đã có 4 lần nạo vét⁴² để khai thông dòng chảy.

Thực tế cho thấy, phần rộng nhất ở đầu rạch nay đã trở thành nhỏ nhất so với cuối rạch. Nhằm khẳng định lại sự việc, chúng ta đưa theo tuyến khẩu để kiểm tra thực trạng. Chuyện kể rằng, Cù lao Giêng - xưa kia là một bán đảo cù lao, phần hạ nguồn ven sông Cái lớn nối liền làng Tòng Sơn với làng Tân Phước. Cũng chính vì thế, lượng nước từ thượng nguồn đổ về (tính ở vị trí Mỹ Luông - Tầu Mỹ) đã chảy hết vào đầu rạch Cái Tàu.

⁴² Lần thứ I vào năm 1952, do đội 11 (Hòn Hảo) huy động sức người để nạo vét.

Lần thứ II vào năm 1977 - huy động sức người để nạo vét.

Lần thứ III vào năm 1985. Nhà nước sử dụng xăng nước, phá bỏ các bến, bãi bồi để mở rộng mặt sông.

Lần thứ IV vào năm 2005. Nhà nước sử dụng Kobel mìn sâu, dùng đến nhiều ghê có trọng tải lớn để chuyển đất đem đi nơi khác.

Đến khi hai bờ của đầu vàm rạch đã nổi cồn (một ở phía trên và một ở phía dưới) Hai cồn này, vừa làm giảm lượng nước chảy vào đầu rạch vừa đẩy dòng chảy sang bên kia bán đảo cù lao. Nơi ấy, đã có sẵn một lối mòn do xuồng nhỏ đẩy tắt, từ nhánh sông Cái nhỏ ngang qua sông Cái lớn. Cứ mỗi mùa nước lũ, lối mòn này ngày càng lớn rộng tạo thành một vùng 3 mũi và một vòng nước xoáy vô cùng nguy hiểm

Sau đó, tại đầu rạch Cái Tàu lại nổi thành cồn. Và người dân cũng đã đến cái nhà để ở, nên gọi là xóm Cồn. Lúc bấy giờ, người ta phân biệt khu vực ở đầu vàm rạch Cái Tàu bằng tên của các địa danh như Cồn cũ trên (nay là khu quy hoạch chợ), cồn cũ dưới (nay là đầu ấp An Bình của xã Mỹ An Hưng "A", tính từ cầu vàm xép đến nhà thầy Nguyễn Văn Na) Và xóm Cồn (từ nhà ông Đặng Văn Đúng đến nhà bà Lê Thị Chí).

Sự bồi lắng không dừng lại ở đó, khi có thêm một cồn Mía đình hình (Cồn Mía này đã bị thủy phá hoàn toàn vào năm 1989). Trong khi dòng sông Cái Tàu quanh co, uốn khúc bị cồn Mía và xóm Cồn ngăn cản, làm dòng chảy yếu dần tạo nông cạn đáy sông và bãi bồi theo ven rạch. Lại thêm mỗi năm phù sa từ một sông Hậu phần giáp ranh với Lấp Vò đến Cái Nai sông thì rộng và đáy sâu nên nước chảy mạnh, đã đẩy dồn phù sa làm lắng đọng từ mương Sung đến mương Bà Cọc cho nên rạch Cái Tàu phải được nạo vét thường xuyên

Cầu đui Cái Tàu Thượng



Từ khi có Chợ Cái Tàu Thượng rồi đây là bến bên
đo. Đò đưa từ bên cá + quán Trích Minh nơi quán.

Hai qua nhiều năm đã riven Cái Tàu rồi con lara
đong chuy ngày càng xây về rạo tro là th bờ lãg, thu
đi n không cách đoi bờ hãg nơi vùng đit nổi ở giữa
sông". Người thời ấy tìm cách bắc 2 cây cầu tre nơi bên
vết gò đất nơi ở giữa sông để khỏi phải qua đò.

Lúc bấy giờ phàm sông ở bờ Trích Minh họ quán thò
hợp gọi đò n này là Kha Long. Họ c nư cầu tre hai qua
khi lợg đã đui bằng phàm nư của cầu tre qua chơ.

Tuy là có cầu nhưng do thi vau đũa. Bờ lã hãg nư
người g ã và tre em làm sao đi được trên cầu tre lợc leo

Đo đui Cầu đui Cái Tàu Thượng - Cầu đui Cái Tàu Thượng - Cầu đui Cái Tàu Thượng
Đo đui Cầu đui Cái Tàu Thượng - Cầu đui Cái Tàu Thượng - Cầu đui Cái Tàu Thượng

Sau đó, đất ở giữa sông bồi nhiều hơn và 2 chiếc cầu tre được thay bằng cầu Ván. Mặt cầu tương đối rộng, kẻ gánh hàng, người đi bộ ngược chiều không cần phải kính nhường. Năm 1939 (nhằm năm Kỷ Mão) Pháp đã xây dựng một cầu đúc kiên cố. Cầu được cấu trúc bằng bê-tông cốt thép, mặt cầu trải đá (sau này tráng nhựa), để nối liền Chợ Mới - Sa Đéc. Tuy vậy, phần cầu ván bắc ngang khai long thì vẫn duy trì, và được thay thế bằng sườn sắt⁴⁴, mặt cầu là những thanh gỗ dày chắc.

Đặc điểm và sự thay đổi của cầu đúc Cái Tàu Thượng

Cầu đúc Cái Tàu Thượng là nơi đã chứng kiến biết bao cuộc tiễn đưa của người đi xa xứ và chờ đón người thương trở về. Nơi đây là điểm hẹn lý tưởng của trai gái yêu nhau do thói quen mỗi chiều hoặc tối có tráng người ta thường tụ tập ở thành cầu để hóng mát hoặc chuyện trò.

Năm 1946, thực dân Pháp tái chiếm lại An Giang. Chính quyền cách mạng thực hiện "tiêu thổ kháng chiến" và cầu đúc Cái Tàu Thượng bị phá gậy làm đôi để làm chậm gót giày xâm lược. Sau đó, cầu đúc Cái Tàu Thượng được tu sửa lại. Đồng thời, cột mốc ranh tỉnh cũng được cắm tại đầu cầu bờ Hội An, ghi rõ năm 1956⁴⁵ tu sửa cầu. Và ở bên kia đầu cầu thuộc về tỉnh Sa Đéc vẫn còn giữ lại biển số của năm xây dựng cầu 1939.

⁴⁴ Năm 1960, sau khi tu sửa lại bộ từ Sa Đéc lên cầu đúc Cái Tàu Thượng, chính quyền đã bỏ cầu này.

⁴⁵ Ghi rõ năm 1956. Trụ sở để làm cột mốc ranh tỉnh và làm biển số để ghi năm tu sửa cầu đã bị hủy bỏ vào năm 1997.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cầu đúc Cái Tàu Thượng từng ôm ấp những chiến sĩ cách mạng đã hy sinh vì sự nghiệp thống nhất đất nước như chị Huỳnh Thị Hường.

Cầu đúc Cái Tàu Thượng không chỉ là phương tiện cố định trong giao thông mà còn hữu sự mỗi khi nước lũ tràn về. Sân chợ ngập nước, cầu đúc lại là nơi để họp chợ.

Năm 1997 cầu đúc Cái Tàu Thượng được gia cố lại móng và hành lang cầu, làm tăng thêm tải trọng và tăng thêm tuổi thọ cho cầu.

NHÀ DÂY THÉP CÁI TÀU THƯỢNG

(TÉLÉGRAPHE ET TÉLÉPHONE DE CÁI TÀU THƯỢNG)

Dựa theo chuyện kể của ông Ông Kim Long

Năm 1920 đường mòn hương thôn từ Cái Tàu xuống Sa Đéc được mở rộng và trải đá, khoảng thời gian đó trụ dây Thép⁴⁶ dựng lên dọc theo lộ. Lúc bấy giờ, tại chợ Cái Tàu Thượng cũng đã có một nhà dây Thép được thành lập trên phần đất của ông Lê Văn Hưu (nay là Quán nhà mổ, gần trường tiểu học "A" Hội An).

⁴⁶ Trụ được sử dụng bằng loại thép chữ L. Thiết kế theo hình tam giác sơn màu đen. Một trụ chính tại nhà dây thép đã bị tháo dỡ vào năm 1965 để làm nơi xây nhà mổ cho bà Lê Thị Kim Chi (nay là Quán nhà mổ). Một trụ tại phía sau là của ông Kế Hiền Lê Thành Sang (nay là nhà của ông Lâm Văn Ly). Trụ này dùng để bắc dây qua rạch Cái Tàu, cũng được tháo dỡ cùng một lúc với năm xây nhà mổ. Một trụ bên hông nhà của ông Huỳnh Ngọc Ân (đối diện với dốc cầu nhỏ sau chợ, bờ Mỹ An Hưng "A"). Đã bị tháo dỡ vào năm 1987.

Nhà dây Thép cũng giống như trạm Bưu điện ngày nay. Việc liên lạc nhanh nhất của thời ấy là “Gõ dây thép”. Muốn thông tin với nhau phải qua tín hiệu tí te của máy phát ra. Đồng thời, bộ phận của máy luôn chuyển những tín hiệu tí te lên mặt giấy bằng những dấu chấm và những gạch nằm ngang, ngắn hoặc dài. Từ đó, dựa trên mẫu tự Alphabet đã được quy định làm ký hiệu, để chuyển sang thành văn bản. Công việc chuyển và nhận tin đều do thầy Thông dây thép⁴⁷ phụ trách. Liên lạc với nhau bằng thơ thì phải dán Cờ⁴⁸. Thơ gửi trong nội địa phải mất hàng tuần mới đến tay người nhận, gửi ra nước ngoài thì hàng tháng.

Nhà dây Thép Cái Tàu Thương được sử dụng cho đến khi Pháp tái chiếm thì bị phá sập.

Sự phát triển của Bưu điện Hội An

Từ khi Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền, cho đến những năm đầu đất nước thống nhất, hệ thống liên lạc với nhau nhanh nhất là điện thoại nhưng cũng chỉ sử dụng nhiều ở cấp tỉnh, thành. Trong khu ở nông thôn, người dân vẫn liên lạc với nhau bằng thơ có dán tem. Thùng thơ luôn đặt trước công sở của làng. Hệ thống chuyển thơ của ngành Bưu điện là xe đò, tàu khách lẫn ngành hàng hải với hàng không.

⁴⁷ Thầy thông dây thép. Thầy thông dây thép lúc bấy giờ là Thầy Thông Nhuận (không rõ họ). Sau đó, là ông Trương Kim Qua phụ trách cho đến khi ngừng sử dụng.

⁴⁸ Dán cờ. Xem kỹ, người ta gọi là dán Cờ, ngày nay, gọi là dán tem.

Riêng về các cấp chính quyền, các đơn vị quân đội sử dụng máy truyền tin⁴⁹

Năm 1980 trạm Bưu điện Hội An được thành lập bằng 2 kiosque⁵⁰ nằm bên hông trái của phía sau nhà lồng Chợ Cái Tàu Thượng. Trong giai đoạn này, chỉ mang tính là Bưu trạm.

Năm 1989, điện lưới quốc gia về đến xã Hội An. Trên cơ sở đó, ngành Bưu điện Hội An được thành hình.

Năm 1990, Bưu điện Chợ Mới thuê lại căn nhà cũ của ông Bùi Văn Hoanh, do chính quyền địa phương quản lý (hiện đang là văn phòng của Ban Thông tin văn hóa xã) gần ngã tư dốc cầu đúc Cái Tàu Thượng) để làm trạm Bưu điện.

Lúc đầu, trạm Bưu điện còn mang tính "Điện thoại công cộng". Lần lượt các hộ kinh doanh, gia đình khá giả gắn máy. Đầu tiên chỉ có 3 số, sau đó lên 5 số và bây giờ là 8 số. Hiện nay mạng lưới điện thoại cũng đã phủ đều trong toàn xã, việc liên lạc với nhau đã mang tính toàn cầu.

⁴⁹ Máy gọi với nhau để nghe trực tiếp, không dùng qua kỳ hiệu, không chuyển qua dây. Ở đầu cạnh máy có gắn một Anten hình là tua. Loại máy này được mang ở trên lưng, sử dụng bằng pin khối than pin có nhiều thể hình chữ nhật hoặc vuông chống khít lên nhau). Ngoài ra, còn có HT6. Đây là một loại máy dùng để liên lạc trong nội bộ, có tổng số ngắn, hình thức của máy gọn, trọng lượng nhẹ. Loại máy này thường cầm trên tay.

⁵⁰ 2 kiosque: một của bà Vi Thị Chên - một của Đặng Tuyết Vân Trưởng trạm lúc ấy là: Lê Văn Kiên.

CHỢ CÁI TÀU THƯỢNG

Dựa theo truyền khẩu



Tên của các ấp thuộc xã Hội An đến đing đầu bằng chữ An. Thế mà, người đời không gọi là Chợ Hội An mà gọi là Chợ Cái Tàu Thượng.

Ấp ta, chợ được mang tên là ấp Thị (nghĩa chữ Hán. Nhỏ thị là chợ). Trong quá trình khai mở lập làng, chợ đã có trước. Sau đó mới phân ấp lập làng. Vậy chăng ta thử truy tìm hai nguồn gốc ban đầu khi chưa lập chợ.

Năm 1836 vua Minh Mạng sai ông Trương Đăng Quế và ông Trương Minh Giảng, phụng chỉ vào Nam kỳ lục tỉnh chỉ huy việc đo đạc, lập địa bạ. Làng Hội An được ghi chép về tư căn như sau:

** Cựu Hội An thôn.*

Đồng giáp thôn Mỹ An (nay là xã Mỹ An Hưng "A" và "B", huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và thôn Tân

Bình (nay là xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp)

- Tây giáp thôn Mỹ Lương (nay là xã Mỹ An và An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang)

- Nam giáp thôn Bình Thành Tây (nay là xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang) và thôn An Hoà (nay là xã Hòn Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang)

- Bắc giáp sông và địa phận thôn Mỹ An (nay là xã Mỹ An Hưng "A" huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp)

* Căn cứ vào việc lấy Chợ để đặt tên cho ấp (tức là ấp Thù) Điều này khẳng định Chợ có trước, sau đó mới phân ấp lập làng

* Căn cứ vào trung tâm hành chính của cư Hội An thôn tọa lạc tại ngã Bát (thuộc ấp An Bình nay giáp ranh với ấp An Thới) vẫn còn là địa phận của xã Hội An

* Căn cứ vào vị trí và tên gọi. Chợ Cái Tàu Thượng – một trong năm chợ lớn nhất của huyện Vĩnh An thời ấy thì Chợ Cái Tàu Thượng thuộc về cư Hội An thôn

***Bối cảnh lập chợ**

Để trấn giữ đất Tả Phong Long Chúa Nguyễn Phúc Khoát đã cho thành lập một hệ thống phòng thủ ở tuyến sông Tiền như sau

1 Long Hồ Dinh (nay là thị xã Vĩnh Long) nơi đây là trung tâm chỉ huy của tướng Trương Phúc Du và Nguyễn Cư Trinh

2 Đông khẩu đạo: đóng tại Sa Đéc

3 *Tân Châu đạo* đóng quân tại Cù Lao Diên (nay gọi là Cù lao Giêng, sau chuyển lên Long Sơn-Tân Châu), phòng thủ ở tuyến Tiền Giang

4 *Châu Đốc đạo* đóng quân tại Châu Giang (sau chuyển qua Châu Đốc), phòng thủ tuyến Hậu Giang

Trên cơ sở phòng thủ vững chắc đã tạo được sự an ninh cho toàn tuyến sông Tiền và sông Hậu Từ đó hình thành những làn sóng di dân của cộng đồng người Việt đến khai phá Đồng thời, thu hút cộng đồng người Hoa gốc Triều Châu từ miệt Hà Tiên tràn lên tìm nơi định cư mua bán Khách hàng ở đây là những cư dân khai phá và những binh sĩ trấn giữ vùng này

Trong quá trình vừa phòng thủ vừa di dân để khai phá đã thành hình các chợ Chợ Đất Sét (ở Mỹ An), Chợ Cái Tàu Thượng (ở Hội An) và Chợ Thủ (ở Tú Đức) . Tại sao lại gọi là Cái Tàu Thượng Điều này chúng ta phải chiết tự để làm rõ hơn về tên đã gọi

Chợ phát âm của chữ Hán Nho gọi là Thị Chỉ nơi nhóm họp để mua bán, trao đổi hàng hóa Điều này được khẳng định lấy tên gọi là Chợ (Thị) để làm tên cho ấp (Ấp Thị)

Cái, là một danh từ cổ xưa trong tiếng Việt, rất phong phú và đa dạng dùng để chỉ người, động thực vật và sự việc.

Tàu, nghĩa của chữ là thuyền, buồm (dung cụ dùng để chuyên chở trên sông)

* Chữ ghép Cái Tàu ý chỉ về người Tàu Vì khi người Trung Hoa đến Việt Nam họ đều dùng phương

tiện thuyền buôn, người Việt gọi người Trung Hoa là người Tàu

Thượng nghĩa của chữ là ở trên, cấp trên Cái Tàu Thượng chỉ nơi nhóm họp, mua bán của cộng đồng người Hoa thuộc khu vực phía trên của nhánh sông Tiền. Sở dĩ có sự phân biệt như vậy là do ở phần hạ lưu sông Tiền cũng có chợ họp của cộng đồng người Hoa nên gọi là chợ Cái Tàu Hạ. Và từ đó cho đến nay đã có 8 thế hệ người Hoa sinh sống tại đây

Từ những chuỗi người Hoa có liên tục những thế hệ con cháu sinh đẻ ở vùng này và hiện nay mở mả, di tích cũng vẫn còn. Điều này lý giải tên gọi chợ Cái Tàu Thượng là địa danh dùng để chỉ cộng đồng người Hoa đang định cư mua bán ở thượng nguồn sông Tiền

****Chợ Cái Tàu cháy lần thứ I***

Năm 1888 nhằm năm Mậu Tý, chợ Cái Tàu đã bị hỏa hoạn thiêu hủy toàn bộ nhà phố, chỉ còn trơ lại miếu Bảy Bà. Bức tranh "Diện mạo của làng Hội An" được cụ Bùi Xuân Hòa cảm tác trong bài "Về cháy Chợ Cái Tàu Thượng" (nay bản sao chép vẫn còn, và có đính kèm ở phần sau)

Căn cứ vào chuyện kể, đối chiếu với nội dung bài Về của cụ Bùi thì chợ cháy là do bà Ông Thoại Lan (tướng Triều Châu phát âm là Xiêu Lánh) đốt pháo đưa ông Bốn về trời vào ngày 24 tháng Chạp năm Mậu Tý đã làm thiêu hủy toàn bộ chợ Cái Tàu - trung tâm thương mại của tổng An Thạnh Thượng thời kỳ Pháp thuộc và cũng là diện mạo của làng quê Hội An đã tồn tại từ buổi đầu khai mở. Chợ Cái Tàu đã mau được hồi sinh và

ngày càng trở nên thịnh vượng. Vì nơi đây là trung tâm hành chính của đơn vị tổng và trung tâm thương mại của nhiều làng phụ cận.

**Chợ Cái Tàu cháy lần II*

Ngoài việc mua bán hàng hóa, thương nhân chợ Cái Tàu còn sản xuất đèn cây. Thuở ấy hãng làm đèn cây mang hiệu Hiệp Hưng³¹ do ông Trần Diệu Khôn làm chủ. Ông này gốc Triều Châu nên người đời thường gọi ông là iều Khung.

Đèn cây hiệu Hiệp Hưng sản xuất bao nhiêu cũng không đủ để bán thậm chí đã có hơn mười nhân công mà vẫn còn phải làm thêm cả ban đêm mới đủ hàng bán Tết! Mùa đông năm 1924, nhằm năm giáp Tý, công nhân ngủ trên gác đốt đèn cây mà không dùng đến vật dụng để chứa nến tâu chảy nên đèn cây cháy lùn đến ván gây ra hỏa hoạn làm thêu hủy toàn bộ dãy phố ở phía đông, nằm tiếp giáp bên mé rạch Cái Tàu.

Năm 1925 những ngôi nhà mới lần lượt mọc lên, đẹp hơn, kiên cố hơn. Nhà mới được xây dựng có chú ý phòng cháy nên hiệu quả hơn. Điều này được chứng minh qua di tích còn sót lại 2 căn phố bán bách hóa của bà Ông Thoại Nga. Tường xây đá miếng dày 3 tấc, dài đến 15 mét, cao hơn 1 mét mới xây gạch. (nay là vách

³¹ Con gái thứ ba của ông Trần Diệu Khôn là Trần Phụng. Để nối nghiệp và phát triển thương hiệu Hiệp Hưng thành cơ xưởng tại đường Lão Tử ở khu vực Chợ Lớn (nay vẫn là đường Lão Tử thuộc Quận 5 thành phố Hồ Chí Minh).

nhà của Trần Bá Năng và ông Ngô Cẩm Long (tên thường gọi là Hai Tỷ).

Chợ Cái Tàu Thượng lúc bấy giờ không chỉ đáp ứng đầy đủ cho người tiêu dùng qua các mặt hàng từ bình dân đến cao cấp. Thậm chí có tiệm Vân Hương Các của ông Hồng Kim Thành công khai phục vụ những người hút thuốc phiện. Thuở ấy, tiệm bán á phiện có đóng thuế môn bài. Trên bảng niêm bán thuốc phiện còn ghi thêm chữ Pháp RÉGIED'OPIUM !

**Chợ Cái Tàu cháy lần thứ III*

Cuối xuân Mậu Tý năm 1948, tàu của Tây chuyển quân từ Sa Đéc đến vàm rạch Cái Tàu Thượng. Trước khi lên bờ, chúng đã bắn Mortier⁵² vào khu vực chợ, làm cháy 02 căn nhà thuốc về xóm Cồn, cách ngã tư dốc cầu đúc chừng 30 mét. May mắn buổi sáng nên có nhiều người đi khỏi chỉ còn bà Lê Thị Lương bị trúng đạn.

Sau đợt pháo don đường, Pháp tiến sâu vào khu chợ. Và theo sự chỉ dẫn của Việt gian, chúng thực hiện khám xét nhà của ông Phước (không rõ họ). Ông là chủ tiệm rượu, có người con tên Thọ đang làm cán bộ Việt Minh. Dựa vào đó, Pháp tập trung hết cư dân ở phố chợ đến chùa Ông để chờ bao bố⁵³ nhận mặt Việt Minh. Sau đó,

⁵² Mortier: Loại súng cối có chân, dùng để bắn pháo. Đường kính của nòng súng là 60 ly.

⁵³ Bao bố: Làm Việt gian, làm một thỏi cho Pháp, sống trà trộn với dân. Mỗi khi người Pháp ruộng bố, một thỏi được trảm kình từ đầu đến gối bằng bao bố (tạo ra dùng để đựng gạo hoặc đường cát) phần trảm trên đầu là đầu bao bố khoét hai lỗ để cho người ở trong bao thối rở người ở bên ngoài. Những người bị thủ ghì được dẫn đến trước mặt người bao bố, chỉ một cái gạt đầu tức là khẳng định người ấy là Việt Minh.

châm lửa đốt nhà ông Phước. Lửa cháy lan, Pháp không cho bất cứ người nào được về nhà để chữa cháy, làm thiêu hủy toàn bộ chợ Cái Tàu Thượng.

Máu và lửa đã liên tục làm đau lòng làng Hội An. Từ ấy, thực dân Pháp liên tục ruồng bỏ gao Việt Minh, khiến chợ Cái Tàu phải họp lại ban đêm, có lúc nhóm ở chùa An Long, khi thì dời đến ngã ba Đường đắp. Những năm này, làng quê luôn đắm chìm trong chiến tranh!

****Giai đoạn kiến thiết chợ Cái Tàu Thượng lần thứ III***

Sau hai lần cháy chợ do bất cẩn là mỗi lần tái thiết đẹp hơn, kiên cố hơn. Nhưng lần thứ ba này, tái thiết chậm hơn và tạm bợ vào năm 1951. Bởi lẽ, chợ tái thiết trong thời kỳ sau chiến tranh thế giới lần thứ II, vật liệu xây dựng đã trở nên khan hiếm. Hơn nữa mỗi nơi, mỗi khu vực đều có lực lượng giáo phái hùng cứ. Vì lẽ ấy vật liệu xây dựng mua được chở đi, thì chỗ kia đón lấy.

Xã Hội An có đại đội 11 của Dân xã quản lý nên binh lính của đảng phái đua nhau cất nhà bằng tre lá. Chỉ có văn phòng làm việc của tham mưu đại đội, đồn bót và nhà lồng chợ là xây dựng bằng gạch ngói, cây ván cũ của bốn phố thu gom lại. Không có ciment, người ta đã phải dùng đến hồ vôi vôi ở dưới và mất đường để trộn lẫn vào vôi nhau mà xây tường!

Thời ấy, ông Nguyễn Văn Quế (tư cà) – đại đội trưởng đại đội 11 được Tây cấp phát vũ khí và lương bổng chỉ huy một đại đội nhưng dưới trướng lại có đến 36 trung đội, vượt gấp 12 lần so với danh sách. Thế nên,

khu tự trị của ông gồm có bến đò, bến xe, hoa chi chợ và luôn cả đất đai của các địa chủ. Thậm chí cây trồng như tre của dân phải xin phép mới được đốn! Họ còn tổ chức cờ bạc, sổ để để thu thuế.

Nhằm cổ vũ cho phong trào cờ bạc, các chủ thầu sổ để, chủ các bàn tài xỉu đã thuê bao đờn ca tài tử để thu hút thêm lượng khách ở phương xa. Bởi đờn ca tài tử là một bộ môn nghệ thuật được nhân dân yêu thích và hiếm có ở nông thôn trong thời kỳ đầu phát triển ngành sân khấu cải lương.

Do chính sách ngu dân của Pháp đã tạo nên cảnh ồn ào, náo nhiệt và phát sinh ra nhiều tệ nạn cờ bạc, ca hát, ăn nhậu. Vì lẽ ấy, trong dân gian có câu:

*"Muốn ăn chơi thì đến Cái Tàu
Muốn làm giàu thì về Đất Sét"*

Tình trạng này đến năm 1957 mới bị dẹp bỏ.

****Chợ Cái Tàu Thượng kiến thiết lần thứ IV***

Năm 1958, chợ Cái Tàu được kiến thiết lại, vật liệu đa phần là gỗ dẫu, lầu gác bằng ván, mái ngói, phần cuối chợ được phép cất trệt nhưng phải mái ngói hoặc tôle để giữ vẻ mỹ quan khu chợ.

Nhằm phòng ngừa hỏa hoạn và phân luồng giao thông đường thủy, chính quyền thời ấy đã chừa lại hai con hẻm làm lối lưu thông cho ghe xuồng neo đậu ở phía sau dãy phố gần cầu đúc Cái Tàu Thượng. Hai con hẻm ấy là:

1 Hẻm (nay là vách nhà của Hồng Văn Năm, tên thường gọi là Bé Em đến vách nhà của Trần Bá Năng) hẻm này đã bị chiếm phân nửa

2. Hẻm (nay là vách nhà của ông Ngô Cẩm Long (thường gọi là Hai Tỷ) đến vách nhà của ông Lý Văn Được (thường gọi là Bảy Suối) Hẻm này, rộng hơn hẻm trên, nay đã bị chiếm dụng hoàn toàn

**Sự phát triển Chợ Cái Tàu Thượng*

Năm 1970, chính quyền xây mới nhà lồng chợ, hai bên hông là những kiosque, xóa cảnh buôn bán lều chõng trước đây đồng thời tráng ciment ở đầu chợ và luôn cả lối đi là khoảng giữa dãy phố với các kiosque

Năm 1972, chính quyền cất thêm một nhà lồng chợ ở phía trên. Nhà lồng này, có kèm những kiosque hai bên hông nhưng có lẽ chưa quen nên chẳng có ai đến để mua bán khiến nhà lồng luôn vắng vẻ thỉnh thoảng chính quyền tổ chức văn nghệ hoặc cho các đoàn cải lương thuê để hát.

Sau ngày đất nước thống nhất, phong trào văn nghệ quần chúng phát triển mạnh. Chính quyền cách mạng đã tận dụng nhà lồng làm sân khấu

Khi thành lập Hợp tác xã mua bán, những kiosque nhà lồng chợ cũ đều được trưng dụng làm các kho hàng, có lúc là nơi bán tem phiếu thời bao cấp.

Từ năm 1975 đến nay chợ có các đợt sửa chữa.

- Năm 1982, chính quyền cùng với nhân dân đóng góp tráng ciment sân chợ và đầu chợ

- Năm 1985, Hợp tác xã mua bán tu sửa nhà lồng chợ để thành lập cửa hàng ăn uống

- Năm 1989, điện lưới quốc gia về đến xã Hội An, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân phố chợ được hưởng những tiện nghi hiện đại. Điện thấp sáng lên khuôn mặt chợ Cái Tàu

- Năm 1991, giai đoạn hồi sinh của mua bán lẻ. Ủy ban nhân dân xã Hội An tiếp tục xây dựng những kiosque đối diện nhà lồng chợ để bán lại cho những người có nhu cầu

Riêng nhà lồng chợ ở phía trên được sử dụng làm rạp hát. Năm 2002, xây dựng lại nhà lồng mới.

Về cháy Chợ Cái Tàu Thượng của thầy Bùi Xuân Hòa

(Cảm tác năm Mậu Tý 1888)

- 1 Khoanh tay thờ vắn, chác lưới than dài
- 2 Mậu Tý niên trong tháng mười hai
- 3 Quý Đông ngoạt, nhằm ngày 24
- 4 Nhà thị Lánh lễ đưa ông Bốn
- 5 Đốt pháo rơi cháy hết phố phường
6. Thấy cuộc đời thêm thảm thêm thương
- 7 Nhìn sư thế, ngán đời quá ngắn
- 8 Nhà năm Quán cột rường tiêu tán
- 9 Nát chữ vàng đã hóa ra tro
10. Lầu bảy Sên sư nghiệp rất to

- 11 Thương người ngọc nằm trong đồng lửa
- 12 Bồi chác ý, lên lầu đóng cửa
- 13 Vân khêu hư xuống đất bỏ nhà
- 14 Thơ lỗ ban rày đã ra ma
- 15 Còn đâu nữa cham dơi, cham trỉ
- 16 Giàu Thạch thi nay đã hóa quỉ
- 17 Đã rồi đời làm cách làm kiên
- 18 Đường như nưên chứa đối nhà thuyền
- 19 Vĩ chẳng khác Trụ vương lên giàn hỏa
- 20 Người nhà lá cháy đã tan rã
- 21 Hồn hờ thay, ghe lá đưa chen
- 22 Bợn sĩ hành cháy đã tan tành
- 23 Tức tối mấy ghe hàng lơ lảo
- 24 Người thương phát gạo, kẻ tưởng cho tre
- 25 Bảy ngày xuân tiếng pháo vãng hoe
- 26 Ba bữa tết hơi hương lạnh ngắt
- 27 Đến khi lửa tắt, thấy những tro tàn
- 28 Bợn bắt heo tở đến mặt quan
- 29 Tay ôm gối chán chương Cai Tổng
- 30 Gò lưng đoan trống lơ trống lỏng
- 31 Chốn thị thiển sạch bách sạch trơn
- 32 Miếu Bảy bà tro troi giữa càn khôn
- 33 Nhà sáu Hái trên tràng trong Vô Trụ
- 34 Phước đức bấy một nhà thầy Hữu
- 35 May mắn thay cái phố Ban Cương

- 36 Thương là thương thầy Lương thầy Dương
- 37 Cấm là cấm bộ Miên bộ Quế
- 38 Hỏa hạng quan đầu tha thuế
39. Thân bản đày ai lại thương cho
40. Ngán ngấm thay ông Xã rủi ro
41. Mỗi ban ấn chợ kia liền cháy
42. Bát ngát mấy thầy Hương tức tối
43. Mỗi lãnh bằng lâu nợ bị thieu
44. Tiệm Quảng Xương hàng hóa tiêu điều
45. Phường thuốc bắc – quế, sâm cháy nát
46. Lửa cháy trong một lát
47. Cửa chẳng biết mấy muôn '
48. Chết nhón nhàng nước mắt đơm tuông
49. Dân xao xuyến chơn mây lửa cháy
50. Lộn lao kẻ khôn người đại
51. Xô bồ dân Việt khách Ngô
52. Người khi không chạy đến giết đồ
53. Kẻ bị lửa bỏng liền mất của
54. Cháy không còn chiếc đũa
55. May đâu cuốn được cái mừng
56. Nhà biển Ngư, hia Mãn nói khôn cùng
57. Phố Hương Hạc, Bang Giàu nên quá uế
58. Bởi vì ai tắc nghẹt
59. Mua cân già lại bán cân non
60. Tại mấy đứa vô nghì

61. Tráo thuốc đủ lai đo thuốc thiếu
62. Vây nên nổi hiệu thuyền phát diều
63. Bồi khiến nên ngọc thạch khu phần
64. Phố trăm căn lửa cháy phừng phừng
65. Trời năm thức khói bay mịt mịt
66. Chờ rằng:
67. Mỏ thối lông thối lông nệm vết
68. Bởi vì ai vẽ rốn thêm chum
69. Thấy cuộc đời ta đứng dừng đứng
70. Thôi cất bút nói làm chi nữa
71. Nghe quan trên dạy sửa
72. Dân dưới đã an bài
73. Một hai ngày tình cũ đã phai
74. Ta sắp tính phố phường lập lại -
75. Xin dân làng đừng có ngại
76. Lập cơ đồ dốc để trăm năm
77. Lạy trời nam ơn bữa vững bền -
78. Xin chúng dân no - đủ
79. Chợ Cái Tàu trăm năm qui cũ
80. Làng Hội An muôn thuở vững bền

Bài vè này do ông Nguyễn Văn Na, dịch từ bản văn chữ nôm – Có sự trợ giúp của thầy Bảy Cao (đánh nho ở xã Hội An) và thầy Sáu Ninh (đồng y sĩ) sao chép xong vào năm 1961.

*** Giải nghĩa chữ Hán hoặc Nôm:**

Câu 3- Quý đông ngoat Tháng thứ ba của tiết mùa đông (tức tháng 12 âm lịch)

4- Thị Lánh là bà Ông Thoại Lan, ông Bốn. vị thần gọi theo tục người Hoa gọi là ông Thần Táo quân.

8- Ông Năm Quấn Tên thật là Ông Vạn Quảng

10- Bảy Sên là Ông Trường Thanh cha đẻ của bà Ông Thoại Lan

16- Giàu Thạch thị tên một tiệm buôn giàu có tánh kêu căng

22- Bơm si hành. tiếng nói châm biếm người dốt mà hay nói chữ nhơ.

29- Cai Tổng viên chức trông coi quân, kẻ dưới là Tổng

30- Gò lũng đoạn là sân chợ

32- Miếu Bảy Bà vị trí phía sau những Kiosque trên đầu chợ ngày nay

33- Nhà Sáu Hái – tên thật là Ông Trường Hải

35- Bang Cương: Một chức vụ cử theo người Hoa. Tên thật là Tạ Đại Cung.

36- Thấy Lương – Thấy Dương tên hai người có tiếng văn hay thời bấy giờ.

37- Bộ Miên – Bộ Quế hai ông hương chức tân và cựu làm Hương Bộ (Con cháu là Huỳnh Ngọc Ẩn, cháu nội hiện ngụ đầu cầu ván phía bờ Mỹ An Hưng A

38- Hỏa hang: Thời Pháp có chữ PATENTE là thuế môn bài phải đóng hàng năm cho người buôn bán các nghề tại khu chợ.

40- Ông xã rủi ro: Hương làm xã mới lãnh tờ cử thì chợ cháy luôn tờ cử của ông

44- Tiêm buôn Hiệu Quảng Xương bán thuốc bắc.

48- Chết Tiếng Việt gọi chung tất cả người Hoa Kiều sang Việt Nam làm ăn

51- Ngộ: Ám chỉ người Tàu, tránh câu hành văn trùng tự

52- Nhà Biện Ngưu một chức trong làng, Biện thơ ký thời nay

Hia MÃN, tên một người Hoa tên MÃN tuổi còn trẻ

58- Phố Hương Hạc nhà mới hương chức tên là Hạc

Bang Giàu người tên Giàu được cử chức Bang đại diện cho người Hoa

59- Tắc nghiệt gây việc ác

63- Hiệu thiên Phát điều. ý nói làm việc ác mới gặp quả bị cháy tiêu hết sản nghiệp.

64- Ngọc thạch khu phần. Của quý giá như kim cương, cẩm thạch v v bị lửa cháy thành khối lộn xộn

67- Mỗ tiếng xưng là ta, người có tư thế

(Phần trích dẫn tên người và giải nghĩa chữ Hán Nho là thủ bút của thầy Nguyễn Văn Na – cựu Hiệu Trưởng trường Tiểu học Cộng đồng Hội An “A”

Bà Hai Chủ Chợ

Bà gốc người Triều Châu, sinh năm 1871 nhằm năm Tân Mùi, tại Chợ Cái Tàu Thương, thuộc ấp Thị, làng Hội An, tổng An Thanh, huyện Vĩnh An, hạt Sa Đéc (nay thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang) Bà là cháu

ruột, cũng là con nuôi của ông Ông Trường Thanh và bà Đỗ Thị Ngọc⁵⁴.

Chuyện xưa kể lại, lúc nhận về nuôi bà xinh, dễ thương và tròn trịa như hạt mít nên đường phu đặt tên là Ông Thoại Mít Lớn lên, bà rất siêng năng, quán xuyến mọi công việc trong nhà, là một người con hiếu thảo.

Gia đình bà buôn bán lớn tại Chợ Cái Tàu Thượng một căn là bán hàng bách hóa, một căn là sản xuất gỗ khắc chạm⁵⁵. Do bất cẩn, em gái thứ tư của bà là Ông Thoại Lan (tiếng Triều Châu phát âm là Lánh) đốt pháo tiễn đưa ông Bốn về trời gây ra hỏa hoạn, làm thiêu hủy toàn bộ chợ Cái Tàu Thượng⁵⁶. Song thân của bà quá tự tin về sự kiên cố của ngôi nhà, nên đóng chặt các cửa và lên lầu tránh lửa. Để cứu cha mẹ⁵⁶ và tài sản, bà đã vùi mình trong biển lửa khi mới mười tám tuổi xuân.

Trước cảnh tro than của chợ Cái Tàu Thượng ông Bùi Xuân Hòa⁵⁷, một danh nho thời ấy đã cảm tác bài "Về

⁵⁴ Bà Đỗ Thị Ngọc. Là em dâu thứ bảy của bà Ông Thi Lễ. Thập của bà Đỗ Thị Ngọc tọa lạc trước chia bà Lễ (cùng một hướng và được kiến trúc giống như Thập bà Lễ).

⁵⁵ Sản xuất gỗ khắc chạm: Chạm khắc hình rồng phượng, hoa lá v.v trên gỗ quý, để trang trí hoa văn trên tủ, bàn, giường. -

⁵⁶ Ông Ông Trường Thanh, tiếng Triều Châu phát âm là Sênh cùng với vợ là Đỗ Thị Ngọc bị phóng nặng phải diu qua chia ông Bốn (nay là Thuận Đức Công). Bà Đỗ Thị Ngọc được cứu sống. Riêng ông Ông Trường Thanh bị phóng nặng nên từ trần vào rạng sáng ngày mùng một tết năm Kỷ Sửu.

⁵⁷ Ông Bùi Xuân Hòa. Quê ở Quảng Nam (Đà Nẵng), trong lúc chờ khoa thi, Hội thi Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ, triều đình Huế phải ký hòa ước PATENOTRE (1884). Công danh trắc trở ông tìm đến làng Hội An mở trường dạy học. Ông vẫn hay chữ tốt nên người dân thường gọi là "Thầy Phụng". Ông là người cảm tác bài về cháy chợ Cái Tàu năm 1888.

cháy chợ” Câu thơ số 11, ông đã buồn ngùi thốt lên. “Thương người ngọc, nằm trong đống lửa” Vốn chết trẻ nên có nhiều câu chuyện về bà. Từ ấy, oai linh của bà làm chấn động khu chợ. Tiếng đồn xa, ai cầu xin điều gì cũng được bà báo ứng linh nghiệm người đời đã tôn vinh Bà Hai Chủ Chợ

TRỤ SỞ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Lúc ban đầu trụ sở tọa lạc tại ngôi nhà bỏ trống của bà Ông Thoại Nga (gần bến chợ, thuộc dãy phố hướng đông. Nay là nhà của Trần Bá Năng) Sau đó, dời về trụ sở Ủy ban hành chánh xã Hội An (đối diện nhà lồng Chợ Cái Tàu Thượng)

Nguyên trụ sở của chính quyền thời ấy là văn phòng của đại đội 11 và trụ sở của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo (thuộc đảng phái chính trị), được xây dựng vào năm 1950. Do vậy, chính quyền phải dời cơ quan về lộ nhựa, cách ngã tư dốc cầu đúc chừng 100 mét, để bàn giao lại cho Giáo hội làm trụ sở.

Năm 2007, văn phòng Ban Trị Sự Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo xã Hội An đặt tại nhà ông Dương Văn Thặng (phó ban trị sự), ngụ tại ấp Thụ 2.

CẦU NHỎ

(PHÍA SAU CHỢ CÁI TÀU THƯỢNG)

Mùa đông năm Ất Dậu (1945), Pháp đánh chiếm lại những khu vực do Việt Minh kiểm soát. Làng Hội An là một trọng điểm để càn quét.

Nhằm cản trở những cuộc hành quân, lực lượng Việt Minh vận động nhân dân phá gãy làm đôi cầu đúc Cái Tàu Thượng

Cầu gãy gây khó khăn cho Pháp trong việc truy kích Việt Minh và làm trở ngại không ít việc đi lại của nhân dân hai bờ. Cán bộ Việt Minh có tên là Khương (không rõ họ) làm trưởng ban tiếp tế, đã vận động nhân dân bắt đả chiến hai cây cầu bằng gỗ qua rạch Cái Tàu

- Cầu ván, cách cầu đúc phá sập chừng 100 mét về hướng đông (nay là trước nhà ông Nguyễn Văn Khai sang nhà ông Trương Văn Phúc)

- Cầu về hướng tây, ở phía sau Chợ Cái Tàu (nay là trước nhà ông Huỳnh Ngọc Ấn qua nhà ông Trần Duy Huỳnh (tên thường gọi là Huỳnh Em).

Năm 1956, cầu đúc Cái Tàu Thượng được tu sửa lại. Cầu ván trước nhà ông Trương Văn Phúc lâu ngày hư mục mới bị tháo dỡ, chỉ còn lại cầu ván nhỏ ở phía sau chợ vẫn còn tiếp tục sử dụng.

Điều đáng nói là cây cầu do công khởi xương và điều động của người tên Khương nhưng cho đến ngày nay cầu vẫn không mang tên một người nào, mặc dù có nhiều người đứng ra cất mới hoàn toàn. Điểm đặc biệt là tên gọi phụ thuộc vào vật liệu xây cất. Khi làm bằng ván, dân làng gọi là cầu Ván. Làm mới toàn bộ bằng ciment cốt sắt thì tên gọi của nó là cầu Đúc nhỏ (phân biệt với cầu đúc Cái Tàu Thượng ở lộ nhựa) Nếu đo khoảng cách của hai cầu, tính luôn cả độ cong của con rạch thì cũng chưa đầy hai trăm mét mà đường vào Chợ Cái Tàu vẫn ùn tắc giao thông!

****Những giai đoạn xây dựng cầu Nhỏ***

Lúc đầu, cầu làm bằng gỗ tạp mau hư nên bà Ông Thoại Chi (thường gọi là bà Chín Chư) làm lại bằng ván thao lao

Năm 1970, bà Huỳnh Mỹ Hương (thường gọi bà Tư Tiên) ra tiền nhờ ông Hồng Văn Kìa (thường gọi Năm Tỷ), thay mặt bà để coi việc cất lại cầu bằng ciment cốt sắt.

Năm 1985, rạch Cái Tàu xáy mức, cầu Đúc nhỏ bị phá bỏ Ông Trần Văn Hộ, chủ tiệm buôn vải hiệu Phước Thành bắt tam cầu tre để qua sông. Năm 1987, ông thay tre để làm lại bằng gỗ cẩm xe

Năm 2000, đầu chợ Cái Tàu bị lấn chiếm lòng lề đường nên khu vực này thường bị ách tắc giao thông, nhờ có cầu nhỏ sau chợ góp phần giải tỏa nạn kẹt xe Sau đó, mặt cầu được mở rộng thêm 3 tấc Nhằm tăng thêm độ bền chắc và tạo dáng đẹp, ông Trần Duy Huỳnh đã

thiết kế hàng rào cầu bằng sắt, cáp treo với tổng kinh phí là 14 076.000đ (mười bốn triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) Trong đó, gồm có

- Bà con ở đầu cầu bờ Mỹ An Hưng “A” đóng góp 2 000.000đ (Hai triệu đồng)

- Ủy ban nhân dân xã Hội An trích ngân sách địa phương 6 000.000đ (sáu triệu đồng)

- Phần còn lại 6.076 000đ (sáu triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) là do sự đóng góp của ông Trần Duy Huỳnh và 2 Việt kiều Mỹ là ông Châu Công Liêm và bà Trần Kim Huyền.

Năm 2004 cầu do tàu kéo gỗ đụng sập. Lúc bấy giờ, cầu cũng bị tháo dỡ để chờ mùa nước cạn kobel mức lại rạch Cái Tàu.

Năm 2005, cầu được làm lại rộng hơn, chất lượng hơn. Ông Trần Duy Huỳnh lại tiếp tục vận động bà Trần Kim Huyền tài trợ để sửa cầu với số tiền 22 065 000đ (hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)⁵⁸, cầu được làm theo quy cách như sau:

- Cột chân cầu cũ đúc vuông 3 tấc (nay đúc mới cột tròn, đường kính trung bình là 6 tấc).

⁵⁸ Tổng kinh phí là 26 999 000đ gồm có: bà Trần Kim Huyền 18 180 000 đ, chủ phương tiện làm hư cần đến 4 triệu đồng và ông Trần Duy Huỳnh đóng góp 3.685 000đ và ủng hộ thêm một số cử trảm trị giá gần 1 triệu đồng lại con quanh cần đóng góp 925.000 đồng.

- Cột cầu mới được lùi sâu vào bờ, mỗi bên là 1 mét, tạo được khoảng cách rộng hơn nhằm tránh sự va chạm như vừa qua.

- Hai mang cầu toàn bộ làm mới bằng bê tông cốt sắt, nâng cao thêm 2 tấc nhằm tạo thông thoáng cho ghe tàu qua cầu trong mùa nước lũ.

Mặt cầu cũ, lát ván rộng 1m50, nay lát mới rộng 2m (có tận dụng gỗ cũ).

- Hành lang cầu bằng sắt, được sơn mới để sử dụng lại.

Cầu tuy không có tên cố định nhưng người đời vẫn luôn nhớ mãi hình ảnh của cây cầu Bời lẽ, nơi đây đã chứa đựng những kỷ niệm khó quên của nhiều thế hệ tuổi thơ ở khu chợ. Họ đã từng bày tỏ chí mao hiểm của mình bằng cách từ giữa cầu lao thẳng xuống mặt nước (rất nhiều kiểu) để tìm cảm giác mạnh!

Từ lâu, cầu cũng đã góp phần tạo sự thuận tiện cho con em của hai làng Mỹ An Hưng và Hội An Đông được đến trường Hội An để học. Và cư dân ở bên kia sông được nhanh chân đến chợ Cái Tàu.

Đâu chỉ là như thế, trước ngày miền Nam được giải phóng, cầu cũng đã từng cứu nguy cho những thanh niên bị truy bắt quân dịch (chỉ cần vọt qua cầu là đã sang địa phương khác).

XÓM HÀNG ME

Là một đoạn đường chỉ dài hơn 40m, nằm ở dãy phố hướng Tây, nối liền với đầu chợ Cái Tàu. Thuở ấy, hai bên lề toàn là me, nên người đời gọi nơi đây là xóm hàng me

Xưa kia, giáp với hàng me là vườn cây ăn trái chỉ có duy nhất một ngôi nhà khang trang của ông Lê Thành Sang. Ông này, vừa là chủ đất và cũng là vị Kế hiền của làng Hội An thời Pháp thuộc

Tên gọi là xóm hàng me được phổ biến rộng rãi sau khi kiến thiết lại chợ Cái Tàu vào những năm 1958. Có người hỏi sao lại gọi là xóm hàng me mà không là phố hàng me? Bởi lẽ, con đường có nhiều lá me bay này, phần đầu là phố lầu gác ván, tiếp theo là những khoảng đất trống xen kẽ với những nhà trệt mái lá. Có lẽ trong tâm trí người dân quê chữ phố còn chưa thông dụng lắm

Từ chợ đi đến trường Tiểu học Cái Tàu Thượng (nay là trường tiểu học "A" Hội An), bên lề trái có 04 cây, bên lề phải có 05 cây Hàng me 05 cây cùng một lề với trường Tiểu học, trong đó có 01 cây me ngoi (cây me này tàn phủ lên nóc nhà ông Nguyễn Văn Tính (thần phụ của thầy giáo của Nguyễn Minh Thống) Không ai biết me đã trồng từ bao giờ mà gốc của nó thì phải cần đến hai người thanh niên câu tay với nhau mới ôm gọn

Trong khung cảnh cây cao bóng mát luôn tạo cho con đường hàng me được đông vui. Bởi lẽ, nơi đây đã có

những khoảng đất trống, quanh năm không cỏ, không nắng, mưa vẫn không sinh nên tự phát thành bến xe lỏi chở khách. Và cũng quy tụ trò chơi của trẻ con như bún dây thun, đéo lon, nhày dây hoặc chơi chuyền chuyền. Thậm chí đến người lớn cũng chiếm lấy vài chỗ để bày cuộc chơi cờ hoặc đánh bài giải khuây.

****Địa thế xóm hàng me***

Trong thời kỳ “Tiêu thổ kháng chiến” chống Pháp, cầu đúc Cái Tàu Thượng bị phá sập, chính quyền Việt Minh đã mở con đường ngang qua vườn nhà của ông Kế hiền Lê Thành Sang để bắc cầu ván qua chợ. Từ đó, hình thành một bến nước sát chân cầu.

Có đường giao thông nối liền với hai bờ. Có bến nước để dùng trong sinh hoạt. Dần dần có người đến cất nhà tạo thành xóm hàng me với những vị trí giáp ranh như sau:

- Đầu xóm ở hướng đông, giáp với đầu Chợ Cái Tàu.
- Cuối xóm ở hướng Tây, gần với trường Tiểu học.
- Giữa xóm ở hướng Nam, là cửa ngõ của hai làng Mỹ An Hưng và Hội An Đông.

Địa thế thuận lợi tạo điều kiện cho con em ở bên kia sông sang học và cư dân cũng được nhanh chân hơn khi đến mua bán ở chợ Cái Tàu.

Những vị trí nêu trên đã góp phần làm cho xóm hàng me luôn náo nhiệt. Thêm vào đó, ở đầu con đường dẫn đến cầu nhỏ sau chợ đã có một lò làm bánh mì hiệu Hồng Phát của một người Hoa gốc Hẹ.

Thuở ấy, công nhân của lò bánh này, hầu hết là những chàng trai Cái Tàu Hạ Họ đã học nghề tại Sa Đéc, được chủ lò Hồng Phát thuê về đây trả lương rất cao Bởi lẽ từ Lấp Vò qua Cái Tàu xuống Đất sét kể cả miệt Cù Lao Giêng chưa có ai làm bánh mì Thế nên, lò bánh hoạt động ngày đêm vẫn không đủ để bán

Năm 1979 con em của cư dân nơi đây cất nhà ra sống riêng (nối theo ở phía sau) Từ đó hình thành một con hẻm cong cong hướng gần đến khu Trường học có đến mười hộ gia đình.

Cây me có hơn trăm tuổi nên dễ bị khô nhánh, gãy cành Chính quyền địa phương tìm cách cưa bỏ phần khô bọng những cây me già cỗi nhằm phòng tránh tai nạn cho cộng đồng

Năm 1984, giữa trưa hè cây me già bật gốc làm sập nhà ông Lê Văn Ban, ông Lâm Văn Ly và siêu vẹo nhà ông Lê Phú Hữu Để bảo đảm tính mạng và tài sản của người dân xóm hàng me, chính quyền đã cho đốn ngã các cây me còn lại Từ ấy đến nay, đã hơn 20 năm một thế hệ trẻ chỉ biết đơn thuần là "Mình được sinh ra và lớn lên tại xóm hàng me". Trong khi tuổi ấu thơ cho đến thành niên chưa một lần nhìn thấy lá me ở trước sân nhà'

Còn đâu nữa những cơn gió nhẹ, chỉ thoảng qua mà âm thầm tạo nên những cơn mưa lá me, đã từng bám vào trên tóc của tôi, của em và của những người cùng quê hương xứ sở. Ký ức "con đường có lá me bay" chỉ còn là kỷ niệm đối với lứa tuổi trung niên trở lên của người dân Hội An.

TRƯỜNG TIỂU HỌC "A" HỘI AN

*Đưa theo chuyện kể của
Thầy Nguyễn Văn Na - Thầy Nguyễn Kim Hoa
và gia phả họ Lê của Lê Thanh Sơn,
cung như thể hệ học sinh của trường*



Lúc ban đầu (không nhớ năm nào) trường được mang tên là École Primaire Elementaire De Canton, (trường sơ cấp tổng) được xây dựng trên phần đất của ông Lê Văn Lộc, tọa lạc gần mép rạch Cại Tàu Thước. Nên trường xây bằng đá tảng. Hiện nay dấu tích nền móng cũng vẫn còn (cách cơ quan xã đôi chừng 10 mét về hướng chợ)

Hiện tại những thầy người Việt dạy chương trình Pháp - Việt, cho đến nay không ai được biết những ân sư của làng mình từ đâu đến. Tên họ là gì? Người viết đành đưa vào sự nghiệp giáo dục của thầy Nguyễn Văn Na - Người thầy dạy vỡ lòng của trường làng trong suốt 30 năm (kể từ năm 1947 đến năm 1977) để nắm được danh sách các thầy - cô giảng dạy tại Hội An

1. Thầy Nguyễn Văn Na, sinh năm 1927, là học sinh của trường Tiểu học Cái Tàu Thượng từ năm 1935 đến năm 1941, là học trò thầy Nguyễn Văn Thành.

2. Thầy Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1911, là học sinh của trường sơ cấp làng Mỹ Lương, trúng tuyển vào trường Tiểu học Cái Tàu Thượng và học lớp nhì nhỏ do thầy Huỳnh Ngọc Trưng dạy.

3. Thầy Huỳnh Ngọc Trưng, sinh năm 1889, là học sinh của trường sơ cấp Tổng. Không rõ là đã học với thầy nào, chỉ biết ông học hết lớp ba của trường Tổng (tức thi đậu bằng sơ học) rồi tiếp tục học ở Sa Đéc.

4. Thầy Phạm Văn Hanh, căn cứ vào tuổi người cháu ngoại của ông là ông Ngô Văn Đon, sinh năm 1919 thì thầy Hanh sinh vào khoảng năm 1877.

Theo lời kể của thầy Nguyễn Văn Na và ông Ngô Văn Đon, thầy Huỳnh Ngọc Trưng sau khi tốt nghiệp trường Hậu bổ ông đã xin nghỉ dạy để làm Tri huyện. Những lần về quê hoặc những ngày lễ, tết ông thường cùng với anh là Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bình, lui tới thăm viếng thầy giáo đã nghỉ hưu là ông Phạm Văn Hanh.

- Căn cứ vào năm sinh 1889 và danh vị Tri huyện của ông Huỳnh Ngọc Trưng.

- Căn cứ vào năm sinh 1887 và danh vị Đốc phủ sứ của ông Huỳnh Ngọc Bình.

- Căn cứ vào năm sinh 1877 và danh vị của ông Phạm Văn Hanh, làm thầy dạy học. Tất cả những chi tiết nêu trên cho ta khẳng định: ông Hanh là thầy dạy học của ông

Trưng và ông Bình. Từ đó chúng ta có thể tôn vinh ông Phạm Văn Hanh là bậc “sư thầy” của làng quê Hội An (?)

Trường làng Hội An thay đổi qua các thời kỳ:

1. Trường sơ cấp Tổng (École Primaire Élémentaire De Canton). Chợ Cái Tàu Thượng là 1 trong 5 chợ lâu đời nhất và lớn nhất của huyện Vĩnh An. Sau khi Pháp thuộc, nơi đây vẫn là trung tâm thương mại, trung tâm hành chính của tổng An Thanh Thượng. Vì thế trong những thời kỳ đầu mở trường, các làng trong và ngoài tổng tìm cách đưa con em của mình đến trọ học tại chợ Cái Tàu. Sau đó trường sơ cấp tổng được nâng lên thành trường Tiểu học.

2. Trường Tiểu học Cái Tàu Thượng (École Primaire Complémentaire De Cái Tàu Thượng).

Thuở ấy, chương trình tiểu học phải mất 6 năm. Gồm có các lớp học như sau:

Cấp sơ học (Élémentaire) gồm có:

1- Lớp năm.

2- Lớp tư

3- Lớp ba

(học hết lớp ba phải thi lấy bằng sơ học. Tốt nghiệp sơ học mới được dự tuyển vào học năm thứ nhất của bậc tiểu học).

Cấp tiểu học (Complémentaire) gồm có:

4- Lớp nhì nhỏ (tức là năm thứ nhất) · Cours Moyen Première Année

5 Lớp nhì lớn (tức là năm thứ hai)-Deuxième Année

6- Lớp nhất (tức là năm thứ ba)- Troisième Année.

Những học sinh ở các trường sơ cấp như Mỹ Luông, Mỹ Hiệp, Tấn Mỹ, Bình Phước Xuân (xưa là Tân Phước), An Thanh Trung, Mỹ An Hưng (nay là "A" và "B"), Tân Mỹ, Hội An Đông đã tốt nghiệp sơ học phải đến trường Tiểu học Cái Tàu Thượng để dự tuyển vào học năm thứ nhất của bậc Tiểu học

3. Trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Quế.

Năm 1939, Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bình người học trò của ngày nào đã thành đạt về lại quê hương, cải hiến cho trường 3 phòng học đối diện với trường cũ trên phần đất của ông Lê Văn Hưu nhưng lại đổi thành trường École Primaire Complémentaire De Huỳnh Ngọc Quế (tên phụ thân của ông Bình)!

Hiện nay những người học trò cũ của trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Quế, hầu hết đều là lão ông, lão bà. Vì thế, chuyện kể về kỷ niệm của trường này rất được nhiều thế hệ biết đến là hằng năm, vào ngày giỗ của ông Huỳnh Ngọc Quế, Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bình và Tri huyện Huỳnh Ngọc Trưng tổ chức cúng kiếng rất linh đình. Hai ông đã cho mời tất cả những thầy, cô cùng toàn thể học sinh đang học năm cuối của trường. Thậm chí những học trò cũ cũng được mời đến dự lễ giỗ đây chẳng khác nào là ngày họp mặt cựu học sinh của trường.

Trong kháng chiến chống Pháp, trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Quế bị phá sập.

4. Trường học thời kỳ Đảng phái.

Năm 1951, quân đội của đảng phái về đây chiếm cứ vùng này. Chính quyền thời ấy đã tận dụng cột nhà bị tháo dỡ do quân đội của đảng phái tịch thu để cất 02 phòng học, còn vách và mái trường bằng vật liệu tre lá. Vị trí của hai phòng học này nay ở khoảng giữa sân, nằm phía trước cột cờ (gần với cổng trường). Năm sau lại tiếp tục cất thêm một phòng cũng bằng vật liệu tre lá. Lúc bấy giờ, khu vực của trường học mang hình dáng chữ nhạ (=)

Thuở ấy, thầy giáo đi dạy ngày hai buổi chỉ được đại đội 11 trợ cấp vài thùng gạo thay cho lương tiền. Tuy vậy, với lòng "yêu nghề, yêu trẻ" đã có 3 người đứng ra giảng dạy. Đó là

1. Thầy Nguyễn Văn Na dạy lớp ba (kiếm trường giáo)
2. Thầy Nguyễn Kim Thoa dạy lớp tư (nay gọi là lớp hai)
3. Cô Ông Như Huệ dạy lớp năm (nay gọi là lớp một)

Từ năm 1951 đến năm 1955 trường không có tên. Bởi lẽ, đây chỉ là điểm dạy học do đại đội 11 tổ chức. Và đảng phái chính trị này cũng bị tan rã sau khi Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống.

5. Trường Tiểu học Cái Tàu Thượng.

Năm 1956, Trường Tiểu học Cái Tàu Thượng được tái lập. Lúc bấy giờ cơ sở vật chất chỉ có ba phòng học tre lá do quân đội đảng phái để lại.

Thời ấy, trường trực thuộc vào Ty tiểu học của tỉnh Sa Đéc. Vì thế Ty đã bổ nhiệm Thầy, Cô và bố trí nhân sự của trường như sau.

1- Thầy Nguyễn Văn Na (cựu giáo viên của trường dạy lớp năm, nay gọi là lớp một)

2- Thầy Trần Phú Quới dạy lớp năm (nay gọi là lớp một)

3- Thầy Nguyễn Kim Thoa cựu giáo viên của trường dạy lớp tư (nay gọi là lớp hai)

4- Cô Trương Thị Hai dạy lớp tư (nay gọi là lớp hai).

5- Thầy Lê Thành Cừu dạy lớp ba.

6- Thầy hiệu trưởng Trần Kỳ Tài dạy lớp ba

7- Thầy Nguyễn Văn Liêm dạy lớp nhì (nay gọi là lớp bốn).

* Riêng cô Ông Như Huệ do có chồng làm tham mưu trung đội của đảng phái nên không được dạy

Năm 1957, cũng vẫn ba phòng lớp ấy cộng thêm nơi mượn tam chỗ để dạy Ty Tiểu học Sa Đéc bổ nhiệm thêm.

1- Thầy Nguyễn Văn Chánh dạy lớp nhất (nay gọi là lớp năm).

2- Thầy Nghiêm dạy lớp ba

Đầu niên học 1958, thầy Trần Kỳ Tài, thầy Nguyễn Văn Liêm chuyển sang trường khác. Thầy Nghiêm gia nhập quân đội. Thế nên, Ty Tiểu học Sa Đéc đã bổ nhiệm.

1- Thầy hiệu trưởng Ngô Văn Giàu dạy lớp ba

2- Thầy Trình dạy lớp nhì thay cho thầy Tài

3- Cô Nhan Thị Kim dạy lớp nhì thay cho thầy Liêm (là vợ của thầy Trinh)

4- Thầy Lê Ngọc Lưu dạy lớp nhất

Lúc bấy giờ, ba phòng học sườn cây cột nhà của quân đội đang phát cái được tháo dỡ để dời lên nền ba phòng học của Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bình cất năm 1939 (đã bị phá sập vào năm 1945)

Trong năm 1958, bà Huỳnh Mỹ Hương (bà Tư Tiên) cùng với bà Ông Như Hữu (bà Trương Tiên), đã cất hiến cho trường hai phòng học kiên cố. Hai phòng này là hai lớp nhất đầu tiên nằm trong khuôn viên nhà trường do thầy Chánh và thầy Lưu phụ trách.

Năm 1959, Trường Tiểu học Cái Tàu Thượng thuộc về hệ thống giáo dục của tỉnh An Giang. Tỉnh cấp kinh phí để xây thêm ba phòng học bán kiên cố, nối dài với hai phòng tài trợ của bà Hương, bà Hữu.

Đặc điểm của 3 phòng học bán kiên cố này là vách ngăn mỗi phòng được đóng bằng ván ép carton, được tháo dỡ mỗi khi nhà trường có tổ chức lễ hội. Từ đó, ba phòng không vách trở thành hội trường có cả một sân khấu cho học trò ca múa và diễn kịch.

Năm 1960, bà Hương và bà Hữu lại tiếp tục cất hiến cho nhà trường một văn phòng để nối liền với ba phòng bán kiên cố dài ra gần đến cổng.

Năm 1961, Ty tiểu học An Giang đã bổ nhiệm (để hoán chuyển) những thầy cô sau

1- Thầy Trần Văn Cống dạy lớp nhất thay cho thầy Chánh đã chuyển về quê ở Long Hâu

2- Cô Trần Hiền Kinh dạy lớp nhì thay cho thầy Trinh.

3- Cô Nguyễn Thị Trà dạy lớp nhì thay cho cô Kim.

Năm 1962, ông Lê Văn Bang, lúc bấy giờ là Hội trưởng Hội phụ huynh học sinh của trường đã cùng với ông Lê Kim Thành (người đời thường gọi là ông Hội đồng Hía), lên tận Sài Gòn để vận động ông Huỳnh Ngọc Nhuận là con của ông Đốc phủ sứ Huỳnh Ngọc Bình tài trợ để nâng cấp trường⁴⁹.

Trong lúc lớp chưa hoàn thành, trường phải tạm mượn những điểm dạy cũ như Thanh Đức Cung, nhà bỏ trống của bà Ông Thoại Nga và nhà kho của Chùa Bà Lê để làm nơi dạy học.

Năm 1962, Ty tiểu học An Giang đã bổ nhiệm thầy Nguyễn Hữu Ích, thầy Phạm Tấn Tiến để hoán chuyển thầy Lê Ngọc Lưu về Sài Gòn

6. Trường Tiểu học cộng đồng Hội An "A".

Năm 1965, Trường tiểu học Cái Tàu Thượng được đổi lại là Trường Tiểu học Cộng đồng Hội An "A" (do việc cải cách giáo dục ở nông thôn đã đặt trọng tâm vào cộng đồng) Thế nên, mỗi ấp đều xây dựng một trường sơ cấp. Tên của trường đều gọi chung là Trường Ấp Tân Sinh

Trường sơ cấp Ấp Tân Sinh ở xã Hội An, có những điểm dạy và các thầy, cô như sau.

⁴⁹ Hai thợ mộc Huỳnh Văn Năm, Vũ Văn Chắp góp công sức vào việc hoàn thành trường.

a Trường sơ cấp Ấp Tân Sinh An Phú gần miếu Bà Đồi được gọi là Hội An “B”

* Trường giáo là thầy Phan Văn Thơi Thầy Thơi là cựu học sinh của trường Tiểu học Cái Tàu Thượng (thời Pháp thuộc). Các giáo viên gồm có

Cô Nguyễn Thị Khoảnh, Cô Phạm Thị Bốn, Cô Đinh Thị Sứa

b Trường sơ cấp Ấp Tân Sinh ấp Thị (đã phá bỏ, nay là sân của trường Trung học cơ sở Hội An)

* Trường giáo là thầy Trần Phú Quới Thầy Quới người làng Tấn Mỹ thi đậu vào trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Quế Các giáo viên gồm có

- Cô Dương Thị Thê, Cô Lê Thị Ánh Loan, Cô Trương Bạch Huệ.

c Trường sơ cấp Ấp Tân Sinh, ấp An Ninh và An Khương (địa điểm tại vàm La Kết)

* Trường giáo là thầy Lê Quan Thiệu Thầy Thiệu là cựu học sinh trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Quế Các giáo viên gồm có

Thầy Nguyễn Hồng Tươi, Cô Lê Thị Phan, Cô Lê Thị Mai Tư, Cô Lê Ngọc Ánh, Cô Huỳnh Thị Hậu, Cô Huỳnh Thị Tuyết, Cô Lê Thị Khương

d Trường sơ cấp Ấp Tân Sinh An Thái (vàm Cái Nai)

* Trường giáo là thầy Quách Quan Các giáo viên gồm có:

- Thầy Nguyễn Thành Gia, Cô Trần Thị Cánh, Cô Cơ (không nhớ họ), Cô Phạm Thị Chi, Cô Huỳnh Thị Chiêm.

- e Trường sơ cấp Ấp Tân Sinh An Bình (gần mộ Bà)
- * Trường giáo là cô Đặng Thu Vân. Giáo viên gồm có
- Cô Lê Thị Sáu

(Lúc ban đầu chỉ có hai lớp. Cô Đặng Thu Vân giáo viên kiêm trường giáo)

Thuở ấy, hiệu trưởng của trường tiểu học Cộng đồng Hội An "A" điều hành các trường sơ cấp Ấp Tân Sinh

Sự phát triển phòng lớp của trường tiểu học cộng đồng Hội An "A"

Năm 1965 ông Lê Văn Khâm, một doanh nhân thương thuyền đã hiến cho nhà trường một phòng học và một hàng rào (nay vẫn còn) nối liền ba phòng tài trợ của ông Huỳnh Ngọc Nhuận.

Năm 1967, viện trợ văn hóa Hoa Kỳ đã tài trợ để cất thêm ba phòng nối liền với phòng cất hiến của ông Lê Văn Khâm, tạo thành một dãy lớp bảy phòng. Lúc bấy giờ, cơ sở của trường gồm có tất cả mười hai phòng. Từ cổng nhìn vào, mang hình dáng chữ L nằm úp (⌞)

7. Trường phổ thông cấp I Hội An.

Sau ngày đất nước thống nhất, trường Tiểu học cộng đồng Hội An "A" đổi lại là trường phổ thông cấp I Hội An. Đồng thời, nơi đây cũng là trường bổ túc văn hóa của xã. Học sinh hết cấp I, thi chuyển cấp để học tiếp trường phổ thông cấp II

8. Trường phổ thông cơ sở "A" Hội An.

Nhằm phổ cập giáo dục cấp cơ sở (hệ 9 năm), xã Hội An chia thành 02 khu vực để phổ cập như sau:

* Trường phổ thông cấp I Hội An được chọn làm trường phổ thông cơ sở "A" Hội An.

* Trường phổ thông cấp I tại vàm Cái Nai được chọn làm trường phổ thông cơ sở "B" Hội An

Sau giải phóng do quá tải về số lượng học sinh nên mỗi phòng đã có đến ba lớp để học trong một ngày Song song với việc thiếu phòng để học, giáo viên các cấp cũng thiếu Vì vậy ngành Sư phạm đã phải đào tạo cấp tốc nhiều khóa 9 + 1 để dạy cấp I Thậm chí, một số giáo viên được đào tạo chính quy dạy cấp I đôn lên để dạy cấp II!

9. Trường cấp I "A" Hội An.

Để hạn chế tình trạng học ca 3, ngành giáo dục đã phải mở thêm trường ở phường Bà Kỳ Sau đó, mở thêm trường tại khu lương thực Phường Sung

Năm 1989 trường phổ thông cấp I Hội An được đổi lại là trường Cấp I "A" Hội An.

10. Trường Tiểu học "A" Hội An.

Năm 1991, trường Mẫu giáo được dời về Sân bà Huyện, nên tạo được mặt bằng để xây dựng thêm sáu phòng học. Lúc bấy giờ, trường phổ thông cơ sở "A" và "B" bị giải thể Từ ấy, trường lại được mang tên là Trường Tiểu học "A" Hội An Năm 2005, ngành Giáo dục đã xây thêm 14 phòng học

Hiện nay, cơ sở vật chất của trường Tiểu học "A" Hội An từ cổng nhìn vào mang hình chữ U Và trong tương lai, những phòng học gần cổng đã xuống cấp, sẽ được phá bỏ để xây dựng lại, mới hơn và đẹp hơn

SÂN BÀ HUYỆN, BẾN BÀ HUYỆN

Những thế hệ học sinh của trường Tiểu học Hội An khó mà quên được Sân bà Huyện. Bởi lẽ, thời ấy đường đi là đất, sân trường cũng toàn là đất. Vì thế cho nên, mùa nắng thì gió bụi, mùa mưa chịu cảnh bùn lầy, trơn trượt. Tuy hành lang của nhà trường rất dài và luôn sạch sẽ nhưng bề ngang thì quá hẹp, lại là sân chung cho nhiều lớp, thế nên mỗi lớp không thể bày đủ hết các trò chơi.

Trong khu gần với trường học đã có sẵn một khuôn viên rộng và sạch, gọi là Sân bà Huyện - một địa thế rất thuận tiện, đã thu hút học trò đến đây vui chơi thoải mái như đùa lon, nhảy dây hoặc là cút bắt.

Tại Sân bà Huyện còn có Bến bà Huyện. Bến nước có những bậc thềm rộng đủ chỗ cho học trò chen lấn xuống sông để rửa sạch mặt mũi, tay chân trước khi vào lớp học. Ngoài âm thanh lao xao của những con ong học trò, nơi đây cũng là bến nước sinh hoạt cho nhiều hộ gia đình, cư ngụ gần với trường học. Tên gọi Sân bà Huyện, Bến bà Huyện có từ khi ông Huyện Chiêu mãn phần năm 1949.

Đất nước thống nhất, trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Hội An, tọa lạc tại chợ Cái Tàu Thương được dời về Sân bà Huyện. Đến năm 1989, tại đây là một trong hai đầu mối của toàn bộ mạng điện huyện Chợ Mới kéo từ bờ Đồng Tháp.

Năm 1991, trường Mẫu giáo Hội An dời từ trường Tiểu học “A” Hội An về xây dựng trên nền nhà cũ của ông Huyện Hiền nay, toàn bộ hàng rào mặt tiền của khuôn viên nhà ông huyện Chiêu cư dân đã cất nhà để ở

Vậy Bà Huyện là ai?

Ông Ông Phước Châu là con thứ mười của một gia đình gốc Triều Châu nên người đời gọi tên ông bằng tiếng Triều Châu là Chiêu Ông Chiêu được thừa kế gia sản rất lớn, ruộng vườn nhà phố ở khắp Sài Gòn,

Ô Môn, Long Xuyên. Năm 1938, ông mua phẩm hàm Tri huyện⁶⁰, nên người đời đã ghép chức mua với tên của ông mà gọi là Huyện Chiêu Ghép chức mua với thứ của ông để gọi là Huyện Mười Vợ của ông là bà Trương Xứ Nga, pháp danh là Hồng Nguyệt. Lúc sinh thời bà thường gởi tiền về quê, nhờ ông Hồng Văn Kĩa (năm Tý) thay mặt bà để làm điều phước thiện Vì lẽ ấy, người đời thường nhắc đến bà qua tên gọi là bà Huyện – gắn với sở hữu như Sân bà Huyện, Bến bà Huyện

⁶⁰ Sau khi chiến tranh Thế giới lần thứ I (1914 > 1918) nước Pháp suy thoái trên những kinh tế lại bị khủng hoảng trầm trọng. Để khắc phục hậu quả chiến tranh, Chính phủ Pháp chủ trương bán chức cho các công dân ở những nước thuộc địa được gọi chung là phẩm hàm.

Thứ ấy, phẩm hàm được quy định như sau.

- Cấp làng xã. Hàm Hội đồng địa hạt giá 3 000 đồng tiền Ngân hàng Đông Dương (tương đương với 15 000 gạo lúa).
- Cấp Quận. Hàm Tri huyện giá 10 000 đồng tiền Ngân hàng Đông Dương (tương đương với 50.000 gạo lúa)

SÂN VẬN ĐỘNG HỘI AN

(SÂN BANH CÁI TÀU)

*Dựa theo lời kể của
Thầy Nguyễn Văn Na và
Ông Lê Thanh Sơn*

Xưa kia nơi đây là một khu đất hoang được ông Lê Văn Lộc dành làm nghĩa địa cho những người nghèo không có đất chôn hoặc kẻ tử cố vô thân chẳng mai xấu số qua đời. Phần sở hữu này, cháu gọi ông Lộc bằng bác là Lê Văn Hựu thừa kế.

Năm 1939, được sự đồng tình của ông Lê Văn Bang và ông Lê Văn An (con ông Hựu), chính quyền thời ấy đã di dời hài cốt để làm Sân vận động. Do nơi đây trũng thấp, người ta đã phải đào mương theo chiều dài để lấy đất tôn cao mặt nền. Nhờ thế, Sân vận động Hội An mới có đường biên dọc là 90 mét, và đường biên ngang là 65 mét. Người dân địa phương hầu hết đều gọi bằng sự cảm nhận của trực giác là Sân banh.

Sân banh Cái Tàu có những thành tích đáng được ghi nhớ như từ lúc mới sơ khai có ông Bùi Ngọc Thiện⁶¹ và ông Nguyễn Văn Đời⁶² là hai cầu thủ xuất sắc nhất của làng Hối An thời Pháp thuộc. Thuở ấy người xưa đã thi đấu không vì vụ lợi, họ chỉ mong sao đem lại sự nổi tiếng cho xứ sở đôi khi phải mang tật suốt đời vì nan chơi xấu!

⁶¹ Là chân sút cừu hương cả Bui Quý Ngọt cư ngụ ở phần trên tương Bò Đon.

⁶² Cư ngụ khóm xóm lò heo (gần cổng chùa Bà Lê).

Sân banh hoạt động sôi nổi được sáu năm thì chiến tranh đã trùm phủ cả quê hương, đất nước. Những náo nức khi có tổ chức đá banh cùng với sự reo vui của người dân lúc đôi nhà tấn công đội khách hoặc ghi được bàn thắng đã nhường chỗ cho những tiếng khóc than, kể lẻ khi người thân bị Tây bắt đem đến đây xử bắn hoặc nơi thanh trừng của những phe phái chính trị.

Đến năm 1950, quân đội của đảng phát Hòa Hảo về đây tam chiếm vùng này. Từ đó, Sân vận động được hồi sinh và làm dấy lên phong trào có tên là Hội banh Tam dân. Hội đã lãnh được nhiều cờ hạng và cúp bóng đá trong khu vực⁶³.

Năm 1967, nơi đây được xây cất làm đồn bót nên vô cùng vắng vẻ. Khi miền Nam hoàn toàn được giải phóng, đồn bót bị phá bỏ, giao thông hào được lấp kín để trả lại mặt bằng của sân vận động như thuở ban đầu.

Hiện nay Sân vận động là nơi để cho học sinh luyện tập bộ môn thể dục. Cư dân cũng thường hay đến đây để vận động giải trí như đánh cầu, thả diều, đi bộ.

Hàng năm, chính quyền địa phương cũng thường tổ chức cho các ấp đến thi đấu để tuyển chọn đội giỏi, thay mặt cho xã đi dự giải. Và thỉnh thoảng Sân banh cũng được nhà trường tổ chức cho học sinh cắm trại.

⁶³ Ông Nguyễn Thành Nhơn là Hội trưởng hội banh kiêm Thủ quỹ xuất sắc nhất của đội cho biết. Đầu tiên có tên là đội banh Từ Dân. Từ Dân mang ý nghĩa là dân Từ xứ. Ông Nguyễn Thành Nhơn muốn cho đội banh của mình được nổi tiếng hơn nên đặt tên cho đội là Tam Dân.

MIẾU THỜ BẢY BÀ

Dựa theo truyền khẩu



Không ai biết công đoạn dân cư chợ Cái Lát lập miếu thờ Bảy Bà vào lúc nào, chỉ nghe kể lại về bức kèo cây chó hoa năm 1888, còn thờ lư miếu thờ Bảy Bà.

Thấy tỷ miếu đóng cửa với đũa nhà sòng chó và trong tam trường của ngôi miếu tổng thể chúng hình tượng để thờ thờ như môn chức nữ cho mọi người trong chợ và phân biệt theo sự vận hành của tạo hóa tức là lập với y trời, với đạo lý làm Người. Thế nên miếu Bảy Bà là miếu thờ bảy vị thánh như sau:

1. Bà Địa Trì Kim Mẫu (tức là Bà Vô Cực Từ Tôn La mẹ của Thiên nữ ở cõi trời)

* Tôn giáo Cao Đài gọi bà là Phật Mẫu.

* Phu nữ thờ bà tại nhà thì gọi là Cưng Thiên Huyền Nữ tức bà nể sanh do mang)

2 Bà Nữ Oa Thánh Mẫu Vị thánh có truyền thuyết "Đội đá vá Trời". Bà là vợ của vua Phục Hi (ông tổ của nền triết học Trung Hoa)

3 Bà Kim Tinh Thánh nữ

4 Bà Mộc Tinh Thánh nữ

5 Bà Thủy Tinh Thánh nữ

6 Bà Hỏa Tinh Thánh nữ

7 Bà Thổ Tinh Thánh nữ

Căn cứ vào nguồn gốc của bảy Bà thì nơi thờ phượng đã bao gồm tất cả nguyên lý Âm Dương, Ngũ hành, Tinh Tú của Trời đất. Bởi thế cho nên, bằng cảm nhận tâm linh của con người trần tục nên đã đặt hết niềm tin vào quyền lực của các Bà. Với hy vọng chỉ có nơi miếu thờ Bảy Bà mới có đủ huyền năng mạch bảo vận mệnh của mỗi con người, đồng thời có đủ huyền lực để làm thay đổi vận mệnh của mỗi người!

Hơn một thế kỷ trôi qua, miếu Bà có thay đổi vị trí thờ phượng, đầu tiên vị trí thờ phượng gần nhà lồng chợ ở phía trên.

Năm 1927, ông Lê Thành Sang lúc bấy giờ là hương cả tại chức đã vận động bầu phố đóng góp cùng với ông để cất mới lại miếu thờ. Tuy vậy, lần xây cất này ông định vị miếu thờ toa lac trên phần đất của mình. Trên gác lửng của sân khấu là nơi dành riêng để thờ Bảy Bà.

Bên ngoài rạp hát là một cổng lớn xây bằng gạch, cột vuông 5 tấc, khắc nổi 4 chữ Hán Nho "Thất Thánh Nương nương". Chợ Cái Tàu cháy đến ba lần. Một lần

chỉ cháy có phân nữa. Còn hai lần thì cháy sạch. Ấy thế mà miếu thờ Bảy Bà cũng vẫn còn nguyên vẹn⁶⁴

Năm 1950, Đại đội 11 Hòa Hảo về đây tạm chiếm. Vì lẽ ấy, khu vực miếu thờ đã được xây dựng để làm văn phòng của Tham mưu Đại đội. Thế nên, toàn bộ rạp hát trong đó nơi thờ Bảy Bà đã bị tháo dỡ.

Trong hoàn cảnh nói trên, mặc dù am tu của vợ chồng ông Huỳnh Văn Tổ⁶⁴, tọa lạc gần Sân vận động chỉ khoảng 800 mét vuông nhưng vốn kính tin nên vợ chồng của ông đã tiếp nhận phương thờ

Từ sự việc dời chỗ này, người đời không gọi là miếu thờ Bảy Bà mà đã gọi là Am Bảy Bà

Sau giải phóng ông Trần Văn Hồ – một chủ sạp vải ở Chợ Cái Tàu mua lại của người trước canh trong tập đoàn, để hiến vào am 1 000 mét vuông đất (một công đất) nhằm tạo điều kiện cho người giữ am có thêm thu nhập để lo hương khói, trong việc phụng tự Bảy Bà

Hàng năm, cứ đến ngày 25 và 26 tháng 6 âm lịch là lễ cúng Bảy Bà. Mỗi lần cúng đều có tổ chức múa bóng. Dân chúng các nơi kéo về tụ hội rất đông

⁶⁴ Vợ chồng ông Lâm Tổ qua đời, con là Huỳnh Thị Hai và sau đó cháu ngoại là Nguyễn Hồng Nam thay kế tự

CHÙA BÀ LÊ (PHƯỚC HÒI TỰ)

Dựa theo truyền kể của 15 họ Ông



Được xây dựng vào năm 1904 (nhằm năm Giáp Thìn) mang tên là Phước Hoi Tự, những người dân quê mà vùng quê này người gọi là chris bà Bang Bời lê, bà là vợ một Bang trưởng của cộng đồng người Hoa thời ấy. Năm 1911, bà Lê nài đặt một tháp của bà nằm cạnh chùa Tự đó, người đời thường gọi Tháp bà Lê, Chùa bà Lê.

Bà Lê gốc người Triều Châu sinh năm 1840, năm năm Canh Tý tại thôn Mỹ An, Long An Thôn Huyện Vĩnh An phủ Tân Bình tỉnh An Giang (nay thuộc về xã Mỹ An Hưng "B", huyện Lập Võ tỉnh Đồng Tháp). Thân phụ là ông Ông Tư Kê, thân mẫu là bà Trần Ta. Mãi ba mươi là người hiền đức và sáng lập chùa An Long ở xã Mỹ An Hưng "A").

Đoạn trích từ "Vườn cây cổ thụ" của tác giả Nguyễn Văn Hùng, được sưu tập và biên tập lại từ các tài liệu tham khảo và phỏng vấn các vị trí quan trọng trong cộng đồng người Hoa tại địa phương.

Bà kết hôn cùng với ông Tạ Đại Cung (người Việt gọi là Cương), thương gia cư ngụ tại Chợ Cái Tàu Thượng. Lúc sinh thời, ông làm Bang trưởng của cộng đồng người Hoa thuộc khu vực Cái Tàu Đất Sét.

Vốn không có con, bà nhận cháu ruột của mình là ông Ông Võ Châu làm con. Và cũng chính vì thế, bà kết thông gia cùng với ông Lê Công Dương, có Pháp danh là Thiện Ấn, Phật danh là Hòa Thương. Vị sư này trước đó làm Đốc phủ sứ của tỉnh Cần Thơ. Ông từ quan về quê lập chùa Vạn Đức⁶⁶ để tu trên phần đất nhà tại làng Thới Thạnh, quận Ô Môn.

Năm 1902, chồng bà mất phần Theo di ngôn, bà đưa linh cữu về Quảng Đông (Trung Quốc) để an táng. Vốn có lòng mộ đạo nên khi trở về Việt Nam lại có sẵn tàu ghe nên bà thỉnh tượng từ Trung Quốc đem về quê hương Cái Tàu. Một số cúng hiến chùa An Long, và một số hiến tặng chùa Vạn Đức.

Trên cơ sở đó, bà đã cúng 7 mẫu đất⁶⁷ và cùng với người em dâu là bà Đỗ Thị Ngọc sáng lập chùa Phước Hội Tự, pháp danh của bà là Diệu Tâm.

Lúc sinh thời vào những ngày rằm, 30 hàng tháng bà đều mua hết chim, gà ở Chợ Cái Tàu để phóng sanh. Bà mất phần vào ngày mùng 01 tháng 02 âm lịch năm

⁶⁶ Chùa Vạn Đức - Chốn nội của Hòa thượng Lê Công Dương là ông Lê Văn, Quốc舅 (hàng dờn cô) (có tên tuổi trong các hương địa). Lúc sinh thời ông Quốc thường kể "Bà Lê thông gia với nội tổ của ông đã cúng hiến cho chùa Vạn Đức rất nhiều tượng Phật được thỉnh từ bên Tàu. Lâu dần nhân ấy, cư dân của làng Thới Thạnh, như như đến đặt bàn hương án ở hai bờ rạch Ô Môn, nơi có ghe chở các tượng Phật ngang qua để tỏ lòng tin ngưỡng."

⁶⁷ 7 mẫu đất - Gồm có 2 mẫu đất vườn và 5 mẫu đất ruộng. Để tránh cho con cháu sau này tranh chấp, bà sang tên và ghi trong địa bạ "đất Phước Hội Tự".

1911 năm năm Tân Hợi hưởng thọ 72 tuổi. Con nuôi của bà là ông Ông Võ Châu (người đời thường gọi là Tâm Chuyền) đi xây nóc tháp để an táng bà gần cạnh chùa.

Sư trụ trì đầu tiên ở chùa Bà Lê là Hòa thượng Thích Quang Đạt (tức danh là Huyền Văn Minh). Vì sư mới làm trụ trì này và là cháu bà con nên ông là đệ tử giới của Hòa thượng Thích Công Dương phải về làm sư trụ trì. Sau đó Hòa thượng Quang Đạt đã trở thành sư tổ của chùa Bà Lê.

Trong số đệ tử có một vị Pháp danh là Bửu Chơn (tức danh là Huyền Văn Đĩnh) gốc người miền Trung nên người đời thường gọi là Hòa thượng Huế. Ở đây, cũng được sư tổ Quang Đạt phái về làm An Long làm sư trụ trì.

**Đặc điểm của chùa Bà Lê*

Nhìn tổng quát chùa chùa ở các nơi khá hết sức thờ tượng của các vị Phật giống nhau như Phật to, A



Một góc nhìn của chùa Bà Lê

Đa Đà, Quán Thế Âm Đà, Thế Ca, Thích Ca Mâu Ni, Di Lạc, Địa Tạng, ông Tiên, ông Thiên, ông Ac và Hộ pháp. Tuy vậy kích thước của các tượng Phật ở chùa Bà Lê cao hơn, lớn hơn, nhiều hơn so với các nơi khác như Chùa Dâu (tức Phật 18 tay), Dược Sư (tức Phật Lưu Ly), Tháp Bạt La Hán (tức 18 vị La Hán) và Đại Ma Sư Tổ.

Không chỉ thờ Phật, tại Chánh điện chùa Bà Lê còn thờ trời như Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Tào, Bắc Đẩu, Tứ đại Thiên vương (4 vị vua canh giữ 4 hướng của Trời Lúc chiến tranh thất lạc), Long Vương Và ở cỏi địa ngục, các Vua Thập điện cũng được thờ như biểu như Nhất điện Tản Quảng Vương (có 2 vị Phán quan hầu cận, tượng tay phải cầm bút, tượng tay trái cầm sổ), Nhị điện Sở Giang Vương (có 2 vị Phán quan hầu cận, tượng tay phải cầm bút, tượng tay trái cầm sổ) Thậm chí, những nhân vật lịch sử của Trung Hoa thời Hậu Hán như: Quan Công, Lưu Bị và Trương Phi được thờ một góc ở nơi Chánh điện

Song song với việc thờ Phật, thờ Trời, thờ Diêm Vương, thờ nhân vật lịch sử của Trung Hoa, những vị Thánh điều khiển Tinh tú, Ngũ hành (tức Bảy Bà) cũng được thờ trên một niếu, cách chùa chừng hai mươi mét. Hơn nữa, chùa khi chưa bị tháo dỡ còn có những sự tích mô tả trên gốm sứ được đặt ở các cạnh và trên nóc của mái ngói chùa mang đậm nét văn hóa, tín ngưỡng của người Hoa

***Sự thay đổi ở chùa Bà Lê**

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, ông Ngô Văn Chấn là đệ tử và cũng là cháu rể của Hòa thượng Quảng Đạt, pháp danh là Bửu Đồng, Phật danh là giáo Thọ làm sư trụ trì. Thuở ấy, chánh quyền Việt Minh cùng với nhân dân thực hiện "Tiêu thổ kháng chiến" để chống Pháp Nhà chùa hưởng ứng chủ trương phải tạm tháo dỡ cây ngói ở phần chánh điện chỉ còn chừa lại hậu điện

Đến năm 1950, quân đội của đảng phái chính trị, do ông Nguyễn Văn Quế (tên thường gọi là Cà) làm Đại

đội trưởng đại đội 11 tạm chiếm vùng này Ông Cả huy động dân công lấy hết số cây ngói đã tháo dỡ nói trên đem về Xẻo Tre thuộc ấp An Bình của làng Hội An Đông để lập chùa Thiên Phước.

Năm 1962, bà Ông Như Hữu (tên thường gọi là Bà ba Trường Tiền), bà Huỳnh Mỹ Hương (tên thường gọi là Bà tư Tiên) cùng một số con cháu ở Sài Gòn tổ chức xây dựng lại phần chánh điện để bảo tồn di tích Lần xây cất này cũng có sự đóng góp ngày công lao động của nhiều hộ gia đình cư ngụ gần khu vực chùa Trong số đó, có thợ hồ tên Nguyễn Văn Trọng, ông Khả

Những năm kháng chiến chống Mỹ, nơi đây đã bí mật nuôi chứa cán bộ, chôn giấu vũ khí và tài liệu, đồng thời, các con của sư trụ trì như bà Ngô Thị Lan (tên thường gọi là Hoa), ông Ngô Hồng Tươi đều tham gia cách mạng Nhà sư Bửu Đồng bị chính quyền Sài Gòn cũ - bắt giam và tra tấn nhưng vẫn một lòng với cách mạng

Những ngày đầu thống nhất đất nước, nơi đây là chỗ hội họp của Đảng ủy và Ban Quân quản xã

Quốc hội Việt Nam thống nhất chung cả nước, nhà sư Bửu Đồng được nhân dân tín nhiệm bầu làm đại biểu Quốc hội khóa VI (25/4/1976 tổng tuyển cử đầu tiên)

Năm 1986 chùa Bà Lê (Phước Hội Tự) được Bộ Văn Hóa ra quyết định số 235/VHQĐ xếp hạng "Di tích lịch sử cấp Quốc gia" Năm 1993, năm 2006 Nhà nước cấp kinh phí tu sửa chùa. Năm 1995, Hội Phật tử thành phố Hồ Chí Minh cúng tượng Phật Quan Âm an vị trước sân chùa Hiện nay, ông Ngô Hồng Lăng, con thứ năm của sư ông Bửu Đồng là người phương tư chùa

MỘ THÁP BÀ ĐỖ THỊ NGỌC

Dựa theo chuyên khảo gia tộc họ Ông



Mộ Tháp là kiến trúc của người Hoa từ những năm đầu thế kỷ thứ 20. Tháp tọa lạc cách chùa Bà Lê chừng 50 mét được xây cất vào năm 1914 nhằm năm Giáp Dần.

Bà sinh năm 1856, nhằm năm Bình Thìn tại thôn Toàn Đức, tổng An Toàn, huyện Đông Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang

(nay là xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Bà là vợ của một thương gia có tên là Ông Trương Thanh, người Việt thường gọi là Bảy Sên.

Ngày 24 tháng Chạp, năm 1888 nhằm năm Mậu Tý con gái thứ tư của bà là Ông Thoại Lan (theng Treu Châu phát âm Thoại Lan là Xien Lành) doi phao để đưa ông Bốn ve Trời làm thieu luy toàn bộ Chợ Cai Tàu Thương.

Lúc sinh thời, bà có công đóng góp cùng với người
chủ cả của chồng là bà Ông Thị Lê xây dựng chùa Phước
Hội Tự Bà đã tho giới Sa Di, pháp danh là Như Năng
Và mãn phần vào năm 1914, hưởng dương 59 tuổi

MƯƠNG HỘI ĐỒNG

*Dựa theo chuyện kể của ông Lê Kim Thành
sinh năm 1930 (con thứ 5 của ông Hội đồng)*

Là mương đào để phân định vị trí ấp Thị với ấp An
Ninh đã có từ lúc phân ấp lập làng

Xưa kia, người ta gọi là mương Tham Thần Bởi lẽ,
toàn bộ khu vực đất đai từ Chùa bà Lê cho đến khỏi
đường đắp, thuộc quyền sở hữu của ông Tham thần
Phạm Văn Hiếu Hơn nữa, nhà ông Hiếu cũng ở gần
cạnh mương

Vậy tại sao mương Tham thần lại gọi là mương Hội
đồng? Qua tìm hiểu được biết ông Lê Kim Thành (tên
thường gọi là Hía), khi làm Hội đồng người đời gọi ông
là "Hội đồng Hía" Ông sinh năm 1900, nhằm năm Canh
Tý, tại mương bà Phú, ấp Thị, làng Hội An, tổng An
Thạnh Thương, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc
về huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang) Thân phụ là ông Lê
Bích Hải (làm Hương sư của làng Hội An) Ông là cháu
ruột và cũng là con nuôi đỡ đầu của ông Lê Thành Sang
vị Kế hiền của làng Hội An thời Pháp thuộc

Tuổi thanh niên, ông đã thi đậu Diplôme (Nay gọi là tốt nghiệp phổ thông cơ sở) Mảnh bằng này vào thời ấy, thì cả huyện số người thi đậu chỉ đếm được ở trên đầu ngón tay! Thế nên, ông được chính quyền tỉnh Sa Đéc đề cử làm Hội đồng địa hạt⁶⁶ – vị đại biểu danh dự của làng Hội An.

Năm 1942, ông được cha nuôi chia cho phần đất mua của con ông Tham thân Hiếu. Sau đó, ông cũng đã cất nhà nằm cạnh mương. Từ đó về sau, người đời gọi nơi đây là “mương Hội đồng”

Sự phát triển của mương Hội Đồng

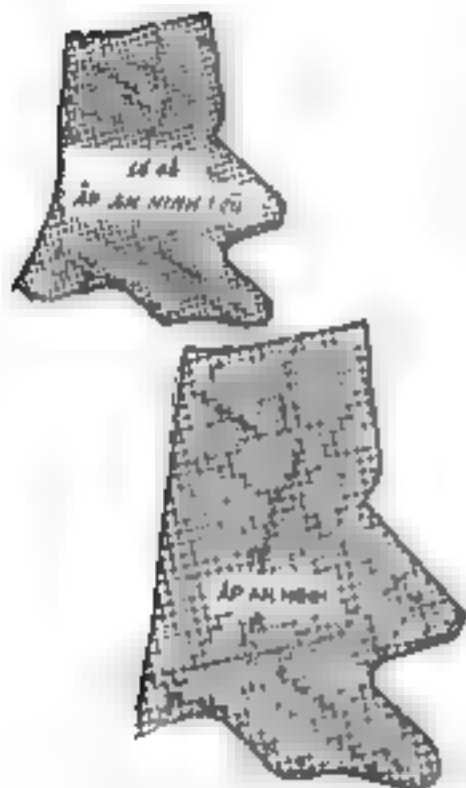
Năm 1962, chính quyền Ngô Đình Diệm xây dựng Ấp chiến lược nên đã đào mương làm hào lũy, nối liền từ mương Hội đồng đến mương La Kết nhỏ

Những năm 1990, Ủy ban nhân dân xã Hội An tổ chức bao đê tiểu vùng làm tăng thêm mùa vụ, mương Hội đồng là một trong những trạm bơm đưa nước vào ruộng của toàn Ấp An Ninh và một phần ấp Thị, đồng thời cũng là nơi tháo nước ngập lụt làm cho mau khô ruộng để nhân dân sớm được canh tác

Năm 2001, chính quyền địa phương thuê Kobel mức sâu lại con mương, vừa lấy đất để nâng cao mặt đường thẳng sâu vào đồng nội. Nhờ đó, giao thông thuận tiện cho cư dân ở nơi đây đi tắt đến Long Xuyên được nhanh chóng và vận chuyển nông sản từ đồng ruộng về đến nhà rất dễ dàng.

⁶⁶ Hội đồng địa hạt khác với Hội đồng Quản hạt (vị đại biểu có thẩm quyền thanh tra, đôn đốc chính quyền ngưng cấp và cấp thuế)

Ấp An Ninh



Sơ lược về ấp An Ninh

Là địa giới An Ninh cũ, bị cắt một phần từ bờ hữu ngạn ở vàm mương nước Dầu đến kinh Thống Nhất.

Vị trí như sau: Đông giáp ấp Thị 1 và ấp Thị 2, Tây giáp ấp An Thuận, Nam giáp xã Hội An Đông, Bắc giáp ấp An Phú Diện tích tự nhiên. 396,2 ha (đất nông nghiệp là 342 ha) có 733 hộ, dân số: 3133 người.

(thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008).

Địa danh, di tích gồm có:

1. Đường Dấp (mồ ông Năm Quán)
2. Mương Bà Kỷ
3. Mương Hành Chánh Cửa
4. Mương Bà Cọc
5. Mương Sáu Chắp
6. Cầu Quay
7. Chùa An Phước.

ĐƯỜNG ĐẮP

(NHÀ MÔ ÔNG NĂM QUẢN)

Dấu thép chuyên kỳ của gia đình họ Ông



Vào những thập niên đầu của thế kỷ 20, đất còn hoang nhà còn thưa, phương tiện ở nông thôn như xe đạp và ô tô còn là quý hiếm. Thế nên người dân miền làm khách bộ hành trên con đường mòn xuyên qua các ấp. Chỉ riêng từ miếu ông Năm Thử này gọi là nòng Hoi (đo ng), đến chợ Chuối Thưởng là tương đương. Bởi lẽ, nhà của cư dân trên đoạn đường này có phân dòng đục.

Do đơn tang của ông Ông Văn Quang (người đời hướng gọi là Năm Quản) nên phần vào ngày 14 tháng 6 âm lịch năm 1924, là năm Giáp Tý, anh em được lưu lại 100 ngày để cư tang¹. Gia đình phải thuê nhà gần từ Sài Gòn về để chờ linh cửu di an táng.

¹ Theo lệ của người Việt, người chết được an táng sau 100 ngày. Nếu gia đình có điều kiện, họ có thể an táng sớm hơn. Nếu gia đình khó khăn, họ có thể an táng muộn hơn.

Thuở ấy, đường nhỏ hẹp nhà giàu không thể đi chuyển được. Ông Ông Trường Châu (tên thường gọi là Sáu Chiêu) huy động tá điền mở rộng thêm lề đường từ mương Tham Thần đến nơi chôn cất, thuộc phần đất thổ cư của ông Quảng⁷⁰. Trong đó có đoạn vào mộ phải mở đường Từ ấy, người đời gọi nơi đây là Đường Đắp⁷¹, hay còn gọi là mộ ông Năm Quấn. Cũng có người gọi Nhà Vương (dựa trên cấu trúc của nhà mồ).

Ông Ông Vạn Quảng gốc người Triều Châu, sinh năm 1846, nhằm năm Bính Ngọ, tại thôn Mỹ An tổng An Thạnh, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang (nay là xã Mỹ An Hưng "B", huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Thân phụ là ông Ông Tư Kê, thân mẫu là bà Trần Thị Mùi. Tên Quảng, tiếng Triều Châu phát âm là Quấn. Ông là em thứ năm của bà Ông Thị Lễ, nên người đời thường gọi là Năm Quấn.

Lúc sinh thời ông là một thương gia và là một địa chủ lớn. Ông cất phố ở nhiều nơi như Long Xuyên, Sa Đéc và Ô Môn. Đồng thời, làm chủ một đoàn ghe buôn lúa mang thương hiệu là Vạn Thắng. Ông đã mua điền sản lên đến 915 mẫu gồm đất vườn, ruộng và thổ cư ở khắp nơi trong khu vực.

Năm 1890, ông đã hiến 4 000 mét vuông đất để cất mới lại toàn bộ chùa Bà và đổi tên lại là "Thanh Đức Cung", hiện nay di tích vẫn còn.

⁷⁰ Thổ cư của ông Ông Vạn Quảng. Hơn 500 mét mở rộng thêm lề. Có ngang qua phần đất của bà Võ Thị Nhiên chừng 30 mét.

⁷¹ Đường Đắp. Đoạn khai phá vườn tạp để làm đường vào mộ gần 200 mét.

****Đổi thay ở ngã ba Đường Đấp***

Trong kháng chiến chống Pháp, chợ Cái Tàu đã bị Tây đốt cháy toàn bộ nhưng nhà cầm quyền không yên tâm vì khu vực này vẫn còn Việt Minh. Thế nên, cứ mỗi lần tàu chèo Cu⁷² của Pháp tuần tra trên nhánh sông Tiền, chúng đã không tiếc đạn, luôn bắn xối xả vào đây, làm người dân không ai dám họp chợ. Nhằm tránh khỏi tầm đạn của giặc, người bán lẫn người mua hẹn gặp nhau ở ngã ba Đường Đấp để làm nơi mua bán.

Năm 1965, chánh quyền thời ấy đã lập tại Ngã ba Đường Đấp một đồn Nghĩa quân (Dân vệ)

MƯƠNG BÀ KỶ

*Dựa theo chuyện kể của ông Nguyễn Văn Bá,
sinh năm 1950, cư ngụ tại mương bà Kỷ*

Xưa kia là phần đất của ông Hương cả Ngô Văn Dao cho con gái là bà Ngô Thị Hoài. Bà Hoài thuê người đào mương để lấy nước dùng trong sinh hoạt gia đình. Lúc sinh thời, bà là một tu sĩ tại gia. Không có chồng con nên khi qua đời, tài sản được chia cho các cháu. Trong đó, bà Tư Kỳ có hưởng một phần.

⁷² Tàu chèo Cu. Tàu dùng để tuần tra. Trên nước có đất bồng lón, trông giống như chèo để nuôi chim cu.

Bà Ngô Thị Kỳ, sinh năm 1899, nhằm năm Kỷ Hợi tại ấp An Ninh, làng Hội An, tổng An Thạnh Thượng, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc về huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Bà là cháu nội của ông Ngô Văn Dao làm Hương cả làng Hội An ở thời kỳ đầu Pháp thuộc. Thế nên, bà Kỳ gọi bà Hoài là cô ruột. Hoàn cảnh của bà Kỳ cũng giống như người cô không chồng con và cũng là một tu sĩ tại gia.

Tuy vậy lúc về già, nhờ có cháu nội bà Ngô Thị Nhuận là ông Nguyễn Văn Bá đã hết lòng phụng dưỡng. Bởi lẽ, bà Nhuận là em ruột của bà Kỳ. Trên mối quan hệ ấy, ông Nguyễn Văn Bá được bà chọn làm người thừa kế để lo chăm sóc mồ mả và thờ cúng ông bà.

***Sự phát triển ở mương bà Kỳ**

Mương nhỏ mà lại ngấn, chỉ để lấy nước dùng trong sinh hoạt gia đình nên ít người biết đến. Những năm 1980, phòng học ở các nơi trong xã quá ít so với số lượng học sinh nên ngành giáo dục đã kết hợp với chính quyền địa phương đến vận động gia đình của ông Nguyễn Văn Bá tạm mượn khoảnh đất gần với mương bà Kỳ, để mở trường dạy học. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Bá vốn đang công tác tại trường Tiểu học "A" Hội An nên việc thương lượng cũng rất dễ dàng.

Lúc ban đầu, cất tạm bợ hai phòng bằng tre lá. Sau đó xây lại kiên cố và cất thêm một phòng. Kể từ năm 1981, nhờ có trường học mà ai ai cũng biết đến mương bà Kỳ.

CẦU MƯƠNG HÀNH CHÁNH CỦA

*Dựa theo chuyện kể của
ông Phạm Đình Tuấn, cư ngụ gần mương Sáu Chắp.*

Mương có từ lâu đời. Thuở ấy, người ta gọi là mương ông Hùng. Khi đạo Cao Đài được thành lập, tín hữu nơi đây đóng góp để xây dựng Thánh thất Cao Đài. Thánh thất tọa lạc tại ấp An Quốc, làng Hội An Đông, nằm đối diện với mương ông Hùng. Lúc bấy giờ cầu tre được bắc qua rạch Cái Tàu nhằm tạo điều kiện cho bốn đạo làng Hội An đến Thánh Thất hành lễ. Đồng thời, đây cũng là phương tiện qua lại của cư dân hai làng. Vì vậy người đời không còn gọi là mương ông Hùng mà gọi bằng sự cảm nhận của trực giác là Mương Thất Cao Đài.

Sau 30/4/1975 cầu đúc bắc ngang mương xuống cấp. Chính quyền vận động nhân dân ấp An Ninh đóng góp công sức, tiền của xây dựng lại cầu và đặt tên cho mương là "mương hành chánh Cửa"⁷³ tên đồng chí chủ tịch xã đã hy sinh trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp – và cầu đúc vừa mới bắc ngang mương được gắn bảng ghi là: "Cầu mương hành chánh Cửa".

⁷³ Ông Nguyễn Văn Cùn, sinh năm 1915 nhậm năm Ất Mão, tại ấp An Ninh, làng Hội An, tổng An Thạnh Thượng quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc về huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang). Ông gốc là họ Tạ. Thân phụ là Tạ Văn Kim (sau đổi lại là Nguyễn Văn Kim). Ông là con rể thứ tư của ông Trần Văn Cao – danh nho của làng Hội An thời Pháp thuộc. Gia đình ông Nguyễn Văn Cùn cư ngụ lâu đời tại mương ông Hùng. Trong những năm "nổi loạn kháng chiến" chống Pháp, Ông được bầu làm chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính của làng Hội An. Ông hy sinh năm 1953, hưởng dương 39 tuổi. Kể từ khi đất nước thống nhất, chính quyền địa phương đã ghi nhớ công lao của ông nên đặt cho tên mương và cầu Hành chánh Cửa. Vào năm sau đó, đường nâng thôn huyện đã được trùng tu nên cầu đã bị lấp để đặt bọng.

MƯƠNG BÀ CỘC

Dựa theo chuyện kể của ông Phạm Đình Tuấn

Là mương đào để dẫn nước vào ruộng của phú nông có tên là Huỳnh Văn Cọc. Riêng về bà Cọc có nhiều giai thoại để nói về bà. Bởi lẽ, bà là một phụ nữ đảm đang, tài trí và mưu lược. Chuyện xưa kể lại, trong những năm xảy ra chiến tranh thế giới lần thứ I (1914 - 1918), gia đình bà có hai người con trai bị gọi đi khám để tuyển đi lính.

Vốn không chịu làm tay sai cho Pháp, hơn nữa, đi lính cho Tây là phải bỏ thầy nơi xứ lạ quê người. Trong khi các con của bà là nguồn lao động chính của gia đình. Vì lẽ ấy, bà đã nghĩ ra cách cao hết râu, hết tóc của hai con. Việc làm này ở vào thời ấy là một điều cấm kỵ, bởi “Thân thể, phát tu, thọ chi phụ mẫu”. Có nghĩa là thân thể, tóc, râu là của cha mẹ tạo ra phải cẩn thận chăm sóc và gìn giữ, trừ trường hợp xuất gia đầu Phật. Nếu tư ý hủy hoại là mang tội bất hiếu. Khi chính quyền bắt bà và hai con vì can tội chống nhà nước bảo hộ. Giữa công đường bà bình tình tháo khăn của hai con để lộ họ là hai vị sư! Thấy cai lúng túng trước tình huống hy hữu này “Năm người có tóc, không ai nắm kẻ troc đầu” hay “Tha người có tóc, nắm kẻ troc đầu” đều không xong. Vừa đuối lý, vừa bẽ mặt thấy Cai đành tha bổng cho họ về.

Lúc sinh thời bà Cọc thường giúp đỡ những người xung quanh về các phương tiện như Cơm, áo, gạo, tiền

thậm chí những chuyện rắc rối của hàng xóm phải nhờ bà tìm cách giải quyết

Hiện nay các cháu sơ của bà đều trên 60 tuổi. Họ vẫn còn cư ngụ chung quanh ở vùng này. Và có lẽ, hào khí bất khuất của bà Coc còn sót lại đâu đây nên nửa thế kỷ sau cũng ở trong mương có một Huỳnh Thị Hưởng can đảm, kiên trung được Nhà nước phong tặng Anh hùng lực lượng vũ trang!

MƯƠNG SÁU CHẤP

*Dựa theo chuyện kể của ông Võ Văn Cháp
và ông Trần Văn Xa, cư ngụ tại mương Sáu Cháp*

Lúc ban đầu chỉ là một lối mòn của trâu đi trên phần đất của ông Hương Cả Bùi Văn Hội. Sau đó ông Hội chia cho con là Hương cả Bùi Văn Đồ.

Thuở ấy, cư dân thuê đất để ở và mọng để cày. Trong số đó, có ông Võ Văn Văng. Ông Văng là người được chủ đất tin cậy, giao cho trông coi hàng chục mẫu đất của khu vực này. Đồng thời, cho phép ông Văng được đào sâu thêm phần lối mòn của trâu đi, để lấy nước dùng trong sinh hoạt gia đình. Thế nên, con mương chỉ dài hơn 50 mét. Từ ấy, người đời gọi nơi đây là mương ông bảy Văng.

Năm 1940, ông Kế hiền Bùi Văn Đồ đã chia phần đất nói trên cho bốn người con gái. Vì thế khối điền sản này đã trở thành nhỏ lẻ, bởi quyền sở hữu đã mang tên của nhiều người

Do việc thực hiện luật “cải cách ruộng đất” thời Ngô Đình Diệm⁷⁴ cho đến luật “Người cày có ruộng” của Nguyễn Văn Thiệu⁷⁵, khu đất này vẫn không bị truất hữu. Trên cơ sở ấy, các cháu ngoại của họ Bùi mới có điều kiện canh tác trên phần đất của ông bà.

Năm 1971, ông Trần Văn Xa (cháu ngoại của ông Bùi Văn Đò) về đây cất nhà để ở và ông đã đào mương nối dài thêm. Sau đó, thân nhân của ông cũng về đây cư ngụ khiến cho đất ruộng xưa kia đã chen lẫn mương rẫy và vườn cây.

Từ khi ông Võ Văn Văng mất phần, người đời gọi tên con thứ sáu của ông là Võ Văn Cháp để làm tên con mương - mương sáu Cháp.

*** Đặc điểm của mương sáu Cháp.**

Đầu mương là những hộ gia đình của nhiều thế hệ lưu cư lâu đời. Tiếp theo đó, hai bờ mương là đất canh tác và nhà ở của các cháu ngoại họ Bùi. Mương dài chừng 200 mét có đến 21 hộ gia đình.

Hiện nay, Sắc Ấn Thần Thành hoàng Bốn Cảnh của làng Hội An và Hội An Đông được thờ phượng tại nhà ông Võ Văn Cháp.

⁷⁴ Luật cải cách ruộng đất quy định, mỗi địa chủ chỉ được quyền sở hữu từ 100 mẫu đất trở xuống. Số đất dư phải bán cho người trực canh trả góp trong vòng 10 năm.

⁷⁵ Luật người cày có ruộng của Nguyễn Văn Thiệu quy định, mỗi địa chủ, chỉ được quyền sở hữu từ 10 mẫu đất trở xuống. Số đất dư mua lại để cấp phát cho người trực canh.

CẦU QUẦY

*Dựa theo chuyện kể của
ông Phạm Đình Tuấn, và ông Nguyễn Văn Lộ*

Cầu Quay là một tấm ván bắc ngang sông mà bất cứ người nào cũng có thể di động được nó một cách hết sức dễ dàng. Cầu này làm để xóa bỏ chiếc cầu tre mà từ lâu người dân ở bờ Hội An Đông phải “lắc léo gập ghềnh” mới qua được chùa An Phước. Người tài trợ và thiết kế cây cầu là ông Lê Hồng Côn⁷⁶ - một địa chủ đang làm Hội đồng địa hạt

Cầu Quay được thiết kế rất đơn giản và tiện lợi. Mỗi đầu cầu cách bờ chừng 4 mét được làm cố định và chắc chắn. Phần ở giữa sông là một khoảng trống, chỉ có một tấm ván là di động được. Tấm ván này làm bằng gỗ căm xe, mặt ván rộng 3 tấc, dài 6 mét. Chiều dài của tấm ván phủ cả hai mỗi đầu cầu. Độ dày của nó không đều, một đầu là 2 tấc và cứ mỏng dần đến 5 phân

Ở đầu dày nhất, người ta cột thêm một tảng đá lớn và làm một trục để xoay. Dựa trên nguyên tắc đòn bẩy này, mỗi khi đến mùa nước lũ, ghe tàu nào không qua được chỉ cần có một người ấn nhẹ vào tảng đá thì ở đầu ván

⁷⁶ Ông Lê Hồng Côn sinh trưởng ở ấp An Quốc, làng Hội An, tổng An Thạnh Thượng, Quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc về ấp An Thạnh, xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Văn khố thân trong một gia đình địa chủ, điển sản của ông nằm rất róc ở làng Hội An và Hội An Đông. Ông là em ruột của ông Lê Hồng Nhuận - em tổng An Thạnh Thượng nên được chính quyền tỉnh Sa Đéc để cử làm Hội đồng địa hạt (vị đại biểu danh dự của làng Hội An Đông). Người dân thường gọi ông là Hội đồng Côn.

mỏng bên kia sẽ nhấc cao lên và khi gặp phải ghe quá lớn, người ta cũng có thể quây ngang cây cầu, ở một góc đến chín mươi độ, mà tấm ván to như thế kia cũng không rơi xuống nước!

Sự vững chắc và tiện lợi giúp cho người đi qua cầu có thể vác thêm trên vai một bao lúa để qua sông mà vẫn an toàn và thoát mái. Từ đó hình ảnh chiếc cầu Quây nằm bắc qua sông đã tạo được một ấn tượng khó phai trong lòng mỗi người. Ai ai cũng gọi là cầu Quây gắn liền với chùa Cầu Quây mà không gọi là cầu Chùa hoặc chùa An Phước.

***Sự thay đổi của cầu Quây**

Năm 1985, Cầu Quây bị tháo dỡ để xáng mức rạch Cái Tàu Nhỏ dịp này, bà con của hai làng thuộc khu vực này đã đóng góp để làm rộng thêm mặt cầu là 8 tấc. Từ ấy đã xóa hẳn hình ảnh của chiếc Cầu Quây ngày nào!

Năm 1996, nhận thấy chiếc cầu vừa mới cất không đáp ứng được nhu cầu của xe gắn máy – một phương tiện rất là phổ biến ở làng quê. Bởi lẽ, cầu làm ở một độ cao dư phòng để ghe tàu qua được trong mùa lũ. Vì thế cho nên, mùa khô thì cầu cao chót vót, mùa mưa thì trơn trượt dốc đứng. Hơn nữa, mặt cầu nhỏ hẹp, không có hàng rào để đảm bảo cho sự an toàn. Đường lên dốc cầu của hai bờ chung quanh đều là nương rẫy. Điềm lên và xuống cầu ở nương ông Châu bờ Đồng Tháp cũng là điềm lên cầu và xuống dốc chùa An Phước.

Địa thế và cấu trúc cầu không thuận tiện trong việc giao thông. Thế nên, ông Nguyễn Văn Lộ, cư ngụ gần

đó (thuộc ấp An Ninh, xã Hội An) để nghị chính quyền của hai xã, cho phép nhân dân được dời cầu. Đồng thời, ông vận động nhân dân ở Hội An và Hội An Đông gồm 176 hộ với tổng số tiền là 22 766 000đ (hai mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Cầu mới, cách cầu cũ ở về phía Thất Cao Đài chừng 70 mét. Vị trí như sau

- Đầu cầu bờ Hội An là trước sân nhà ông Nguyễn Văn Lộ.

- Đầu cầu bờ Hội An Đông là bãi sông của ông Nguyễn Văn Diệp (tên thường gọi là Bảy Xệ).

Cầu dài 20 mét, mặt cầu rộng 2 mét, thiết kế theo kiểu dáng cầu treo. Cầu được khánh thành và lưu thông vào ngày 20 tháng 11 năm 1996.

CHÙA CẦU QUẦY

(CHÙA AN PHƯỚC)

*Dựa theo chuyện kể của ông Phạm Đình Tuấn,
ông Võ Văn Cháp và ông Huỳnh Tấn Lộc*

Chùa An Phước là ngôi chùa có đầu tiên ở làng quê Hội An do nhân dân đóng góp. Chùa được xây dựng trên phần đất hiến của vợ chồng một lái buôn tên Điện (lái Điện). Hiện nay mồ mả của vợ chồng ông Điện vẫn còn toa lạc sau cổng chùa (không có mộ bia).

Chùa được thành lập năm nào, vị sư tổ của chùa là ai, đề từ nào kế thừa không được rõ, chỉ nghe kể lại rằng Chùa được thành lập từ khi có nhà sư Huỳnh Đậu, cùng



vợ, ba người đi đi đến ẩn tu khi đơn Cay Mai thất thủ (tháng 2. 1859 thực dân Pháp tàn công đơn)

Chiến tranh loạn lạc thay trở của nhà sư Huỳnh Dận phải tìm đường sơ tán. Cùng lúc ấy, vợ chồng của ông lại buôn Diêm mang theo sau từ miền Tây lên miền Đông bán và mua những vật dụng từ đây đem về bán lại Chợ Cái Tàu. Một hôm trên đường đi, ông Diên đã gặp được bọn thay trở nhà sư Huỳnh Lâu đang tìm nơi lánh nạn và đưa tu cả về quê. Đồng thời hiện đại và vấn đề cư dân cùng với vợ chồng ông xây dựng chùa An Phước.

Dựa vào chuyện kể trên, chúng ta có thể hình dung nhà sư Huỳnh Dận là sư tổ của chùa An Phước và ngôi chùa này được thành lập khoảng năm 1860. Sau đó, Hương sư Kỳ vào tu ở chùa, nên người đời gọi chùa An Phước là chùa Hương sư Kỳ. Đến khi ông Hương sư Kỳ mãn hạn, ngôi chùa trở nên vắng vẻ. Ông Huỳnh Văn Lương là cháu nội của ông Huỳnh Văn Cốc thay mặt cư dân đi trông coi và quản lý ngôi chùa nên gọi ông

Lương là thủ toa Lương. Lúc bấy giờ, cầu Quay cũng đã được bắc ngang sông, nằm đối diện trước cổng chùa. Vì lẽ ấy, dân làng gọi là chùa Cầu Quay.

Kế tiếp là ông Ngô Văn Còn (người đời thường gọi là ông Đạo Ôn hay ông giáo Ôn) pháp danh là Quảng Trí, Phật danh là giáo Thọ... làm sư trụ trì. Vì thế người đời gọi chùa An Phước là chùa ông giáo Ôn.

Đến năm 1942, chùa đã gần 100 tuổi nên kêu phong, gỗ mục. Các ông Trần Văn Cao, Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Văn Tuất, Lê Văn Liên cùng các hộ gia đình chung quanh chùa tự nguyện ủng hộ tổ chức cất mới lại ngôi chùa. Ông chủ quận Tào, bà Ông Thoại Chi, cô Hai Hiến cũng hiến ba tượng Phật.

Năm 1972, chùa được làm lại cổng và tu sửa toàn bộ mặt tiền. Lần này, do Đại đức Bửu Chơn, sinh trưởng tại ấp An Ninh (con của ông Hương hào Dư) chủ tiền tu sửa. Phần còn lại có sự đóng góp của bà con ở chung quanh chùa.

Chùa An Phước, khuôn viên chật hẹp, không có huê lợi. Vậy mà ông giáo Ôn vẫn tu suốt 55 năm trong cảnh thanh bần!

Sau ngày đất nước thống nhất, ông Huỳnh Tấn Lộc (tên thường gọi là Chín Mách) cư ngụ gần chùa tự nguyện làm Từ Thời gian sau có thêm ông Bùi Văn Chiêu, người ở Hới An Đông, nhà ngang chùa đã cùng với ông Chín Mách thay nhau để chăm sóc.

Hiện nay, Đại đức Thích Quảng Phúc làm sư trụ trì cùng với 3 vị sư khác là Tâm Chơn, Thuận Vân và Từ Chánh lo việc phụng sự chùa.

Ấp An Thuận

Sơ lược về ấp An Thuận

Được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thành lập vào ngày 15/3/2008. Trong đó, phân nửa là ấp An Khương cũ và thêm một phần thuộc bờ hữu ngạn của mương Mười Dấu

Vị trí như sau: Đông giáp ấp An Ninh; Tây giáp ấp An Khương, Nam giáp xã Hội An Đông; Bắc giáp xã An Thạnh Trung,

Diện tích tự nhiên 251,62 ha. (đất nông nghiệp 223,31ha), có 612 hộ, dân số là 2 798 người (Thống kê ngày 15/3/2008)

Địa danh: Mương Mười Dấu.



MƯƠNG MƯỜI DẦU

Dựa theo chuyện kể của ông Phạm Đình Tuấn

Mương do lối mòn của trâu đi mà có. Bởi lẽ, ông Đặng Văn Trước (tên thường gọi là năm Trước) vốn là một phú nông, cư ngụ gần chùa An Phước, nuôi rất nhiều trâu, vừa cày ruộng nhà, vừa cày thuê trong khu vực Hàng ngày, ông cho trâu đi cố định một lối duy nhất. Thế nên, ngày tháng trôi qua, đất cứ mòn dần, nhất là những khi người nhà của ông dẫn trâu ngang lộ để cày thuê ở bên kia sông. Gặp lúc trời mưa, đất mềm, bầy trâu đi làm dây sình, nước mưa cuốn trôi bùn đất xuống sông đã góp phần làm thành mương cạn.

Nhân thấy việc lên liếp để trồng cây ăn trái và canh tác thêm hoa màu sẽ thu lợi hơn là làm ruộng lúa mùa nên ông Trước đã thuê người đào sâu và mở rộng thêm lối của trâu đi làm thành một con mương để lấy nước tưới tiêu, đồng thời bắc cầu để đi qua mương. Lúc bấy giờ, ông đang là chủ ấp của ấp An Ninh, nên người dân gọi tên mương là ấp Trước.

Ông Trước qua đời, người con thứ mười là Đặng Văn Dầu đã thay ông để quản lý sự nghiệp. Từ ấy, người ta không còn gọi là mương ấp Trước, mà gọi là mương Mười Dầu. Hiện nay, phần đông con cháu của ông Đặng Văn Trước đều cư ngụ tại mương này.

Ấp An Khương

Sơ lược về ấp An Khương

Hơn phân nửa của ấp An Khương cũ, cắt bớt một phần dài theo bờ hữu ngạn Mương Sung (phần từ vàm mương Sung đến rạch Rau Dắng, thuộc về ấp An Thái. Từ rạch Rau Dắng, đến xã An Thanh Trung thuộc về ấp An Thới). Vị trí hiện nay như sau:



Đông giáp ấp An Thuận, Tây giáp ấp An Thới, Nam giáp xã Hội An Đông, Bắc giáp xã An Thanh Trung.

Diện tích tự nhiên. 300,36^{ha} (đất nông nghiệp là 259,89 ha), có 247 hộ với 1 138 người (Thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008).

Địa danh gồm có:

1. Rạch La Kết.
2. Mương Bún.
3. Mương Sung

RẠCH LA KẾT

Tên gọi La Kết mang âm hưởng của dân Chân Lạp. Bởi lẽ, tên gốc phải được gọi là Lao Kết, người dân gọi trại ra thành La Kết, Lai Kết. Dân làng phân biệt rõ địa hình qua tên gọi Rach La Kết lớn, mương La Kết nhỏ.

Năm 1962, khi đào mương để làm hàng rào ấp chiến lược⁷⁷, nguy quyền đa lập một đồn nghĩa quân bờ hữu ngạn, đầu vàm rach La Kết để kiểm soát toàn bộ khu vực này.

La Kết còn được lấy làm tên để gọi cho mương đào nhằm phân biệt ấp An Ninh với ấp An Khương. Hơn nữa, khu vực này là căn cứ kháng chiến, là nơi có dân theo cách mạng đông dân nhất xã. Vì vậy, chính quyền Hội An thời xã trưởng Bùi Văn Hoanh đã phải chua chát công nhận ấp An Khương là ấp A.K⁷⁸! (ngầm hiểu ấp thuộc quyền kiểm soát của Việt Cộng). Quả chúng

⁷⁷ Ấp chiến lược là hào lũy của mỗi ấp nhằm ngăn cách phần thổ cư với đồng ruộng, dưới là mương sâu trên là lũy rào kẽm gai cọc sắt (ở vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát thì làm bằng thân tre dài 4 mét chôn chôn, đầu tre vọt nhọn, mỗi cọc cách đến 1 tấc). Dưới chân nền hàng rào (phía bờ mương được cắm dầm chông tre vuốt nhọn). Xa xa có chòi cồng ra vào để cho nông dân đến ruộng canh tác. Mỗi cồng là trạm kiểm soát do chính quyền tổ chức thanh niên chiến đấu (có vũ trang, canh giữ). Tầm qui mô của ấp chiến lược là đưa nước vào ruộng để phát triển ngành nông nghiệp. Đồng thời, triệt tiêu tầm hoạt động của cộng sản từ nơi này đến nơi khác.

⁷⁸ Ấp A.K là hai chữ viết tắt của tên ấp An Khương. Tuy vậy, hai chữ A.K cũng là chữ viết tắt về tên của kỹ sư chế tạo ra súng tiểu liên được mang tên là AK-47. Loại súng này có trọng lượng trung 4kg700. Đây là loại vũ khí tối tân được trưng bày cho quân đội chính quy ở miền Bắc, và lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam. Nghĩa đen, Ấp A.K chỉ ấp có nhiều người sử dụng súng AK của Cộng sản, ấp của dân theo cách mạng.

cách mạng tự hào gọi nơi đây là thủ đô La-Ke, thủ đô của lực lượng cách mạng huyện Chợ Mới.

Căn cứ vào hình thế của rạch La Kết lớn, mương La Kết nhỏ cả hai đều hướng về phía Tây Bắc giáp với xã An Thạnh Trung. Tuy vậy, khu vực Cống Rộc Sen bên kia bờ kinh Cựu Hội lại thuộc về ấp An Khương của làng Hội An, từ thời khai mở cho đến khi đất nước thống nhất

Năm 1965, trường sơ cấp ấp Tân Sinh được thành lập trên địa phận của ấp An Khương, khoảng cách từ vàm rạch La Kết đến đầu mương La Kết nhỏ Ấy thế mà, tên trường được ghi là Trường sơ cấp ấp Tân Sinh An Khương và An Ninh Trong khi mỗi ấp là một trường sơ cấp!

MƯƠNG BÚN

*Dựa theo chuyện kể của
thầy Trần Trọng Thủy - cựu Hiệu trưởng
Trường Tiểu học "C" Hội An (vàm La Kết)*

Sau khi đặt xong nền móng cai trị xứ Nam Kỳ, những giáo sĩ phương Tây đã tìm cách để truyền bá đạo Thiên Chúa qua các làng quê hẻo lánh. Ở những nơi ấy, hầu hết đều là những người xa quê tìm vùng đất mới để sinh cơ lập nghiệp Đây là cơ hội đối với nhà truyền giáo

Để giúp cho giáo hội đạt được tiêu chí nói trên, chính quyền thuộc địa đã cho những người theo đạo thiên chúa được hưởng những đặc quyền, đặc lợi Chính vì thế, tại nơi đây đã cho đào mương để lấy đất đắp nền xây dựng một nhà thờ Niên đại của nhà thờ này có cùng một lúc

với những nhà thờ lân cận như Mỹ Lương, Tấn Mỹ, Bình Phước Xuân. Và gần đây nhất là nhà thờ Cái Bần thuộc làng Hòa Bình (ngang chợ Lấp Vò)

Dù được nhiều ưu đãi nhưng do phong tục tập quán của làng quê Việt Nam vốn gắn liền với Phật giáo nên số lượng con cháu ở An Khương còn quá khiêm tốn. Vì thế cảnh quan nhà thờ vô cùng vắng vẻ. Thế nhưng cư dân vẫn gọi nơi đây là miếu Nhà thờ.

Thực hiện lệnh "tuyệt thổ kháng chiến" chống Pháp, nhà thờ bị phá sập vào năm 1946. Vài năm sau, có một người ở phương xa (không nhớ tên) đến đây mở lò làm bún nên cư dân gọi là miếu lò Bún. Sau một thời gian cạnh tranh không lại khiến cho chủ lò phải dời nhà đi nơi khác, chỉ còn lại gia đình của ông Trần Trọng Thủy là bám trụ ở miếu này. Dấu vết của nhà thờ còn lưu lại qua việc đào vét kinh miếu thu được những mảnh vỡ bằng sành sứ. Dù cho chẳng thấy bóng dáng nhà thờ cũng như chẳng còn lò bún nhưng người đời vẫn ghi nhớ địa danh qua tên gọi Miếu Bún!

MUỐNG SƯNG

*Dựa theo chuyện kể của ông Lê Văn Sưa
và ông Huỳnh Văn Được ngụ tại Miếu Sưng*

Là một đoạn miếu đào chừng 400 mét nổi liền với những con rạch cạn nằm sâu trong nội đồng. Người khai mở là thân phụ của ông Huỳnh Văn Võ (không nhớ tên).

Theo lời kể của các lão nông, xưa kia, vàm mương Sung là nơi tiếp giáp của nhánh sông Tiền và sông Hậu. Sự giao lưu nói trên, đã tạo thành một búng nước, tu hội rất nhiều tôm, cá. Cũng tại nơi đây, bên kia bờ Đồng Tháp thưở xưa là một bãi sông (nay là Trạm Y tế của xã Hội An Đông) những đêm trăng sáng, người ta thường thấy có đôi trâu nước đến đây ăn cỏ. Chúng lặn sâu mất dạng khi phát hiện ra bóng dáng của con người.

Việc khai mở mương Sung đã biến búng nước sâu thành một vòng nước xoáy cho đến khu rạch Cái Tàu từ La Kết ra đến chợ đã cạn hẹp. Thêm vào đó, nước chảy quanh co của toàn bộ dòng chảy ven bờ ấp Thị với ấp An Ninh đã làm cho nước chảy yếu, lại bị địa hình ngăn cản nên càng yếu hơn.

Trong khi ấy, nguồn nước ở sông Lấp Vò chảy vào lòng sông rộng nên lưu lượng lớn hơn. Hình dáng con rạch thẳng, nên nước chảy mạnh hơn. Từ đó, nước sông Hậu đã đẩy lùi nước sông Tiền chảy ngược về cầu Quay, sau này là Thất Cao Đài.

Hầu hết các mương ở làng Hội An đều có từ hai đến bốn tên (trừ mương bà Phú, mương bà Cọc với mương Đình). Ấy thế mà mương Sung người đời lại không lấy tên thân phụ của ông Huỳnh Văn Vô hay lấy hiện tượng của đôi trâu nước để gọi là mương Trâu hoặc lấy thực trạng của giáp nước là một búng sâu, để gọi là mương Búng. Hơn nữa nơi đây có một cây Nghinh lâu đời, tàn cây tỏa ra che mát cả một vàm mương để gọi là mương cây Nghinh. Lý do nào dân làng gọi mãi là

mương Sung? Ông Được là trưởng tộc ngụ trong mương cho biết Người khai mở mương này là đời cố của ông. Tất cả con cháu gồm nội ngoại đã hơn sáu đời đều cư ngụ tại nơi đây. Tình thân tộc luôn được thương yêu đoàn kết. Đơn cử như việc cúng miếu Thổ Thần ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch hằng năm tất cả con cháu, dù bận làm ăn ở xa hay lấy chồng xứ khác đều nhớ ngày để về cúng miếu rất linh đình. Các trưởng lão ở đây đã khẳng định không phải là mương cây sung. Hiển nhiên không phải là rạch cây sung hay gọi tắt là rạch sung. Bởi lẽ, rạch là một dòng nước của tự nhiên. Còn mương là đường nước do con người khai thông mà có. Khi đã xác định là mương đào không phải là rạch thì lẽ tất nhiên phải có người đứng ra khai mở hoặc là người sở hữu của con mương lúc ban đầu. Ở đây người đào mương là thân phụ của ông Huỳnh Văn Võ. Nếu Sung là tên của ông thì chắc chắn các trưởng tộc phải biết.

Vậy không phải tên của cây Sung cũng không phải tên người khai mở thì phải chăng đây là Sung của nghĩa chữ Hán Nho chỉ sung tức, đầy đủ cho con cháu của người khai mở.

Nhìn lại các mương đào ở trong làng, chúng ta thấy chủ yếu là để làm ranh đất, ranh ấp hoặc lấy nước dùng cho sinh hoạt của một gia đình. Còn việc định cư ở trong mương thì chưa được định hình. Lúc bấy giờ, chỉ có Mương Sung là nhà cửa đông đúc, ghe xuồng qua lại tấp nập vì đây là giang lộ của nhân dân Hội An lui tới với đình làng.

***Những thay đổi và sự phát triển của Mương Sung.**

Vàm mương Sung nằm ở khoảng giữa rạch Cái Tàu, mang hình dáng chữ V khiến cho vàm mương Sung luôn bị nước làm xói mòn, nên ngày càng rộng lớn

Từ khi vàm rạch Cái Tàu nổi lên cồn Mía khiến cho dòng nước của nhánh sông Tiền chảy vào yếu dần. Nước từ sông Lấp Vò chảy vào mương Sung mạnh hơn, làm thủy phá bên bờ tả ngạn.

Cách vàm mương chừng vài mươi mét gần với đầu cầu là miếu thờ Thổ Thần. Miếu đã được dựng lên từ thời khai mở. Cột của miếu bằng gỗ cẩm xe đeo tròn, vách ván cũng cẩm xe, mái ngói âm dương

Ngày nay, miếu được làm lại theo kiểu dáng của thời đại mang tính "Gọn, nhẹ, đẹp, bền" nên khó ai nhìn thấy phảng phất kiến trúc xưa! Trước chín năm chống Pháp, tại vàm mương Sung có am tu của một pháp sư, tục danh là cậu hai Giao. Ông này ở phương xa đến đây làm phép để trị bệnh và thu nạp tín đồ. Khi đại đội 11 về tạm chiếm vùng này, cậu hai Giao cũng đã bỏ đi nơi khác. Từ đó am tu bị phá để làm thành đôn bót

Càng đi sâu vào trong mương, nhà cửa càng đông đúc hơn so với ngoài lộ liên xã (thuộc khu vực ấp An Khương). Bởi lẽ, đây là nơi quần cư của một tộc họ. Con cái trưởng thành đều cất nhà ở gần với cha mẹ. Do đó, đất khai phá của ông bà đều thuộc về con cháu lưu canh.

Trường hợp xa quê đi lập nghiệp, đất đai cũng được bán lại cho người trong thân tộc.

Đặc điểm cư dân ở vương Sung phần đông chuyên sống bằng nghề làm rẫy. Vì vậy có thêm một địa danh gọi là Xóm Rẫy.

Năm 1972, trên nền am xưa, đồn bót cũ, xã trưởng Bùi Văn Hoanh đã xây dựng một nhà lồng chợ mang tên là chợ Long An nhưng không ai đến mua bán, khiến cho chợ Long An hoang vắng trước ngã ba sông⁷⁹. Chỉ có lao xao những bước chân ngập ngừng với những ánh mắt đắm chiều của những chàng thanh niên có gia đình mà cứ mỗi chiều tối bị bắt phải tập trung để làm nhiệm vụ của một nhân dân tự vệ⁷⁹.

Cũng trong năm này, bờ hữu ngạn có phần náo nhiệt hơn khi ông Nguyễn Văn Lẹ (bảy Lẹ) lập nhà máy xay lúa tại đây.

Năm 1976, phòng Lương thực huyện Chợ Mới xây vách chung quanh chợ Long An để lấp nên kho mương Sung. Bên cạnh đó là trạm thu mua lương thực. Đây cũng là điểm thu thuế nông nghiệp.

Năm 1990, những hạt ngọc màu vàng không còn lưu giữ tại đây do ngành giáo dục đã xây dựng trường học để mài bóng những hạt ngọc màu xám cho đời.

⁷⁹ Nhân dân tự vệ nhằm kiểm soát và trưng dụng nguồn nhân lực tại chỗ. Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã cưỡng bách thanh niên từ 18 đến 45 tuổi, phải gia nhập nhân dân tự vệ. Lực lượng này không có lương, được huấn luyện hành quân dịch. Mỗi ấp tổ chức thành nhiều toán (có trong bí vũ khí). Và trưởng ấp là người điều động lực lượng này tham chiến canh gác vào ban ngày và tập trung đầy đủ vào ban đêm.

Nhờ đó, mương Sung lại trở nên sung túc hơn, như cái tên đã gọi thuở ban đầu

****Đặc điểm của mương Sung***

* Mương nối liền với các rạch nằm sâu trong nội đồng.

* Vàm mương rộng đến gấp ba lần so với các mương trung bình.

* Mương được đào thì có người đến ở trước nhất và đông nhất.

* Tên mương không thay đổi

Trong số các mương đào của làng Hội An chỉ có mương Sung với mương bà Phú là hai mương lâu đời nhất Hai mương này giống nhau là ở bờ bên phải đều có nhà máy xay lúa đồng thời tên mương không bị thay đổi

Ấp An Thới



Sơ lược về ấp An Thới

Được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thành lập vào ngày 15 tháng 3 năm 2008 Ấp An Thới được hình thành trên cơ sở hơn phân nửa ấp An Bình cũ cộng với phần hữu ngạn nương Sung (từ rạch Rau Dắng đến

giáp ranh xã An Thạnh Trung) Vị trí ấp phía đông giáp ấp An Khương, tây giáp An Bình; nam giáp ấp An Thái, bắc giáp xã An Thạnh Trung.

Diện tích tự nhiên là 363,95 ha (đất nông nghiệp là 325,10 ha) có 208 hộ với 1 051 người (Thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008).

Địa danh gồm có:

1. Rạch Rau Dắng
2. Ngã Cái.
3. Xẻo Muồng

RẠCH RAU ĐẰNG

*Dựa theo chuyện kể của ông Nguyễn Văn Mạnh
Sinh năm 1949 ngụ gần vàm Rau Đắng*

Ở quanh làng đâu đâu cũng có cây Rau Đắng. Rau thường mọc ở sau hè, mé ruộng. Loại rau này lá rất nhỏ, bông màu trắng có vị đắng.

Người ta lấy lá để nấu canh, trộn với gỏi, ăn kèm với cá lóc nướng trui. Không những vị đắng làm khoái khẩu, được tánh của nó còn giúp cho người ăn được mát gan, trị được bệnh nước tiểu có sỏi, bệnh nấm ngoài da và còn bổ cho mặt.

Căn cứ vào địa phận của xã Hội An lúc mới phân ấp, lập làng có một con rạch dài hơn 1000 mét, từ bờ hữu ngạn mương Sung giáp đến gần cuối ngọn Trà Bư. Tại vàm rạch là điểm tiếp giáp của các ấp An Bình, An Thái và An Khương. Người xưa đã gọi nơi đây là rạch Rau Đắng. Tên được căn cứ vào thực vật mọc nhiều nhất ở nơi này.

Kể từ năm 1998 trở về trước hầu hết người dân đều lưu canh mà không lưu cư. Vì thế cho nên, việc đi lại chỉ là đường mòn theo bờ đê, ven rạch. Đến khi huyện Chợ Mới chủ trương bao đê tiểu vùng thì rạch Rau Đắng được xáng mức làm rộng hơn và lấy đất để làm lộ hai bờ. Dần dần, nông dân cất nhà, định cư trên đất canh tác dù điều kiện sinh hoạt còn nhiều khó khăn. Đến tháng 6 năm 2006, chiếc cầu dây giăng đã xóa hẳn cầu khỉ. Và các nẻo đường liên ấp, đều được trải đá rộng rãi tạo thuận lợi cho việc lưu thông ở nông thôn. Đồng thời lưới điện cũng đã phủ sóng khắp nội đồng khiến cho bộ mặt làng quê khởi sắc, nhộn nhịp hẳn lên.

NGÃ CÁI

*Dựa theo chuyện kể của bà Huỳnh Thị Nén
sinh năm 1923, ngụ gần rạch Ngã Cái*

Xưa kia, là rạch nhỏ nằm sâu ở nội đồng Từ khu thân phụ của ông Huỳnh Văn Võ đào mương nối liền với rạch xóm Rẫy, rạch Rau Đắng và ngã (Cay) để đến đình Hội An ở Ngã Bát thì nơi đây gọi là Ngã Cay (Cay là tiếng của người dân Nam bộ khai hoang dùng để chỉ hướng rẽ về bên trái Còn Bát là hướng rẽ về bên phải)

Thuở ấy, ngoài vàm mương Sung cho đến cuối ngọn (tức vàm Ngã Cay) đều có miếu thờ Thổ Thần và miếu thờ Ông Tà Hàng năm, đến ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch cả hai nơi đều cúng kiếng rất long trọng.

Do cư dân của các ấp như An Phú, ấp Thi, An Ninh và An Khương mỗi khi đến với việc làng hoặc lễ Kỳ Yên ở Ngã Bát đều không đi theo tuyến rạch Cái Tàu đến rạch Cái Nai vì đường xa và có đoạn phải ngược dòng chảy xiết. Trong khi đường thủy liên thông qua các đoạn như La Kết, xóm Rẫy, mương Sung, Ngã Cay ước chừng phân nửa đường là đến Ngã Bát Hơn nữa nước ở trong đồng luôn chảy chậm, đáy rạch lại cạn nên việc chèo, chống được nhanh hơn, khỏe hơn Dựa trên thực tế ấy, người xưa gọi nơi đây là Ngã Cái (Ngã chính, có nhiều ngã phụ) nên không còn gọi là Ngã Cay

XẺO MUỐNG

Dựa theo chuyện kể của ông Nguyễn Văn Đây

Sinh năm 1958, cư ngụ tại Xẻo Muống

Xẻo Muống là tên ghép của địa hình với thực vật, được hiểu như sau:

Xẻo nghĩa là rạch nhỏ, nằm sâu ở bên trong.

Muống là tên của một loại cây mọc hoang, đầu lá hình bầu dục, bông màu vàng. Lá Muống, đem nấu lấy nước uống làm thuốc xổ (nhuận trường), dân nhuyển với muối và phèn dồng để trị lác.

Dựa trên thực tế, người xưa gọi nơi đây là Xẻo Muống nhằm chỉ rạch nhỏ có mọc nhiều cây Muống. Căn cứ trên bản đồ, ta thấy Vàm rạch ở hướng Đông, ngon cong và thẳng bên hướng Bắc.

Năm 1998, chính quyền địa phương tổ chức đào thêm một con mương nối liền với phần ngon của rạch Xẻo Muống để làm trạm bơm nước, đồng thời, đặt bông lấp đất vàm rạch.

Năm 2007, bà Lê Thị Phối (út Nhan) cán bộ hưu trí ở tỉnh, sinh trưởng ở ấp An Khương vận động ông Nguyễn Phước Thanh người cùng quê đang làm Tổng giám đốc Ngân hàng Ngoại Thương ở thành phố Hồ Chí Minh đóng góp và vận động thêm công ty Phân bón Năm Sao để cất cầu treo ngang qua ngọn mương Sung với Xẻo Muống. Cầu dài 36 mét, rộng 2,2 mét. Tổng kinh phí 137 684.000 đồng, khánh thành vào ngày 15/4/2007.

Ấp An Thái



Sơ lược về ấp An Thái

Gần phân nửa của ấp An Thái cũ, thêm một phần của bờ hữu ngạn vàm mương Sung đến rạch Rau Dắng là vị trí hiện nay của ấp An Thái. Phía Đông giáp ấp An Khương; Tây giáp ấp An Bình, Nam giáp xã Hội An Đông và ấp An Thịnh, Bắc giáp ấp An Thới.

Diện tích tự nhiên 158,59^{ha} (đất nông nghiệp là 124,80^{ha}) có 473 hộ với 2 126 người (Thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008)

Địa danh gồm có:

1. Rạch Cái Nai.
2. Rạch Trà Bư

RẠCH CÁI NAI



Cầu Cái Nai

Tên gọi Cái Nai, mới nghe qua tưởng chừng như xa lạ. Không là làm sao được khi mà một nê như sông của chạch nó có tên để gọi là Tra Bư – âm tiếng chạch gốc của dân Chấn Lạp.

Để làm rõ hơn vì sao gọi là Cái Nai, trước hết, chúng ta cùng nhìn điểm lại các địa danh lan cư đứng đầu bằng chữ “Cái”. Đơn cử như Cái Dục ở Đình Yên, Cái Sơn ở Vàm Cống, Cái Bàu ở Hòa An, Cái Tân ở Hoi An, Cái Dừa ở Bình Phước Xuân và Cái Tôm ở Cao Lãnh.

Chữ Cái là tiếng cổ xưa dùng để chỉ người, động thực vật, sự việc... và Cái Nai ở đây chỉ về loại Nai – một loại động vật sống bầy đàn nơi hoang dã. Chuyên xưa kê lai rừng, lúc chưa phân áp để lập làng, nơi đây còn hoang vắng. Dân làng đi thuyền, chèo ghe trên rạch Cái

Tàu thường nhìn thấy bầy nai xuống sông uống nước nên gọi là Cái Nai.

Thời thực dân Pháp tách một phần ở thượng nguồn của làng cựu Hội An, để lập thêm làng Hội An Thương nên toàn bộ ấp An Bình thuộc về làng mới lập. Vì lẽ ấy Đình làng Hội An ở ngã Bát phải dời đến nơi này nhờ vậy Cái Nai ngày càng phát triển sầm uất hơn.

Sự thay đổi và phát triển ở vàm rạch Cái Nai

Năm 1912 làng Hội An tách ra làm hai làng Hội An và Hội An Đông. Đình thần Hội An được dời về miếu ông Hồ Đồng thời, cơ sở của làng xây dựng gần với Vàm Kinh cô Đội (nay gọi là kinh Cựu Hội). Thế nên, toàn bộ ấp An Thái đã thuộc về làng Hội An Đông. Và hình ảnh chiếc cầu tre vẫn còn lác lẻo đôi bờ!

Năm 1956, toàn bộ rạch Cái Nai, gồm cả hai ấp An Thái và An Bình được trả về cho làng Hội An. Chiếc cầu ván qua sông được hình thành, thay thế chiếc cầu tre quen thuộc.

Năm 1965, trường sơ cấp ấp Tân Sinh An Thái được thành lập trên khu vực Đình Làng xưa cũ.

Đến năm 1976, khu vực trường học được mở rộng và nâng cấp lớp học, gọi là trường cấp I "B" Hội An.

Năm 1977, thành lập trường phổ thông cơ sở "B" Hội An.

Năm 2003, cầu ván Cái Nai được tháo dỡ để đúc bê-tông kiên cố. Và chiều dài của cầu ở bờ hữu ngạn đã thiết kế theo kiểu cầu vượt.

Năm 2005, ở phía sau trường tiểu học “B” Hội An xây dựng thêm một trường cấp II Tháng 9 năm 2006 trường trung học cơ sở Hội An 2 khai giảng khóa học đầu tiên

Hiện nay, cầu bắc ngang rạch Cái Nai, ở vàm rạch thuộc ấp An Thái, xã Hội An biển ghi “cầu Cái Nai” Ở cuối rạch thuộc ấp An Bình, xã An Thạnh Trung biển ghi “cầu Cả Nai”! Tên gọi Cái Nai khiến cho chúng ta hình dung đến một khung cảnh nên thơ có bấy nai hiền hòa đang lững lờ ăn cỏ, đã vẽ nên bức tranh ấm no, thanh bình của làng quê Hội An

RẠCH TRÀ BƯ

Dựa theo truyền khẩu

Là một chi lưu của rạch Cái Nai thuộc bờ tả ngạn thượng nguồn. Tên gọi Trà Bư khẳng định địa danh này, xưa kia là của dân Chân Lạp. Đó là một con rạch ngắn, thông với nhiều ngõ ngách cong về hướng ngã Bát Và nghĩa Trà Bư là Vũng Trâu – nơi hội tụ các bầy, đàn trâu nước

Trong thời kỳ đầu khai hoang, cộng đồng người Việt đã đến đây, sống cùng với cư dân bản xứ Sự hài hòa nói trên là do tác động về hoàn cảnh địa lý của vùng này Bởi lẽ, bên kia rạch Cái Nai là gò cao, rất nhiều thú dữ Còn ở bên này Trà Bư là một vùng trũng thấp trải dài

theo hướng đông bắc, có nhiều hồ ao chứa đầy tôm cá xen lẫn với rừng tràm bạt ngàn.

Trà Bư là một trong những nơi định cư đầu tiên của cộng đồng người Việt đến khai hoang, mở ấp lập làng. Sự lưu cư nhiều năm đã phát triển dân số người Việt nơi đây tương đối đông đúc, là chỗ dựa hậu cần cho việc sang sông khai mở mương cai Hùng để sau đó, lần hồi phá tan hồ huyết ở rạch Giồng.

Năm 1850, thầy Đoàn Minh Huyền⁸⁰ đến tận Trà Bư dập tắt bệnh dịch tả đang hoành hành để cứu nhân, độ thế¹

Vào sâu trong rạch theo hướng đông bắc là trung tâm hành chính của làng Hối An.

⁸⁰ thầy Đoàn Minh Huyền là người sáng lập tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương (trên gọi là "Tứ Ân Hiếu Nghĩa"). Ngài sinh chết tại núi Sam (Châu Đốc). Tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa tôn vinh ngài là Phật Thầy Tây An. Những đệ tử của ngài như Đức cố quân Trần Văn Thành, ông Trần Văn Nhù, ông Nguyễn Văn Thới (tức Ba Thới). Đã để lại cho người dân An Giang nhiều dấu ấn trong công cuộc khai hoang và chống thực dân Pháp

Ấp An Thịnh

Sơ lược về ấp An Thịnh

Ấp An Thịnh được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thành lập vào ngày 15 tháng 3 năm 2008. Ấp An Thịnh bao gồm một nửa của ấp An Thái cũ, từ bờ hữu ngạn rạch Cái Nai đến giáp ranh xã Hòa An, cắt bớt một phần từ ranh ấp An Bình cũ đến mương Tắt (còn gọi là mương



Nhà Giàng) Vị trí ấp phía Đông giáp xã Hội An Đông; Tây giáp xã Hòa An, Nam giáp xã Hội An Đông, Bắc giáp ấp An Thái và ấp An Bình.

Diện tích tự nhiên là 126,98 ha (Đất nông nghiệp: 99,94 ha), số hộ: 367, dân số 1 479 người (Thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008)

Địa danh có: Xẻo Tràm

XẺO TRÀM

*Dựa theo chuyện kể của ông Nhan Văn On,
sinh năm 1927 ngụ gần vàm Xẻo Tràm.*

Trong thời kỳ khai hoang lập ấp, nơi đây thuộc về “An Bình đại” của ấp An Bình, “cư Hội An thôn” Thời ấy, “An Bình đại” trải dài từ bờ hữu ngạn của vàm rạch Cái Nai, giáp với làng Bình Thành Tây, lên đến xứ Tầm Vu của làng Kiến Thạnh (nay là ấp An Bình của xã An Thạnh Trung) Còn “An Bình tiểu” của ấp An Bình “Cư Hội An thôn”, nằm ở bên kia sông, giáp với làng Tân Bình (nay là ấp An Bình của xã Hội An Đông)

Truyền khẩu kể rằng Khu vực này là rừng tràm bát ngát chỉ có voi ra sông uống nước Từ đó, tạo thành một con rạch nhỏ cong queo dài chừng một ngàn mét Do đất rộng người thưa nên dân cư thưa thớt Vì thế, mới có tên gọi là Xẻo Tràm (con rạch nhỏ ở rừng tràm)

Từ năm 1950 trở về trước, đường liên xã chỉ là lối mòn của người đi bộ nên cầu tre vẫn còn lắc lẻo qua rạch Xẻo Tràm Đến thập niên sáu mươi, xe đạp chạy nhiều, con đường cũng được mở rộng thêm đôi chút Đồng thời, các cầu qua mương rạch cũng được thay thế bằng vạt tre Sau đó, tất cả đều làm bằng xi măng cốt sắt Tuy vậy cư dân ở đây chỉ vốn vẹn có sáu hộ gia đình.

Năm 2003, Nhà nước mở rộng và tôn cao con đường liên xã Năm 2007, chính quyền địa phương đã xây dựng một trạm cấp nước bên bờ tả ngạn của rạch Xẻo Tràm nhằm đáp ứng nhu cầu nước sạch cho gần ba mươi hộ ở hai bên bờ rạch và cư dân của ấp An Thịnh, dọc theo con đường liên xã.

Ấp An Bình

Sơ lược về ấp An Bình

Ấp An Bình hiện nay gồm hơn một phần ba của ấp An Bình cũ, thuộc bờ hữu ngạn rạch Cái Nai, thêm một phần giáp ranh với ấp An Thái cũ đến mương Tắc

Vị trí hiện nay là Đông giáp ấp An Thới và ấp An Thái; Tây giáp xã Hòa Bình, Nam giáp ấp An Thạnh; Bắc giáp xã Hòa Bình.

- Diện tích tự nhiên. 237,39ha. (đất nông nghiệp là 213,63 ha), số hộ: 404, dân số: 1 900 người (Thống kê ngày 15 tháng 3 năm 2008).

Địa danh, di tích gồm có:

1. Mương Cai Hùng.
2. Mương ông Mười.
3. Mộ Bà
4. Rạch Giồng
5. Rạch Ngã Bát.



MƯƠNG CAI HÙNG

*Dựa theo chuyện kể của thầy Phan Văn Thương -
Cựu Hiệu trưởng trường Tiểu học cộng đồng Hội An "A" -
Hiện đang cư ngụ tại ấp An Bình.*

Dựa vào điều kiện khai mở vùng đất An Giang xưa và đặc thù của làng Hội An khi ấy cũng như qua nghiên cứu gia phả, chuyện kể của các gia tộc định cư lâu đời ở đây thì ông Phan Văn Hùng có nhiều thế hệ sinh sống tại đây. Ông làm đến chức cai tổng - là người đứng đầu một tổng, trông coi nhiều thôn, vì vậy ông là người có khả năng điều động đến hàng trăm người đốn cây đào gốc để khai mương. Và tên gọi mương Cai Hùng nhằm tưởng nhớ đến công lao của người chỉ huy khơi nguồn dòng nước ngọt.

**Đặc điểm và sự thay đổi của mương Cai Hùng.*

Mương cách vàm Cái Nai khoảng 1 000 mét, dài 3 000 mét chảy ngang qua rạch Giồng, theo hướng Bắc An Hòa.

Kể từ khi đào thêm con mương ở phía dưới, cách mương Cai Hùng khoảng 400 mét để mở một ngã thông qua rạch Cái Tây thuộc xã Hòa An và một ngã đi lên một thông Lưu thì người đời gọi mương Cai Hùng là mương Trên.

Năm 1986, Nhà nước cho xáng mức rạch Cái Nai để khơi thông dòng chảy, lấy đất để nâng cao mặt lộ và trải đá từ vàm Cái Nai đến lộ chính qua Long Xuyên, chiếc cầu ván bắc ngang mương Cai Hùng bị tháo dỡ để đặt bọng nhằm tiện lợi giao thông.

MƯƠNG ÔNG MƯỜI

*Dựa theo chuyện kể của ông Nguyễn Văn Đơn,
sinh năm 1938, hiện cư ngụ tại mương ông Mười*

Lúc ban đầu là một con lạch đã khô cạn, càng vào trong càng có nhiều chu lưu nằm sâu trong đồng nội.

Thuở ấy, ông Nguyễn Văn Giảng là một phú nông kế thừa sự nghiệp của tổ phụ để lại, ông đã phát triển nuôi trâu thành bầy đàn vừa cày ruộng nhà, vừa để cày thuê trong khu vực. Do cư ngụ gần với lạch cạn ấy, ông thường cùng với người nhà lừa trâu ra ruộng bằng con đường này. Đến khi ông mở rộng trồng cây ăn trái và lên liếp để canh tác hoa màu thì đào sâu thêm làm thành một con mương nhằm lấy nước tưới tiêu trong những ngày khô hạn.

Từ ấy người đời gọi mương bằng thứ của ông là mương ông Mười.

** Sự thay đổi của mương ông Mười.*

Những năm đầu phát triển làm lúa Thần Nông⁸¹, cư dân ở khu vực này đã lấp kín các chu lưu để làm cho ruộng được phẳng. Sự cào bằng mặt ruộng là một trong những tiêu chuẩn rất cần thiết để làm lúa Thần Nông,

⁸¹ Lúa Thần Nông còn có tên gọi là bìn lùn. Loại lúa giống Hoa Kỳ viện trợ từ những năm 1968. Lúa trồng ngắn hạn (chỉ khoảng chừng từ 90 ngày đến 100 ngày là thu hoạch) năng suất gấp bốn lần lúa mùa. Lúa Thần Nông đòi hỏi kỹ thuật canh tác và công sức lao động nhiều hơn là làm lúa mùa. Giống lúa Thần Nông đầu tiên có tên là IR8.

khác hẳn với việc canh tác lúa mùa⁸², chỉ gieo sạ xong chờ ngày gặt lúa

Năm 1986, xáng mức rạch Cái Nai, đất được đổ lên để nâng cao đường và trải đá mặt lộ. Cũng chính vì lẽ ấy, cầu bắc ngang mương ông Mười đã được tháo dỡ để đất bong

Hiện nay, một số người lớn tuổi vẫn còn quen nuềng gọi là mương ông Mười. Lớp trẻ hơn gọi là mương Hai Đon (ông Đon là cháu nội của ông Mười) Bởi lẽ, nhà của ông Đon ở bờ hữu ngạn tại đầu con mương. Cư dân sống ở hai bờ mương đều là hậu duệ của ông Mười

MỘ BÀ (Ở CÁI NAI)

Dựa theo truyền khẩu

Từ Chợ Cái Tàu đi Long Xuyên, theo con đường thuộc bờ hữu ngạn của rạch Cái Nai chúng ta đi ngang qua Mộ Bà. Mộ toa lạc bên lề đường, gần với trường học của ấp An Bình

Mộ Bà tính đến nay có hơn 150 năm. Đây cũng là di tích thiêng liêng của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương hay còn gọi là Tứ Ân Hiếu Nghĩa – một tôn giáo lớn và lâu đời nhất của miền sông nước Cửu Long

⁸² *Lúa mùa* là tên gọi chung của nhiều giống lúa cổ truyền (đan cắt như giống lúa Nàng Tày) gieo sạ vào mùa mưa và thu hoạch sau nước lũ. Đặc điểm của loại lúa này là nước lũ dâng đến đâu lúa sẽ vươn cao hơn đến đó. Thời hạn gieo trồng cho đến khi lúa chín phải mất từ 7 đến 8 tháng (tùy theo giống lúa).



Mô Ba ở Cai Nai, trên công gàn bốn chữ Hán Nho, đọc từ phải sang trái 'Mô Phi Cổ Tự' là thờ thần của đức Phật Thích Tây An. Hàng năm cứ đến những ngày 28, 29 và 30 tháng Mười âm lịch là ngày lễ vía của bà.

Theo lời kể của địa phương, mô Ba là mộ công chúa Ngọc Hanh - vợ của vua Quang Trung Nguyễn Huệ (?). Một căn tiệt quạ trong nhăm khẳng định sự việc nêu trên là ngôi tam bảo thờ "Trần Đế" có cùng một mẫu cơ với trên đại của Tây Sơn dựng nghiệp (?). Từ khi lập mô, chưa có người canh giữ. Vậy mà nơi khi mộ không có cỏ, trái bò đi ngang qua đều khiếp sợ, chạy hoang như có người rượt đuổi. Vì vậy địa gian tin tưởng mô Ba rất linh thiêng!

Năm 1950, nhân dân xây dựng đơn sơ nơi thờ phượng và làm rào xung quanh mộ. Sau đó, đông đảo tiếp tục trung tu nơi thờ phượng, xây công và làm tường rào kiên cố.

Năm 1996, nhăm năm Bình lý, đồng bào và đông đảo lại tiếp tục xây mới toàn bộ nơi thờ phượng. Bà Đặng Thị Lan, bà Võ Thị Thanh thay nhau lo việc phượng tự trong mô Ba.

RẠCH GIỒNG

Là một chi lưu nằm bên bờ hữu ngạn của rạch Cái Nai dài chừng 1 000 mét. Sở dĩ nó ngắn là do một vùng đất cao, rừng rậm chắn ngang. Cũng chính tại đây là lãnh địa của chúa sơn lâm thời chưa mở cõi.

Căn cứ vào tên gọi để xếp theo thứ tự của dòng sông, rạch nước như: Cái Nai, Trà Bư, rạch Giồng chúng ta có thể hình dung rõ nét từng khu vực đã thích ứng với thứ rừng cư trú, chẳng hạn như Ở đầu vàm rạch Cái Nai, xưa kia là một bãi bồi nên có lắm cỏ non, địa thế nơi đây rất thích hợp với loài nai, còn rạch Trà Bư thì có nhiều trâu nước. Và gò cao khô ráo ở rạch Giồng là nơi rừng sâu của hổ huyết.

**Địa thế của rạch Giồng*

Chỉ một rạch Giồng mà có đến 3 làng hội tụ. Đó là Hội An, Hòa Bình và An Thạnh Trung. Rạch tuy ngắn nhưng tiền nhân của 3 làng đã đẩy công khai phá. Sự đoàn kết với quyết tâm san bằng lãnh địa của chúa sơn lâm, biến nơi đây thành đồng ruộng và cây trái trĩu cành.

Dứng tại cầu rạch Giồng nhìn về hướng thành phố Long Xuyên, bờ hữu ngạn là ấp An Bình của xã Hội An, bờ tả ngạn thượng nguồn là ấp An Bình của xã An Thạnh Trung. Cuối rạch là địa phận của xã Hòa Bình.

Vị trí có hình tam giác này là chỗ dung thân cho những tệ nạn xã hội và cũng là nỗi lo của chính quyền 3 xã và nhân dân trong việc bài trừ tiêu cực.

RẠCH NGÃ BÁT⁸³

Dựa theo truyền khẩu

Là chi lưu của rạch Cái Nai, rẽ về hướng bên phải gọi là Ngã Bát. Tại đây xưa kia là trung tâm hành chính của làng Hội An trong những năm đầu khai hoang mở ấp.

Căn cứ vào bản đồ địa chính để hiểu về bối cảnh thời ấy. Tiền nhân của chúng ta đã sáng suốt chọn nơi đây làm hậu cứ để định cư phá rừng. Bởi lẽ, khu vực này cả ba hướng như Đông, Tây và Nam đều là sông rạch bao quanh. Địa thế như hình vòng cung, luôn bảo đảm sự an toàn trong việc đề phòng thú dữ. Với sự mong ước cư dân luôn được bình an nên trung tâm khai mở cửa làng mang tên là An Bình.

Năm 1852, đình thần Hội An và sắc ấn “Bốn Cảnh Thành Hoàng” được thờ phượng tại vàm Ngã Bát. Hiện nay nhằm duy trì nguồn gốc nên hàng năm cứ đến ngày 16 tháng 6 âm lịch, lễ thỉnh rước sắc thần từ nhà ông Võ Văn Cháp ở ấp An Ninh, phải vào tận ngã Bát để làm lễ kính viếng trên nền đình xưa cũ. Sau đó, diễu hành qua các ấp để cho nhà nhà vọng bái, trước khi an vị Sắc Ấn của thần tại đình Hội An ở ấp Thị.

⁸³ Ngã Bát: Nơi dòng sông phân làm hai ngã, hình thế như chữ Hấn Nho (đọc là Bát).

PHỤ CHÚ:

DANH SÁCH GIÁO VIÊN 1960 - 1970

(không kể cựu giáo viên của trường)

- | | |
|----------------------------|---------------------------|
| 1. Thầy Lê Ngọc Lưu. | 17. Cô Văn Thị Hĩa. |
| 2. Thầy Trần Văn Cống. | 18. Thầy Trần Vinh Phác. |
| 3. Thầy Nguyễn Hữu Ích. | 19. Thầy Phan Văn Kém. |
| 4. Cô Trần Hiền Kinh. | 20. Cô Võ Ánh Huệ |
| 5. Cô Nguyễn Thị Trà. | 21. Cô Nguyễn Thị Nghi |
| 6. Thầy Nguyễn Hữu Hạnh. | 22. Cô Lữ Thị Còn. |
| 7. Thầy Phạm Tấn Tiến. | 23. Cô Phan Mỹ Lệ. |
| 8. Thầy Phan Văn Thương. | 24. Cô Phan Thu Thủy. |
| 9. Thầy Trần Văn Ráp. | 25. Thầy Hồ Văn Nhựt. |
| 10. Thầy Nguyễn Văn Cơ. | 26. Cô Lê Thị Chấm. |
| 11. Thầy Nguyễn Thanh Xuân | 27. Cô Lê Kim Mối. |
| 12. Thầy Thu. | 28. Thầy Nguyễn Thành Gia |
| 13. Thầy Thọ. | 29. Cô Trần Thị Bửu. |
| 14. Thầy Châu Hoàng Hội. | 30. Cô Nguyễn Thị Phi. |
| 15. Thầy Diêu Thuận. | 31. Cô Lê Ngọc Ánh |
| 16. Thầy Phan Trung Hậu. | 32. Thầy Nguyễn Thừa Chi. |

NHỮNG THẦY CÔ LÃNH ĐẠO TRƯỜNG LÀNG HỘI AN

* Trường sơ cấp Tổng (École Primaire Élémentaire De Canton) (không được biết)

* Trường Tiểu học Cái Tàu Thượng [École Primaire Complémentaire De Cái Tàu Thượng (1920 - 1939)]

- Hiệu trưởng: Thầy Phạm Kim Thịnh (1936 - 1939)

* Trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Quế (École Primaire Complémentaire De Huỳnh Ngọc Quế) 1939 - 1945

- Hiệu trưởng: Thầy Trần Văn Kiệt, Thầy Huỳnh Văn Đợi, Thầy Nguyễn Hữu Hằng

* Điểm dạy sơ cấp: (do quân đội của Đảng phái tổ chức)

- Trường giáo: thầy Nguyễn Văn Na (1951 - 1955).

* Trường Tiểu học Cái Tàu Thượng (Tái thành lập từ năm 1956 -> 1965)

- Hiệu trưởng: Thầy Trần Kỳ Tài (1956 -> 1958), Thầy Ngô Văn Giàu (1958 -> 1963), Thầy Phan Văn Thương (1963 -> 1965).

* Trường Tiểu học Cộng đồng Hội An "A"

- Hiệu trưởng: Thầy Phan Văn Thương (1965->1967), Thầy Phạm Tấn Tiên (1967 -> 1968)

- Xử lý thường vụ: Thầy Châu Hoàng Hội (1968-1969)

- Hiệu trưởng: Thầy Ngô Văn Giàu (1969 - 1970 lưu dụng), Thầy Nguyễn Văn Na (1970 -> 1975)

* Trường phổ thông cấp I Hội An và bổ túc văn hóa.

- Trưởng ban điều hành. Thầy Nguyễn Văn Rô, Thầy Lê Hồng Châu.

- Hiệu trưởng Cô Lê Thị Kim Xoa, Thầy Nguyễn Thành Long

- Hiệu phó Thầy Nguyễn Thành Tài, Cô Nguyễn Thị Phú Phương.

- Hiệu trưởng Thầy Nguyễn Thanh Tài

* Trưởng phổ thông cơ sở “A” Hội An.

- Hiệu trưởng Thầy Lê Ngọc Lốp, Cô Lê Thị Kim Xoa, Thầy Nguyễn Ánh Việt

* Trưởng cấp I “A” Hội A

- Hiệu trưởng Cô Nguyễn Thị Cúc

* Trưởng Tiểu học “A” Hội An.

- Hiệu trưởng Cô Nguyễn Thị Cúc, Thầy Võ Văn Thơi, Thầy Lê Hữu Phước, Thầy Nguyễn Hữu Phước.

Những người có công xây dựng trường làng Hội An

- | | |
|------------------------|----------------------|
| 1 Ông Lê Văn Lộc | 6 Ông Lê Văn Bang. |
| 2 Bà Huỳnh Mỹ Hương. | 7. Bà Ông Như Hữu |
| 3 Ông Huỳnh Ngọc Nhuận | 8 Ông Lê Văn Khâm |
| 4 Ông Huỳnh Ngọc Bình. | 9 Ông Lê Văn An. |
| 5 Ông Huỳnh Văn Năm. | 10. Ông Võ Văn Chắp. |

Là những người đang sinh sống tại Hội An hay lập nghiệp ở phương xa nhưng đều có tấm lòng với quê hương, xứ sở đóng góp tiền của, công sức xây cất trường học ngày càng khang trang hơn.

LÃNH ĐẠO LÀNG HỘI AN QUA CÁC THỜI KỲ

Tương truyền những vị hương cả đầu tiên của Ban Hội tề đều bị cạo vò mất xác nên không ai dám nhận làm hương cả. Sau đó, hổ thẹn một địa chủ họ Phạm đã có công đỡ đỡ và đến ơn một con nai ở trước cửa nhà. Từ đó, con cháu của người họ Phạm đi rừng gặp hổ thì chỉ bị ngửi hơi hoặc liếm tóc.

Vì vậy, dân làng cũng như các thành viên trong Ban Hội Tề đều thống nhất cử con trai của người họ Phạm làm hương cả của làng. Và cứ như thế, truyền cho đến đời ông Tham thần Phạm Văn Hiếu.

Những sự việc nêu trên rất phù hợp với tuổi đời của ông Hiếu. Bởi lẽ, ông chỉ ngoài năm mươi mà đã làm đến chức Tham thần (tức là vị thần sống của làng). Trong khi, Hội An là một làng "cư" lại có diện tích rộng hơn các làng cùng tổng. Lực lượng hương chức thường thuộc thành phần địa chủ rất đông so với các làng khác. Điều này đã làm cho những thành viên trong Ban Hội Tề phải luôn phấn đấu nhiều năm mới được làm Hương sư. Từ Hương sư để lên Hương Chủ và Hương cả mới được làm chủ tọa Ban Hội Tề.

Không chỉ là như thế, những cư Hương cả còn phải bầu để chọn ra Lão làng là Đại Hương cả. Đại Hương cả còn phải tạo nhiều phúc lợi cho địa phương mới xứng đáng được bầu chọn là Kế hiền.

Và tột đỉnh của Lão làng là Tham thần. Những nấc thang qua các địa vị ấy, nếu như chức Hương cả không phải là cha truyền con nối và không có đàn em là bộ hạ thì làng Hội An sẽ không có một Tham thần ở tuổi ngũ tuần!

Từ năm 1802 cho đến năm 1868 (chỉ tính riêng ở xứ Nam Kỳ)

- Chức danh lãnh đạo làng trong thời kỳ này là Hội đồng Dịch Muc hay còn gọi là Hội đồng Kỳ Muc

- Trụ sở của làng tại Ngã Bát (nay thuộc ấp An Bình)

- Hương chức lãnh đạo gọi là Trưởng thôn (các thành viên trong Hội đồng Dịch Muc gọi là Dịch mục, riêng cán bộ ghi chép về sổ sách của làng thì gọi là Người Bản thôn)

Thời kỳ đầu Pháp thuộc (1868- 1893)

- Chức danh lãnh đạo làng trong thời kỳ này là Ban Hội Tế

- Trụ sở của làng tại Ngã Bát

+ Tên người lãnh đạo Hương cả Phạm Văn Hiếu

+ Tóm lược thân thế Ông sinh năm 1853, tại Ấp Thi, làng Hội An, tổng An Thạnh, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang. Nơi ông sinh trưởng, cư ngụ và mãn phần nay gọi là mường Hôi Đồng Ông là vị Tham thần duy nhất của làng Hội An Và cũng chính ông đứng ra chia làng Hội An vào năm 1912

+ Tên người lãnh đạo làng Hương cả Bùi Văn Hội

+ Tóm lược thân thế Ông sinh năm 1842, tại ấp An Quới, làng Hội An, tổng An Thạnh, huyện Vĩnh An, phủ

Tân Thành, tỉnh An Giang (nay là ấp An Thành, xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp) Ông là người sáng lập làng Hội An Đông và cũng chính là Tham thần đời thứ I của làng này

Giữa thời Pháp thuộc 1893-1912

- Chức danh lãnh đạo làng trong thời kỳ này là Ban Hội Tế

- Trụ sở của làng tại vàm Cái Nai

+ Tên người lãnh đạo làng là Hương cả Ngô Văn Dao

+ Tóm lược thân thế Ông sinh năm 1850, tại ấp An Ninh, làng Hội An, tổng An Thành, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang (nay gọi tên cháu nội của ông là mường Bà Kỳ, thuộc về ấp An Ninh của xã Hội An)

+ Tên người lãnh đạo làng Hương cả Bùi Văn Thận

+ Tóm lược thân thế Ông là con thứ ba của ông Bùi Văn Hội Sau khi chia làng, ông trở thành Kế hiền của làng mới và sau đó là vị Tham thần đời thứ hai của làng Hội An Đông.

Thời kỳ chia làng 1912-1927

- Chức danh lãnh đạo làng Ban Hội Tế

- Trụ sở của làng: vàm kinh Cổ Đội (nay gọi là vàm kinh Cựu Hội)

+ Tên người lãnh đạo làng là Hương cả Bùi Qui Ngoạt

+ Tóm lược thân thế Ông sinh năm 1859, tại Ấp Thị, làng Hội An, tổng An Thành, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành tỉnh An Giang (nay là Chợ Mới, An Giang) Ông là hậu duệ của thái sư Bùi Đắc Tuyên (có họ hàng với

nữ tướng Bùi Thu Xuân), đã bị vua Gia Long cưỡng chế vào Nam khai hoang

+ Chức danh người lãnh đạo làng là Hương cả Bùi Ngọc Chiêu Ông là con trưởng của Hương cả Bùi Qui Ngoat.

Cuối thời kỳ Pháp thuộc 1927-1945

- Chức danh lãnh đạo làng Ban Hội Tế

- Trụ sở của làng chợ Cái Tàu Thượng

+ Chức danh người lãnh đạo làng hương cả Lê Thành Sang

+ Tóm lược thân thế Ông sinh trưởng tại Ấp Thị, làng Hội An, tổng An Thạnh Thương, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang), sau này ông làm đến Kế hiền.

+ Chức danh người lãnh đạo làng Hương cả Lê Thành Sự

+ Tóm lược thân thế: Ông cư ngụ tại mương Bà Phú (nay thuộc về Ấp Thị 2) Ông là em thứ bảy của Kế hiền Lê Thành Sang.

+ Chức danh người lãnh đạo làng Hương cả Nguyễn Văn Nhuận

+ Tóm lược thân thế Ông sinh trưởng và cư ngụ tại rạch La Kết, nay thuộc về ấp An Thuận, xã Hội An

Thời kỳ chánh quyền cách mạng (1945-1954)

- Tên gọi chính quyền. Ủy Ban nhân dân

- Trụ sở xã Chùa Bà Lê và những gia đình tham gia làm cách mạng

- Tên người lãnh đạo làng Chủ tịch Võ Văn Dương
Ông sinh trưởng gần mương Hội Đồng, thuộc ấp An
Ninh, làng Hội An

- Tên người lãnh đạo làng Chủ tịch Lê Ngọc Duẩn
(năm On)

Ông sinh trưởng tại mương Bà Phú, thuộc Ấp Thị
làng Hội An, cư ngụ tại chợ Cái tàu Thương Là con thứ
năm của Hương cả Lê Thành Sự

Tên người lãnh đạo làng Chủ tịch Nguyễn Văn Cửa
Ông sinh trưởng tại ấp An Ninh, làng Hội An

Thời kỳ Đảng phái chánh trị (1950-1954)

- Tên gọi: Văn phòng Tham mưu Đại đội 11

- Trụ sở: Đối diện nhà Lồng chợ Cái Tàu Thương

- Tên người lãnh đạo: Tham mưu trưởng Trần
Quang Ứng

Ông sinh trưởng tại làng Bình Thành Tây (gần chợ Lấp
Vò) thuộc tổng An Phú, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên
(nay là xã Hoà An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang)

Thời kỳ Việt Nam Cộng Hoà (1954-1975)

- Chức danh lãnh đạo xã 1954-1956: Hội đồng Hương
Chính

- Trụ sở: sử dụng lại Văn phòng Tham mưu Đại đội 11

+ Tên người lãnh đạo xã chủ tịch Trần Lương Hiền

Ông sinh trưởng tại kinh Cựu Hội, thuộc ấp An Phú
Sau đó, cư ngụ tại bến đò qua nhà thờ Rạch Sáu

+ Chức danh lãnh đạo xã 1956-1967: Hội đồng xã

+ Trụ sở: Văn phòng Tham mưu Đại đội 11

+ Tên người lãnh đạo xã (1956-1960): Chủ tịch Trần Lương Hiền

+ Tên người lãnh đạo xã (1960-1964) Đại diện Nguyễn Văn Lạc (Sáu Nhac). Ông sinh trưởng và cư ngụ gần đình Hội An

+ Tên người lãnh đạo xã (1964-1967) Đại diện Bùi Văn Hoanh Ông sinh trưởng tại bến đò Rạch Sáu, cư ngụ tại chợ Cái Tàu Thượng

+ Chức danh lãnh đạo xã 1967-1971 Ủy Ban Hành chánh

+ Trụ sở. Lộ nhưa cách chợ 100 mét, nay là khu nhà bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ.

+ Tên người lãnh đạo. Chủ tịch Bùi Văn Hoanh

+ Chức danh lãnh đạo xã 1971-1975 Cơ quan chánh quyền

+ Tên người lãnh đạo xã trưởng. Bùi Văn Hoanh

Thời kỳ Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam

Đông khởi 1960, ở Hội An giành được quyền làm chủ, mở lờm được số nơi. Trên cơ sở đó, Đại hội thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng xã được tổ chức ở La Kết tuyên bố thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng xã, đồng chí Trần Văn Tái được bầu làm chủ tịch Mặt trận xã

- Chức danh lãnh đạo xã 1960-1975 Mặt trận Dân tộc giải phóng xã

- Người lãnh đạo: Chủ tịch Trần Văn Tái. Ông sinh trưởng tại ấp An Ninh, cư ngụ gần chùa An Phước.

Từ sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975-2008)

- Tên cơ quan. Ủy ban Quân quản, Ủy ban nhân dân cách mạng

- Trụ sở. Tiếp quản cơ quan chính quyền cũ

- Người lãnh đạo: Chủ tịch Ngô Hồng Tươi

Ông sinh trưởng tại chùa Bà lè, thuộc Ấp Thi, cư ngụ gần chùa (nguyên là Chánh án của Tòa án An Giang, hưu năm 2006).

- Tên cơ quan. Ủy Ban nhân dân

- Trụ sở. tiếp tục sử dụng trụ sở của chính quyền cũ

*** Họ và tên Chủ tịch UBND xã từ 1976 đến nay**

- Chủ tịch Nguyễn Văn Đức Ông sinh trưởng gần nương Hội đồng, thuộc Ấp Thi, hồi kết sau 30/4/1975 Hiện cư ngụ gần bến đò Cái Tàu đi Bình Tấn

- Chủ tịch Lê Văn Thêm Ông sinh trưởng tại ấp An Khương, gần vàm rạch La Kết

- Chủ tịch: Ngô Văn Sở Ông sinh trưởng và cư ngụ gần chùa An Phước, thuộc ấp An Ninh.

- Chủ tịch Nguyễn Đức Hồ Ông sinh trưởng và cư ngụ gần nương Hội Đồng, ấp An Ninh

- Chủ tịch. Nguyễn Ánh Việt. Ông sinh trưởng và cư ngụ tại ấp An Ninh thuộc về xã Mỹ An Hưng "A" huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp Hiện nay, ông là Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang

- Chủ tịch Lâm Hữu Sơn. Ông sinh trưởng tại rạch La Kết nay thuộc về ấp An Thuận. Hiện cư ngụ gần kinh Cựu Hội của ấp An Phú

Chủ tịch Lê Hồng Tơ Ông sinh trưởng và cư ngụ tại ấp An Ninh, xã Mỹ An Hưng "A", huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp Là con của đồng chí Lê Hưng Nhượng, Bí thư Huyện ủy Chợ Mới (1962-1963)

- Chủ tịch Trần Quốc Tuấn Ông sinh trưởng và cư ngụ gần chùa An Phước thuộc ấp An Ninh Là con của ông Trần Văn Tái, chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng của xã Hội An trong những năm đầu chống Mỹ

Chủ tịch Nguyễn Văn Dư Ông sinh trưởng tại ấp An Ninh, hiện cư ngụ tại phường Hội Đồng

- Chủ tịch Nguyễn Đức Hổ (tái nhiệm)

- Chủ tịch Trần Phước Lộc Ông sinh trưởng tại ấp An Khương (gần vàm La Kết) Hiện cư ngụ gần trường Trung học cơ sở Hội An.

- Chủ tịch Đinh Hiếu Trung Ông sinh trưởng và cư ngụ tại ấp An Ninh (gần phường hành chánh Cửa)

- Chủ tịch Phan Nguyễn Tường Ông sinh trưởng và cư ngụ tại xã Mỹ Lương (gần cột dây thép)

SÁCH BÁO TƯ LIỆU THAM KHẢO

- Hán Việt tự điển của Đào Duy Anh.
- Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn của Nguyễn Đình Đầu.

Phần Tư Liệu

- Trích dẫn Gia phả họ Nguyễn (Tuyên Trung Hầu) của ông Nguyễn Trường Chấn
- Chép lại Sắc Thần làng Hội An (âm Hán Nho của ông Võ Văn Chấn)
- Photo bản phiên dịch Sắc Thần làng Hội An (âm Quốc ngữ của sư cô Như Bảo)
- Photo bài về cháy chợ của cụ Bùi Xuân Hòa

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	1
Lời nói đầu	3
Vài nét về xã Hội An	5
Đặc điểm của làng Hội An	9
Ấp An Phú – sơ lược về ấp An Phú	10
Kinh Cựu Hội	11
Cổng Rộc Sen	14
Thánh thất Cao Đài	17
Cổ miếu Bà Đột	19
Nhà thờ Hội An	26
Ấp Thị 2 – sơ lược về ấp Thị 2	28
Đình thần Hội An	29
Mương Đình	35
Miếu Ông Hồ	36
Mương Ba Đon	39
Nhà máy nước Cái Tàu Thượng	41
Mương Bà Phú	44
Ấp Thị 1 - Sơ lược về ấp Thị 1	51
Trạm Y Tế	53
Khu dân cư	55
Đất Công Điền	57
Đò Cái Tàu	59
Nhà Bảo sanh Hội An	61
Xóm Việt Kiều	63
Trường trung học tư thục Hồng Đức	65

Trường Trung học Huỳnh Thị Hưởng và Trường THCS Hội An	66
Bia tường niệm Anh hùng liệt sĩ Huỳnh Thị Hưởng	69
Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Hội An	71
Nhà bia tường niệm Anh hùng liệt sĩ xã Hội An	73
Xóm Cồn	74
Rạch Cái Tàu Thượng	76
Cầu đúc Cái Tàu Thượng	79
Nhà dây thép Cái Tàu Thượng	81
Chợ Cái Tàu Thượng	84
Trụ sở Giáo hội Phật Giáo Hòa Hảo	100
Cầu nhỏ (phía sau chợ Cái Tàu Thượng)	101
Xóm hàng me	105
Trường Tiểu học "A" Hội An	108
Sân Bà huyện, Bến Bà Huyện	119
Sân vận động Hội An (sân banh Cái Tàu)	121
Miếu thờ Bảy Bà	123
Chù Bà Lê (Phước Hội tự)	126
Mộ tháp bà Đỗ Thị Ngọc	131
Mương Hội Đồng	132
Ấp An Ninh - Sơ lược về ấp An Ninh	134
Đường Đắp (nhà mồ ông Năm Quấn)	135
Mương Bà Kỳ	137
Cầu mương hành chánh Cửa	139
Mương Bà Cọc	140
Mương Sáu Chắp	141
Cầu Quay	143
Chùa Cầu Quay (chùa An Phước)	145

Ấp An Thuận - Sơ lược về ấp An Thuận.....	148
Mương Mười đầu	149
Ấp An Khương - Sơ lược về ấp An Khương	150
Rạch La Kết	151
Mương Bún	152
Mương Sung	153
Ấp An Thới - Sơ lược về ấp An Thới	159
Rạch rau Đắng	160
Ngã Cái	161
Xẻo Muồng	162
Ấp An Thái - Sơ lược về ấp An Thái	163
Rạch Cái Nai	164
Rạch Trà Bư	166
Ấp An Thịnh - Sơ lược về ấp An Thịnh	168
Xẻo Tràm	169
Ấp An Bình - Sơ lược về ấp An Bình	170
Mương Cai Hùng	171
Mương Ông Mười	172
Mộ Bà (ở Cái Nai)	173
Rạch Giồng	175
Rạch ngã Bát	176
Phụ chú	
- Danh sách giáo viên 1960 – 1970	177
- Những thầy cô lãnh đạo trường làng Hội An	178
- Lãnh đạo làng Hội An qua các thời kỳ	180
Sách báo tư liệu tham khảo	188

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN HỮU KHÁNH
Chủ tịch QUỸ TIẾP SỨC TÀI NĂNG AN GIANG

Biên tập:
Tiến sĩ NGÔ QUANG LĂNG
Cử nhân NGUYỄN THỊ KIM HUÊ

Biên soạn:
ÔNG KIM KHẢI

Trình bày:
TÔN PHƯỚC HÙNG
HỒ THỊ TRÚC ANH

Chế bản vi tính – sửa bản in:
TRÚC QUỲNH

In 400 cuốn, khổ 14.5 x 20.5cm, tại Công ty CP In An Giang. Giấy phép số 34/GP - STTTT do Sở TT&TT An Giang cấp ngày 18/5/2010. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5/2010.

